

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy

Xã luận

Theo hiến pháp Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thì quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất. Như vậy đáng lẽ cuộc bầu cử quốc hội ngày 19-5-2002 vừa qua đã phải là biến cố quan trọng nhất của đất nước trong vòng năm năm qua và đã phải thu hút tất cả mọi chú ý. Tuy nhiên dân chúng Việt Nam đã chẳng dành cho cuộc bầu cử này một sự chú ý nào. Ngay khi cuộc bầu cử diễn ra, mọi chú ý được dồn vào vụ án băng đảng xã hội đen Năm Cam.

Sự thờ ơ của dân chúng đối với sinh hoạt chính trị quốc gia đã đạt tới mức tột cùng của nó. Nếu những người lãnh đạo cộng sản có chút liêm sỉ họ phải hổ thẹn.

Dân chúng đã không có chọn lựa nào khác ngoài một sự lãnh đạm.

Cũng như mọi cuộc bầu

cử trước, đây chỉ là một trò hề "đăng cử dân bầu", điều khác biệt là trò hề này đã kéo dài quá lâu. Chính quyền cộng sản, tự nhận là "*của dân, do dân và vì dân*" - một khẩu hiệu khiêu khích - và tự coi là đặt trên tinh thần "*dân làm chủ, dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*" - một sự lãng mạ khác - không coi dân ra gì cả. Nếu thực sự muốn khiêu khích dân chúng với cuộc bầu cử này họ cũng khó làm hơn được.

759 ứng cử viên, trong đó 633 ứng cử viên là đảng viên Đảng Cộng Sản và 126 người không có thể đảng nhưng do đảng đưa ra, giành nhau 498 ghế đại biểu. Trung bình cứ ba ứng cử viên thì có hai người đắc cử. Mà thực ra ai đắc cử, ai thất cử hoàn toàn không có một tầm quan trọng nào. Họ đều là những người phục tùng đảng, được chọn vào một định chế có chức năng chính thức hóa những quyết định của một nhóm người cầm quyền trong đảng. Họ không được thảo luận và biểu quyết những vấn đề thực sự của đất nước, không những thế họ còn phải đóng kịch thảo luận, đôi khi còn phải thảo luận có vẻ gay go, trên những vấn đề vặt vãnh. Nhưng những việc nghiêm trọng như việc Đảng Cộng Sản nhượng đất cho Trung Quốc thì họ chỉ được gật chứ không được bàn.

Quốc hội mới không phải không có một số cải tiến. Các đại biểu tương đối trẻ hơn và có trình độ văn hóa cao hơn. Họ có thể vẫn là những bù nhìn ngoan ngoãn nhưng cũng là những bù nhìn thông minh và hiểu biết hơn. Dự luận sẽ lầm nếu coi thường sự kiện này. Càng hiểu biết

và thông minh, người ta càng khó phục tùng một các ngoan ngoãn. Càng trẻ, người ta càng cảm thấy sự lố bịch của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản cũng sẽ rất lầm nếu nghĩ rằng họ có thể yên trí với quốc hội mới này sau khi đã thận trọng gạn lọc các ứng cử viên. Quả thực họ đã không lấy bất cứ một rủi ro nào. Họ đã loại bỏ một cách thô bạo bốn ứng cử viên tự do. Họ muốn nắm không những 100% đại biểu quốc hội mà cả 100% ứng cử viên. Nhưng khi một chế độ đã đến lúc phải bị đào thải thì ngay cả những dụng cụ đắc lực của nó cũng trở thành mối nguy. Và chính quyền cộng sản đang tiến đến gần sự đào thải. Một thế hệ mới không biết và cũng không muốn biết đến chủ nghĩa cộng

sản đã trở thành áp đảo, xã hội Việt

Nam ngày càng hội nhập với thế giới, sự hiểu biết đang đẩy lùi bóng tối của độc tài chuyên chính. Quan hệ giữa Đảng Cộng Sản và nhân dân là một quan hệ đàn áp. Tới một điểm mà sự đàn áp không tiếp tục được nữa, tình hình có thể biến chuyển một cách rất đột ngột và dữ dội.

Nhân dân Việt Nam cũng đã chứng tỏ một thái độ mạnh dạn hơn qua cuộc bầu cử này. Đã có những "đại biểu cử tri khu phố" công khai bênh vực việc ông Phạm Quế Dương ra ứng cử mặc dầu họ đều do công an chọn lọc. Đảng Cộng Sản không còn khả năng tìm ra đủ số người ngoan ngoãn nữa. Các cuộc thảo luận về bầu cử cũng đã khó khăn hơn hẳn cho đảng và nhà nước. Vào chính lúc cuộc bầu cử diễn ra những khiếu kiện tập thể đã biến thành những cuộc biểu tình thực sự có căng biểu ngữ và hô khẩu hiệu. Tại Thái Bình, dân chúng lại biểu tình và tuần hành. Tòa nhà cộng sản đang chao đảo.

Nếu có chút sáng suốt ban lãnh đạo cộng sản phải coi sự thờ ơ đối cuộc bầu cử quốc hội này như một báo động. Nó không khác một bầu không khí ngột ngạt và nặng nề báo trước một cơn bão lớn. Việt Nam bắt buộc phải chuyển hóa về dân chủ, điều này mọi người đều biết. Sự nghịch lý là cả nước muốn một chuyển biến hòa bình về dân chủ trong khi ban lãnh đạo cộng sản lại chống diễn tiến hòa bình, mặc dầu họ là những người có nhiều lý do nhất để lo sợ nếu sự chuyển hóa diễn ra trong bạo động. Không có dấu hiệu nào là họ sẽ tỉnh ngộ trước khi quá trễ.

Thông Luận

Về một *mal français*

Nguyễn Gia Kiểng

Người Pháp có biệt tài là luôn luôn tìm được lý do để thỏa mãn hoặc yên tâm. Họ la hoảng lên khi Le Pen, lãnh tụ đảng phát xít và kỳ thị chủng tộc Mặt Trận Quốc Gia về hạng nhì và được vào vòng chung kết cuộc bầu cử tổng thống. Động đất, ô nhiễm, vết nhơ trên mặt nước Pháp, xấu hổ cho người Pháp, v.v. ngôn ngữ Pháp không thiếu từ ngữ mạnh. Và lập tức họ xuống đường rầm rộ khắp nơi để bày tỏ sự phản nộ và hổ nhục. Sau đó Le Pen được 18%, thua xa Chirac (82%) và họ hân hoan reo mừng thắng lợi: nước Pháp đã rửa được mối nhục, đã đẩy lùi được hiểm họa phát xít, đã cứu vãn được các giá trị tự do, dân chủ, bao dung, nhân bản, v.v.

Nhưng có gì đáng mừng đâu? Và càng không có lý do gì để hãnh diện. Le Pen không hề suy yếu đi trong vòng hai, trái lại số phiếu bầu cho ông đã tăng lên gần một triệu phiếu so với vòng đầu. Vẫn còn 18% bầu cho Le Pen. Nếu nói rằng Le Pen là một mối nguy thì mối nguy này tăng lên chứ đâu có giảm đi ở vòng hai. Vẫn còn trên năm triệu rưỡi cử tri, một người trên năm người Pháp, bỏ phiếu tán thành phát xít.

Thực ra thì người Pháp không phát xít và cũng không kỳ thị chủng tộc hơn các dân tộc khác. Vấn đề là họ bức tức và cái giận đã làm mất cái khôn. Khi một dân tộc giận dữ, họ hành động như một đám đông, và một đám đông có thể hành động một cách rất sằng bậy và độc ác mặc dầu đại đa số cá nhân cấu tạo ra nó là những người tốt. Điều này chính một nhà tâm lý học người Pháp, Gustave Le Bon, đã nói ra từ hơn một thế kỷ nay.

Nhưng tại sao người Pháp bức tức? Họ có nhiều lý do.

Trước hết là tình hình an ninh ngày càng xấu đi. Trộm cướp, bạo hành gia tăng một cách nhanh chóng trong những năm gần đây trong khi chính phủ cánh tả tỏ ra quá dễ dãi với tội phạm. Kinh tế nước Pháp bắt đầu suy thoái sau gần năm năm tăng trưởng trong khi các biện pháp của Đảng Xã Hội (tuần lễ làm việc 35 giờ, hạn chế quyền sa thải công nhân của các xí nghiệp, v.v.) tỏ ra không những không đáp ứng được với tình thế mà còn có chiều hướng làm khó thêm cố gắng phục hồi. Các đòi hỏi đặc quyền của các ngành nghề và thành phần xã hội (hiến binh, cảnh sát, y sĩ, công nhân quan thuế, v.v.) đã chỉ gặp những phản ứng lúng túng của một liên minh cánh tả thiếu đồng

thuận trên nhiều vấn đề cơ bản. Tuy nhiên đó chỉ là những vấn đề nhất thời, luôn luôn được thổi phồng trong mọi giai đoạn tranh cử tại các nước dân chủ. Chúng có ảnh hưởng, nhưng không có ảnh hưởng quyết định. Riêng chiều bài chống người di dân thì càng ngày càng mất trọng lượng. Mọi chính quyền Pháp, dù là tả hay hữu, đều đã từ lâu hạn chế tối đa việc chấp nhận người di dân. Khỏi người Ả Rập, hơn bốn triệu người, cũng đã gần hoàn tất tiến trình hội nhập sau gần bốn thập niên.

Vấn đề thực sự là người Pháp đã quá chán nản với nhân sự chính trị của họ, tả cũng như hữu. Và họ hoàn toàn có lý. Nói chung, nước Pháp đã thoái bộ; lợi tức trung bình trên mỗi đầu người Pháp chỉ còn đứng thứ 12 trong số 15 nước thuộc Liên Hiệp Châu Âu, chỉ hơn được ba nước Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Hy Lạp cách đây không lâu còn bị coi là những nước kém mở mang. Pháp đã thua cả nước Ý nổi tiếng về tham nhũng, vô kỷ luật, mafia và với một khí hậu nhiệt đới bất lợi.

Không những suy thoái, Pháp còn bế tắc, và sự bế tắc này càng lộ diện rõ rệt hơn với sự ra đời của Liên Hiệp Châu Âu. Pháp và Đức đã là hai cột trụ chính của Liên Hiệp Châu Âu. Pháp đã góp phần chính đặt nền tảng cho liên hiệp này. Nhưng Pháp, với mâu thuẫn trí thức cố hữu, đã góp phần khai sinh ra một Liên Hiệp Châu Âu trái ngược với khuôn mẫu quốc gia của mình. Liên Hiệp Châu Âu được kiến tạo như một liên bang đang hình thành trên nền tảng tản quyền, kinh tế thị trường, tư doanh và cạnh tranh tự do, trong khi Pháp là một nước có một chính quyền tập trung và một nền kinh tế còn nặng tinh thần *service public* (dịch vụ công cộng) với nhiều công ty quốc doanh lớn. Toàn bộ các nước trong Liên Hiệp Châu Âu, và cả Liên Hiệp Châu Âu sẽ hình thành, theo chế độ đại nghị trong khi Pháp theo chế độ tổng thống. Liên Hiệp Châu Âu cần có một ngôn ngữ chung, mà ai cũng biết sẽ là tiếng Anh, trong khi Pháp lại cố gắng bảo vệ ngôn ngữ của mình và cố đòi một *exception culturelle* (ngoại lệ văn hóa). Sự xung đột giữa hai mô hình này khiến dự án Liên Hiệp Châu Âu, dự án chính trị đáng kể duy nhất của nước Pháp sau Thế Chiến II, bị tắc nghẽn và sự lỗi thời của tổ chức xã hội Pháp bị phơi bày rõ rệt.

Nói chung, nước Pháp đang đi xuống, các khó khăn đang tích lũy vì một tổ chức xã hội không còn thích hợp, và việc hội nhập bắt buộc vào một liên bang Châu Âu, mà hình như chính giới Pháp chờ đợi như một giải pháp cho những vấn đề nội tại của Pháp, đang bế tắc. Phải có những giải pháp rõ rệt và quả quyết. Nhưng các chính đảng truyền thống, dù tả hay hữu, đã không có dự án chính trị nào. Cử tri Pháp đã thất vọng, giận dữ và mất bình tĩnh. Cần lưu ý rằng trong cuộc bầu cử tháng 5 vừa qua, một mặt, cả liên minh cánh tả của thủ tướng Jospin lẫn liên minh cánh hữu của tổng thống Chirac đều mất phiếu và, mặt khác, không phải chỉ có đảng cực hữu của Le Pen thắng lợi mà các đảng cực tả cũng thắng lớn. Ngoài ra các đảng nhỏ với những đòi hỏi cá biệt và cực đoan đều thắng lợi. Nói chung đây là cuộc bỏ phiếu bày tỏ bức bối với các chính đảng vẫn thay nhau cầm quyền. Khủng hoảng của

nước Pháp hiện nay là khủng hoảng lãnh đạo. Và đây là một tai ách của nước Pháp một *mal français* nếu muốn dùng một thành ngữ quen thuộc- đã bắt đầu từ khá lâu.

Trước Thế Chiến II, chính quyền Pháp nằm trong tay những người làm chính trị chuyên nghiệp. Họ có thể là luật sư, kỹ sư, bác sĩ, giáo sư, nhà văn, doanh nhân, nông dân hay tiểu thương, họ cũng có thể thuộc cánh tả hay cánh hữu, nhưng họ có chung là một đam mê về chính trị. Họ hiến cuộc đời họ cho hoạt động chính trị, chấp nhận những gian lao của hoạt động chính trị. Họ sống cuộc sống vất vả, đôi khi nguy hiểm, và thông thường là không giàu có, của những người làm chính trị. Nhưng nền cộng hòa thứ ba của Pháp đã sụp đổ trước cuộc tiến công của quân đội quốc xã Đức. Như sau mọi thảm bại, nhân sự chính trị bị mất tín nhiệm và bị lỗ bịch hóa. Một nhân vật kiệt xuất đột ngột xuất hiện và chế ngự chính trường Pháp: tướng De Gaulle.

De Gaulle là một nhân vật rất đặc biệt, hiếm có trên thế giới. Ông có kiến thức rất rộng, có một tài hùng biện ít ai bì kịp, có viễn kiến, có chiến lược và rất khéo trong cách vận dụng người. Nói chung, De Gaulle là một lãnh tụ chính trị lý tưởng. Nhưng De Gaulle sinh ra trong một gia đình quý tộc và gia nhập quân đội theo truyền thống gia đình. Là một quân nhân, ông không được phép hoạt động chính trị và đành bất lực khoanh tay nhìn các lãnh tụ các chính đảng tài năng kém hẳn ông thay phiên nhau cầm quyền. Nếu không có cuộc thảm bại của Pháp trong thế chiến II thì chắc chắn De Gaulle đã về hưu với quân hàm đại tá, rồi chết đi mang theo thiên tài chính trị sang thế giới bên kia. Sự bức bối nhuốm phần ghen tức với nhân sự chính trị của thế hệ ông đã khiến De Gaulle luôn luôn dị ứng với các chính đảng và những người hoạt động chính trị chuyên nghiệp.

Năm 1944, sau khi vừa thắng lợi và cầm quyền, De Gaulle nhờ một người bạn tìm cho ông ta "một thạc sĩ biết viết" (*un agrégé qui sache écrire*). Học vị thạc sĩ mà De Gaulle nói tới ở đây là thạc sĩ về tiếng Pháp, học vị danh giá nhất của nước Pháp lúc đó về văn học. Người bạn này giới thiệu cho De Gaulle một thanh niên, Georges Pompidou, mà De Gaulle dùng làm thư ký riêng. Mầm mống của tai ách mới của nước Pháp, *un nouveau mal français*, đã bắt đầu từ đó.

Georges Pompidou lúc đó 33 tuổi, tốt nghiệp trường Normal Sup, trường danh giá hạng nhất và vượt trội của Pháp. Pompidou tỏ ra đặc biệt tài giỏi và được De Gaulle hoàn toàn tin cậy, cất nhắc lên nhiều chức vụ ; làm tổng thư ký phủ tổng thống rồi thủ tướng sau khi De Gaulle trở lại cầm quyền lần thứ hai. Năm 1969 De Gaulle từ chức, Pompidou trở thành tổng thống Pháp.

Pompidou mở đầu ra một kỷ nguyên chính trị mới : kỷ nguyên hoạt động chính trị không hy sinh, không vất vả, không lý tưởng. Khi Thế Chiến II bùng nổ, Pháp thua trận và bị chiếm đóng, Pompidou 29 tuổi, đang ở tuổi cường tráng và đã học xong. Pompidou có mọi lý do để xả thân tranh đấu để chống Hitler và cứu nước Pháp, nhưng trong khi những thanh niên cùng lứa tuổi với mình tham gia

kháng chiến chấp nhận bị giết, tù đầy và tra tấn thì Pompidou bình thản tiếp tục đi dạy học như một công chức của chính quyền chiếm đóng. Hành động yêu nước duy nhất của Pompidou là đã tham dự cuộc biểu tình mừng Paris được giải phóng. Tuy vậy nhờ có tài, được việc cho De Gaulle và được De Gaulle tin dùng, Pompidou đã được cất nhắc vào những chức vụ trọng yếu. Sau khi De Gaulle mất chức và phải rời chính quyền trong 13 năm, Pompidou cũng thôi hoạt động chính trị, đi làm chủ tịch tổng giám đốc cho một ngân hàng lớn nhờ thế lực của De Gaulle. Đến khi De Gaulle trở lại cầm quyền năm 1958, Pompidou, theo chính lời ông, còn lưỡng lự không biết có nên bỏ chức tổng giám đốc ngân hàng nhiều bổng lộc để làm việc với De Gaulle hay không. Dầu vậy Pompidou vẫn được cất nhắc làm tổng thư ký phủ tổng thống, rồi thủ tướng, và sau cùng đắc cử tổng thống. Pompidou đã là một mẫu mực của nhân sinh quan tránh gian lao, hưởng danh vọng. Nước Pháp, và tướng De Gaulle, đã trọng cái tài hơn là cái tâm, đã đặt lợi trước nghĩa lớn, đã bội bạc với những người có tâm huyết.

Từ sau Pompidou, nước Pháp trượt một cách liên tục và chắc chắn vào chủ nghĩa thực dụng, và lãnh đạo chính trị nước Pháp ngày càng trở thành phù phiếm. Bản thân Pompidou còn khá. Ông còn có liên hệ mật thiết với quần chúng, với nước Pháp nền tảng, với *la France profonde*. Ông là con của một giáo viên, lớn lên trong một gia đình nghèo. Dù không có khí phách của một người dũng cảm, Pompidou có bản tính giản dị và thực thà, lại có khả năng suy nghĩ đúng đắn và có tài hùng biện của một người có trí tuệ và nắm được thực tế. Nhưng những đứa con tinh thần của ông lại khác. Pompidou không phải là một nhà tư tưởng cũng không phải là một chính trị gia đúng nghĩa, do đó ông đã thiếu viễn kiến và trong thời gian làm thủ tướng rồi tổng thống đã tạo ra cả một nhân sự chính trị thiếu khí phách như ông, nhưng lại không có được cái gốc quần chúng của ông. Họ là những con người trưởng giả, có bằng cấp rất cao, có tài ăn nói, nắm vững các số liệu và biết khai thác các số liệu. Nói chung, họ là những chuyên viên, những *technocrates*.

Con người lỗi lạc nhất của "thế hệ Pompidou" là Valéry Giscard d'Estaing, tốt nghiệp Trường Bách Khoa (Ecole Polytechnique), trường kỹ sư số một của Pháp và Trường Quốc Gia Hành Chánh, cũng là trường chính trị số một của nước Pháp. Giscard cũng không tham gia kháng chiến, bình thản đi học lúc nước Pháp bị chiếm đóng. Sau khi tốt nghiệp hai trường lớn nhất nước Pháp, Giscard lui tới các sa lông của giới thượng lưu, được một bà lớn giới thiệu cho một ông bộ trưởng, làm cố vấn, thứ trưởng, rồi bộ trưởng tài chánh lúc mới ngoài 30 tuổi. Sau đó danh tiếng nổi như cồn và đắc cử tổng thống Pháp năm 48 tuổi, một hiện tượng chưa từng có tại Pháp. Với Giscard, nước Pháp thực sự đi vào một kỷ nguyên mới : kỷ nguyên của các cấp lãnh đạo chính trị "đẹp trai, con nhà giàu, học giỏi". Dù Giscard đã thất cử và thôi cầm quyền từ 21 năm nay, có thể nói nước Pháp vẫn chưa ra khỏi thời đại Giscard, một thời đại mà người ta có thể đánh giá một cách

ngắn gọn là thời đại tôn sùng bằng cấp.

Ở trung tâm của tâm lý bệnh hoạn này là Trường Quốc Gia Hành Chánh (Ecole Nationale d'Administration), gọi tắt là ENA. Trường này, như tên gọi của nó, được lập ra để đào tạo công chức. Nhưng nó đã được Pompidou, rồi Giscard, tận tình nâng đỡ để trở thành trường đào tạo mọi cấp lãnh đạo của Pháp. Hiện tượng Giscard tài giỏi và phong nhã đã quyến rũ dân Pháp và trí thức Pháp đến nỗi trường ENA trở thành một mẫu mực và một lý tưởng của người Pháp. Không những cánh hữu, mà ngay cả cánh tả cũng bị cuốn hút vào sự sùng bái ENA và, cùng với ENA, các trường lớn danh tiếng nhất của Pháp. Cánh tả Pháp còn có phần khoa bảng hơn cả cánh hữu. Một thống kê cho thấy chỉ sáu trường lớn nhất của Pháp, mỗi năm đào tạo khoảng 2.000 người, chiếm 95% cấp lãnh đạo chính quyền và các công ty lớn của Pháp.

Một thanh niên 25 tuổi tốt nghiệp ENA, chưa hề qua một kinh nghiệm thực tiễn nào, nếu tốt nghiệp cuối bảng cũng được bổ nhiệm ngay làm tỉnh trưởng (préfet) hay phó tỉnh trưởng. Nếu tốt nghiệp hàng đầu thì được trực tiếp vào Tham Chính Viện (Conseil d'Etat). Cỡ trung bình thì được bổ nhiệm vào các văn phòng bộ trưởng và một vài năm sau làm tổng giám đốc các công ty lớn, quốc doanh hay tư doanh. Mẫu thuẫn lối sống nhất là trong lúc cả nước Pháp kêu gọi giảm bớt công chức và quốc doanh để phát triển tư doanh thì những người được đào tạo để làm công chức lại chế ngự khu vực tư doanh, và sự khống chế này liên tục tăng lên, và tăng nhanh, từ ba thập niên qua.

Trong đà mê muội, người Pháp đã mất khả năng đánh giá con người. Hình như họ tin là có những con người bẩm sinh vượt hẳn những người khác và đương nhiên phải được vai trò lãnh đạo hàng đầu. Và bằng cơ của sự hơn hẳn đó là thi đậu vào các trường lớn nhất ở lứa tuổi 20. Tất cả những đức tính khác : kiên trì, dũng cảm, lương thiện, yêu nước, đam mê, sáng tạo, chấp nhận rủi ro, v.v. đều chỉ là thứ yếu. Đức tính quan trọng nhất chỉ là giỏi, hay đúng hơn là học giỏi.

Nhưng những cấp lãnh đạo này có giỏi thực hay không lại là một chuyện khác. Cái gì đảm bảo rằng những điều được giảng dạy trong các trường lớn và được đem làm đề thi để tuyển chọn nhân tài bao gồm hết những kiến thức cần có trong thế giới càng ngày càng phong phú và đa dạng này. Chưa chắc đã được 5%. Điều chắc chắn là những người may mắn này thiếu tâm hồn, và cũng thiếu cả kiến thức thực sự. Họ cũng như những người khác thôi, chỉ may mắn hợp với một vài môn học. Nhưng ngay cả trong những môn này họ cũng học nhanh quá nên chưa tiêu hoá được. Họ được đẩy quá nhanh vào thượng tầng lãnh đạo để có thời giờ và cơ hội học hỏi những kinh nghiệm và kiến thức thực sự của cuộc sống. Họ có thể biết khá nhiều nhưng không thấu hiểu gì cả. Họ sống thành một giai cấp thượng lưu riêng, hời hợt và thỏa mãn, yêu nước Pháp như yêu rượu champagne.

Cả nước Pháp đồng ý là điều nước Pháp thiếu nhất là một dự án chính trị quốc gia. Nhưng làm sao có được một dự án quốc gia với những cấp lãnh đạo này ? Một dự án

quốc gia chắc chắn đòi hỏi nhiều kiến thức, nhưng nó đòi hỏi trước hết nhiều năm dần vật suy tư, nhiều năm vật vã với thực tại và các sự kiện, để nghe và hiểu từng hơi thở của đất nước. Nó đòi hỏi trí tuệ, trái tim, kinh nghiệm sống và một sự sáng tạo chỉ có thể đạt tới sau một cuộc động não dai dẳng đến kiệt sức. Dự án này những con người quá được ưu đãi và thành công quá dễ dàng không thể đem lại. Họ không có thì giờ. Họ là một giai cấp riêng, dù thuộc cánh tả hay cánh hữu, cách biệt với phần còn lại của nước Pháp, gắn bó với nhau, liên đới với nhau, bảo vệ lẫn nhau để duy trì những đặc quyền. Họ trở thành cái mà người Pháp gọi là *Le Système* (giới danh phận, Establishment) cách biệt với quần chúng. Trong cuộc bầu cử tổng thống vừa qua, điều mà người Pháp đã thực sự biểu lộ là sự tức giận đối với *Le Système*.

Dù chúng ta nhận xét gì về họ đi nữa thì những đảng viên đảng Mặt Trận Quốc gia (Front National) của Le Pen, đảng Công Nhân Đấu Tranh (Lutte Ouvrière) của Arlette Laguiller hay Liên Đoàn Cộng Sản Cách Mạng (Ligue Communiste Révolutionnaire) của Besancenot cũng vẫn còn hơn nhân sự chính trị hiện nay của Pháp. Ít ra họ có lý tưởng và niềm tin (dù là lý tưởng hão huyền và niềm tin sằng bậy), họ biết họ không bao giờ nắm được chính quyền, họ biết họ sẽ không bao giờ thành công, nhưng vẫn phấn đấu với tất cả tâm huyết cho những gì họ tin.

Trước mặt họ là những con người sung sướng và thoải mái, không có yêu cầu và thời giờ để nặn óc suy tư hay đổ mồ hôi tranh đấu, nhưng vẫn lãnh đạo, và đưa nước Pháp đi xuống một cách chậm chạp nhưng chắc chắn. Cái *mal français* mới của nước Pháp chính là nhân sự chính trị này.

Nước Pháp cần phục hồi lại những giá trị mà họ vẫn có, và có nhiều, nhưng đã lỡ quên trong một giai đoạn. Đó là niềm tin rằng mỗi con người sinh ra với khả năng gần như nhau, chỉ hơn nhau nhờ cố gắng học hỏi, ở nhà trường và nhất là trong cuộc sống ; đó là các giá trị của muôn đời : sự lương thiện, sự kiên trì, sự dũng cảm, óc sáng tạo, lòng yêu nước và sự tận tụy với đất nước.

Sau khi đắc cử, tổng thống Chirac đã bổ nhiệm một thủ tướng mới, ông Jean-Pierre Raffarin. Ông này tốt nghiệp ở một trường thương mại khá, nhưng không thuộc những trường lớn hàng đầu. Ông đã làm việc trong các xí nghiệp tư, lên dần tới chức giám đốc, rồi tham gia hoạt động chính trị, leo dần các nấc thang trong đảng và giữ chức bộ trưởng đặc trách các xí nghiệp nhỏ và trung bình. Ông đang là thị trưởng của một thành phố trung bình tại Pháp. Ông có dáng dấp, thái độ và ngôn ngữ của một người Pháp trung bình. Trong chính phủ của ông, nhiều bộ quan trọng được giao phó cho những nhân vật không thuộc giới khoa bảng nhưng có nhiều kinh nghiệm trong sinh hoạt của xã hội dân sự. Tôi tin là chính phủ của ông sẽ thắng lợi trong cuộc bầu cử quốc hội tháng 6 này để được duy trì, ông là mẫu người lãnh đạo mà nước Pháp đang cần.

Đây là một thay đổi theo chiều hướng tốt. Nhưng vẫn mới chỉ là bước đầu. Chưa đủ.

Nguyễn Gia Kiểng

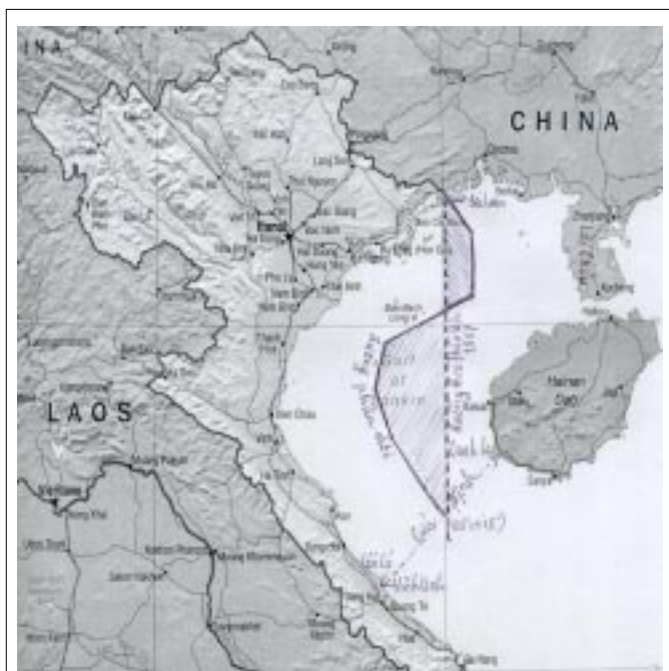
Mọi tấm lòng Việt Nam không thể ngồi yên

Hãy phơi bày những điều ngang trái và phi pháp trong các hiệp định Việt-Trung !

Bài Tin

Các bản đồ dưới đây tự nó nói lên nhiều điều, có khi hùng hồn hơn những bản kết tội.

Bản đồ 1



Bản đồ phân chia lãnh hải Việt Nam - Trung Quốc
năm 1887 và 2001

1. Theo Hiệp ước Pháp-Trung Quốc năm 1887, đường phân giới hành chính trong vịnh Bắc Bộ là đường màu đỏ, từ điểm biên giới (giữa Móng Cái và Đông Hưng) vạch thẳng xuống phía Nam, theo đường kinh tuyến 103°03'18" Đông. Đường này chia Vịnh Bắc Bộ làm hai, phía Tây là của Việt Nam (62%), phía Đông là của Trung Quốc (38%). Vịnh Bắc Bộ, đo đến "đường đóng cửa Vịnh" (ligne de fermeture), vạch từ Vĩnh Linh qua đảo Cồn Cỏ đến mũi Oanh Ca (Tây Nam đảo Hải Nam).

2. Theo Hiệp định Việt-Trung về phân chia Vịnh Bắc Bộ ký ngày 25-12-2000 thì đường phân giới mới có thay đổi nhiều so với đường phân giới hành chính 1887 nói trên. Ở phía Bắc, Việt Nam có được thêm một diện tích nhỏ chừng hơn 2.000 km² ở cửa sông Bắc Luân ra, nhưng lại mất một diện tích lớn đến 12.000 km² ở phía Nam, lại ở vùng trung tâm Vịnh Bắc Bộ.

- Bước vào đàm phán, Việt Nam "xin" nhượng 1% diện tích cho Trung Quốc, chỉ giữ tỷ lệ 61%, nhưng Trung Quốc

nhất mực đòi chia đôi 50/50, và sau cùng "chịu" nhận tỷ lệ 53,23% trên 46,77%. Với tỷ lệ mới, Việt Nam bị mất hơn 10.000 km², lại là vùng trung tâm, béo bở nhất, có nhiều hải sản, tiềm năng hơi đốt, dầu mỏ cùng các quặng khác.

- Khi bước vào đàm phán, Việt Nam đề ra yêu cầu đường phân tuyến đi qua điểm trung tâm, giữa đảo Bạch Long Vĩ (của Việt Nam) và đảo Hải Nam (của Trung Quốc), nhưng phía Trung Quốc bác bỏ yêu cầu ấy, đòi đường phân giới đi qua các điểm trung tâm giữa bờ biển phía Tây đảo Hải Nam với ven biển Việt Nam từ Hải Phòng đến Vĩnh Linh.

- Theo các tiêu chuẩn quốc tế để giải quyết một vùng biển nửa kín như Vịnh Bắc Bộ, phía Việt Nam đều có lý do áp đảo :

a. Đường cơ sở ven bờ biển và quanh các hải đảo của Việt Nam gần gấp đôi phía Trung Quốc.

b. Số đảo của Việt Nam chính thức là 1.300, nếu kể cả các hòn đảo nhỏ là gần 2.000, còn phía Trung Quốc chỉ có... 6 đảo !

c. Số dân sống bên bờ Vịnh, phía Việt Nam là 20 triệu (nếu tính cả Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ là gần 40 triệu), phía Trung Quốc là 6 triệu (nếu tính cả số dân ở phía Đông đảo Hải Nam, bên bờ Thái Bình Dương, là 9 triệu).

d. Về đóng góp cho hình thành Vịnh, các con sông ở Việt Nam vừa nhiều, vừa có lưu lượng lớn, tải phù sa gấp hàng chục lần phía Trung Quốc.

Bản đồ 2



Bản đồ vùng đánh cá chung và vùng đánh cá quá độ
theo hiệp định đánh cá ký ngày 25-12-2000

Theo Hiệp định đánh cá chung trong Vịnh Bắc Bộ, cũng được ký ngày 25-12-2000, hai bên thỏa thuận thành lập "vùng đánh cá chung" rộng 61 hải lý, ở phía Nam lên đến vĩ tuyến 20°, chiều rộng từ đường phân tuyến vạch ra

mỗi bên 30,5 hải lý.

Diện tích toàn Vịnh Bắc Bộ là 120.000 km². Vùng đánh cá chung rộng 33.500 km², chiếm 27,9% diện tích của toàn Vịnh, cách bờ biển của hai bên chừng 30 hải lý. Hiệp định về đánh cá chung có giá trị 15 năm.

- Có thể thấy rõ phần của Trung Quốc góp vào vùng đánh cá chung hầu hết là nằm trong vùng họ vừa được phía Việt Nam nhượng cho (!).

- Hai bên còn thỏa thuận lập thêm một "vùng quá độ" ở phía Bắc đảo Bạch Long Vĩ, chủ yếu trong vùng biển của Việt Nam, nhằm cho tàu hai bên cùng đánh cá trong thời hạn 4 năm.

Những vấn đề người dân Việt trong và ngoài nước đang quan tâm

Những người cầm quyền cao nhất và bộ máy tuyên truyền bênh vực họ cho đến nay vẫn giữ kín nội dung các hiệp ước và hiệp định Việt-Trung đã ký. Họ chỉ cho người thừa hành và kẻ phát ngôn xoa dịu dư luận rằng : việc ký kết là công bằng, là thỏa đáng, là có lợi cho các bên, là đóng góp tích cực cho hòa bình, hữu nghị, đổi mới, hợp tác.

- Chúng ta cần đấu tranh liên tiếp và bền bỉ, đòi công khai hóa các hiệp ước và hiệp định, theo chính phương châm mà họ đề ra : dân biết, dân bàn, dân kiểm tra.

- Yêu cầu quốc hội mới khóa 11 sẽ khai mạc vào đầu tháng 7-2002 thảo luận về các hiệp ước và hiệp định đã ký; ở trong nước, bà con ta nên yêu cầu quốc hội ra quyết định thành lập một ủy ban của quốc hội đặc trách nghiên cứu về các văn bản đã ký, đồng thời lên các vùng biên giới để điều tra tại chỗ về tình hình mọi mặt, về các cột mốc cũ, mới, đã di chuyển (cán bộ quân sự trong nước am hiểu tình hình cho biết : thời Pháp có 300 cột, nay còn 50 cột cũ, có 142 cột đã bị dời chỗ và có 70 cột mới làm giả cột cũ. Cột bị dời chỗ và cột mới giả làm cột cũ đều do lính Trung Quốc di chuyển hoặc mang sang chôn khi chúng đánh sang và lấn chiếm suốt từ 1978, 1979 và 1993. Quốc hội khóa 11 vẫn chỉ là một trò cười : đảng chọn, dân bầu, nhưng đây là một thử thách sơ đẳng nhất về bản chất của cái gọi là "đổi mới", cũng là một thử nghiệm về cái gọi là "cải cách hành chính", "xây dựng cơ chế mới" mà họ đề ra.

- Được biết phía Trung Quốc rất sốt ruột, yêu cầu phía Việt Nam phải thông qua sớm hiệp định phân chia Vịnh Bắc Bộ và hiệp định hợp tác nghề cá (lẽ ra đã thông qua năm 2001). Các chiến sĩ dân chủ ở trong nước đang dẫn đầu cuộc đấu tranh đánh động mạnh mẽ dư luận nhằm ngăn chặn việc quốc hội khóa 11 sẽ lén lút thông qua hai hiệp định trên, đòi hủy bỏ hiệp ước về biên giới trên bộ mà quốc hội khóa 10 đã thông qua một cách "mù mờ", có thể gọi là mờ ám hồi tháng 6-2000.

- Công đầu để dư luận trong và ngoài nước biết đến các hiệp định bất bình đẳng Việt-Trung thuộc về các chiến sĩ dân chủ trong nước, từ cụ Đỗ Việt Sơn ở Hải Phòng, đến nhà luật học Lê Chí Quang, nhà thơ Bùi Minh Quốc, nhà khoa học Nguyễn Thanh Giang, bác sĩ Nguyễn Đan Quế, nhà nghiên cứu Trần Khuê, nhà báo Phạm Quế Dương,

cũng như các sinh viên ở Hà Nội, Sài Gòn, Huế, Hải Phòng... đang dùng internet để truyền nhanh các tin tức về cuộc đấu tranh đang lan rộng này. Họ đang bị bộ máy an ninh trả thù một cách hung hãn và hèn hạ, nhưng đang được nhiều đồng bào, cán bộ và chiến sĩ quý mến và kính trọng.

- Dư luận trong nước còn khá xôn xao về những mưu đồ kinh tế của Bắc Kinh : hàng lậu tràn qua biên giới, sức ép đòi Hà Nội nhượng cho các dự án đầu tư lớn về sắt thép (mở rộng khu gang thép Thái Nguyên), thủy nhà máy thủy điện Lai Châu, sân vận động Hà Nội và khai phá quặng nhôm ở Lâm Đồng, với sự có mặt mới đây của bộ trưởng thương mại tàu Thạch Quảng Sinh...

- Dư luận của các nhà kinh tế học và giới kinh doanh quốc tế ở Pháp, Mỹ, Anh, Canada đều cho rằng các vụ đầu thầu của Bắc Kinh nhằm đầu tư vào Việt Nam là rất tai hại cho phía Việt Nam vì giá thường đã cao, kỹ thuật lại rất thấp, lạc hậu so với nhiều nước khác. Dân Việt Nam đã phải trả giá nặng nề cho khu gang thép Thái Nguyên, nhà máy phân đạm Bắc Giang, khu công nghiệp Việt Trì...

- Các anh em cựu chiến binh sinh hoạt ở Câu Lạc Bộ Ba Đình, Hà Nội, bàn nhiều về đòn võ tàu khá hiểm của các vị trùm bành trướng Bắc Kinh : chiếm Ải Nam Quan ở trên đất liền, một cửa ngõ chiến lược hiểm yếu hướng thẳng về thành Thăng Long, đồng thời tạo bàn đạp chiến lược ở vùng quá độ quanh đảo Bạch Long Vĩ để nhắm thẳng vào Hải Phòng và Hà Nội, tạo nên thế gọng kìm lợi hại trong chiến lược mới của Trung Quốc ở thế kỷ 21.

- Ở trong nước, các chiến sĩ dân chủ đã tỏ ra rất phấn chấn khi được biết ở hai nước cộng hòa Tadjikistan và Kirghizistan cuộc đấu tranh của nhân dân đã nổ ra khi hay tin về các hiệp định nhượng đất cho Bắc Kinh. Ngày 23-5, chính phủ Kirghizistan đã buộc phải từ chức trước cuộc đấu tranh của 11.000 nhân dân biểu tình và tuyệt thực đòi tự do báo chí, đòi công khai hóa các hiệp ước bí mật, đòi dân chủ hóa cuộc sống chính trị. Trước đó, nghị sĩ Azimbek Beknazarov, người đưa ra công khai vụ nhượng 900 km² đất cho Trung Quốc, đã bị bắt giam và sau đó đã được tự do. Cuộc khủng hoảng chính trị ở hai nước nói trên còn đang nổ tiếp.

- Các chuyên viên am hiểu tình hình kinh tế cho rằng ở Trung Á cũng như ở Đông Nam Á, cái mũi Bắc Kinh tỏ ra rất thính đối với mùi dầu hỏa và hơi đốt bốc lên từ Vịnh Bắc Bộ cũng như từ đất Kirghizistan và Tadjikistan. Nhiều bạn bè nhấn với Việt Nam rằng : chớ có nhượng bộ Trung Quốc, họ sẽ lấn tiếp. Hiện nay về kinh tế, họ còn yếu, họ cần thời gian 10, 15 năm. Nếu biết tạo thế, Việt Nam sẽ đi nhanh hơn Trung Quốc nhiều.

- Các chiến sĩ dân chủ trong nước nhấn chúng ta rằng: Hà Nội đang "làm rùm beng vụ án Năm Cam để lấp liếm vụ biên giới". Ta cần làm mạnh cả hai vụ ấy, vì nó cùng là sản phẩm của một chế độ độc đoán đang ở bước đường cùng, ngang nhiên chà đạp nhân dân và tổ quốc. Vụ án nhượng bộ lãnh thổ thiêng liêng của tổ quốc phải là vụ án mà mọi tấm lòng yêu nước ở bất cứ đâu cần quan tâm, thức tỉnh và chấn thân không chút do dự.

Bài Tin

TÔI KHÔNG ĐI BẦU !

Hôm nay, NGÀY 19-5-2002, ĐẢNG và NHÀ NƯỚC CỘNG SẢN VIỆT NAM tổ chức cái gọi là BẦU CỬ QUỐC HỘI THỨ 11.

Cách đây hơn một tháng, hai anh công an của Quận 3 và của Phường 9 đến "thăm" tôi và đề cập đến việc bầu quốc hội. Trong cuộc nói chuyện này, tôi cho hai anh công an đó biết là tôi sẽ không đi bầu. Họ hỏi tại sao ?

Tôi nói ngay với họ rằng tôi biết phòng phiếu sẽ chờ tôi đến hết giờ và cuộc bỏ phiếu sẽ kết thúc vào khoảng trưa vì dân chúng muốn bầu cho xong chuyện, chẳng có gì phấn khởi như tại các nước tự do dân chủ, ứng cử và bầu cử tự do, họ biết các ứng cử viên toàn là đảng viên cộng sản, chẳng có gì mới, chẳng có gì thay đổi.

Thật ra có bầu cử gì đâu, đây chỉ là một trò chơi xổ số cho mấy ông ứng cử viên đảng cộng sản mà Đảng và Nhà nước cùng mấy ông Mặt Trận đã chọn rồi. Một trò chơi xổ số tốn kém, bắt buộc mọi người phải tham gia trăm phần trăm. Muốn có bầu cử phải có tự do ứng cử và tự do bầu cử. Ở cái đất nước xã hội chủ nghĩa này, các ứng cử viên do Đảng và Nhà nước chọn sẵn rồi, sau đó được giới thiệu cho dân chúng để bầu theo đúng ý của Đảng. Nếu có một số nhỏ "tự ứng cử" thì cũng chỉ là người do Đảng chọn qua Mặt Trận Tổ Quốc, có đi bầu nhiều hay ít cũng vậy thôi.

Quốc hội này không phải là quốc hội của toàn thể 80 triệu dân, đảng viên cộng sản chỉ chừng khoảng 2 triệu mà chiếm trọn quốc hội 500 ghế, còn 78 triệu dân gồm bao nhiêu tài năng đức độ chỉ là con số không! Hai triệu đảng viên có được mấy người tài năng đức độ ? Đa số vào đảng để có chỗ đứng, để có bàn đạp tiến thân, để vinh thân phì da. Những người được bầu vào quốc hội không phải là dân biểu mà là đảng biểu, đảng biểu sao làm vậy. Mấy năm gần đây cũng có cãi cọ, trao đổi, chất vấn người này người nọ của nhà nước nhưng chỉ trên những chuyện nhỏ chứ đâu dám đụng những chuyện lớn của đất nước, như chuyện bỏ điều 4 hiến pháp, điều buộc 78 triệu dân không cộng sản phải theo học thuyết Mác Lênin, chuyện vi phạm nhân quyền và dân quyền, v.v. Đó là những vấn đề cấm kỵ, quốc hội không được đề cập tới.

Cả năm nay, từ trung ương đến tỉnh thành, quận huyện, phường xã, người ta tổ chức bao nhiêu hội nghị, bao nhiêu cuộc họp mặt giới thiệu ứng cử viên, tất cả chỉ là hình thức, vừa tốn kém vừa mất thì giờ. Như trong giới Công Giáo thành phố, có một linh mục ứng cử đại biểu quốc hội thay cho đại biểu cũ, số dân công giáo trên 500 ngàn người chẳng hay biết gì. Một buổi sáng đẹp trời, có tên một ứng cử viên mới, Đảng và Mặt Trận đã chọn để làm đại biểu cho giới công giáo, họ chẳng cần hỏi ý kiến trên 500.000 giáo dân. Chế độ xã hội chủ nghĩa tự nhận là "dân chủ hơn một trăm lần các nước tư bản, thật mỉa mai. Và tình hình này chung cho các giới.

Mấy ông dân biểu chỉ là những bù nhìn, chẳng dám nói những sai trái tày trời của Đảng và Nhà Nước, như trong các năm 2000-2001, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã ký tặng 700 cây số vuông lãnh thổ Việt Nam và 9% lãnh hải Bắc Việt cho Trung Quốc, thế mà chẳng có dân biểu nào lên

tiếng phản đối việc bán nước đó, họ đã ém nhem cái nhục đó đối với nhân dân Việt Nam. Buổi lễ cắm mốc mới không còn bắt đầu tại ải Nam Quan anh dũng mà bắt đầu từ cọc mốc số không nhục nhã kia. Chính ông Nông Đức Mạnh, chủ tịch quốc hội thời bấy giờ, đã lén lút thông qua hiệp ước nhượng đất đó cho Trung Quốc.

Để khỏa lấp cái nhục đó, Đảng và Nhà nước năm nay làm ồn ào tổ chức lễ giỗ tổ Hùng Vương hơn các năm trước, tại đền Hùng ngoài Bắc cũng như trong Nam. Riêng tại thành phố này, người ta long trọng khởi công xây dựng khu tưởng niệm các vua Hùng. Thật là trái khuấy, thật là trở trẽn khi chính quyền cam tâm nhường đất của vua Hùng, tổ tiên của dân tộc, cho Trung Quốc. Lùi biên giới cho Trung Quốc, không ai biết hổ thẹn với tổ tiên và dân tộc Việt Nam sao ?

Ngày 19-5-2002 là ngày bầu cử quốc hội khóa 11, ngày này cũng là ngày Đảng Cộng Sản Việt Nam mừng sinh nhật ông Hồ. Đó cũng là ngày đau buồn của gia đình tôi. Năm 1954, cũng vào ngày này, Việt Cộng đã dâng cho ông Hồ một món quà sinh nhật đầm máu bằng cách cho nổ mìn chiếc tàu chợ Huế-Đà Nẵng. Bao nhiêu hành khách vô tội đã chết, trong đó có người anh cả của tôi, ông Nguyễn Văn Quy, đang phục vụ trên chiếc tàu ấy. Hôm nay ngày 19-5-2002, tôi tưởng nhớ đến anh tôi, đến hàng triệu người đã chết một cách oan uổng trong cuộc chiến tranh anh em nam bắc tương tàn, để đưa tới một chế độ độc tài đảng trị hôm nay.

Linh mục Chân Tín (Sài Gòn, 19-5-2002)

Nguyệt san **THÔNG LUẬN**

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
(tháng 7 & 8 chỉ ra một số)

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

Tại Pháp : *Thông Luận*, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Giá một năm báo là 33 Euros. Ngân phiếu xin đề : *Vietnam Fraternité*.

Tại Đức : *Nguyễn Thanh Lương*, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Giá một năm báo là 33 Euros. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : *Thanh Luong Nguyen*, Konto nr : 00 77 70 82 94 - Bankleitzahl : 50 19 00 00.

Tại Hòa Lan : *Trần Bá Thành*, Braamland 76, 7542 CJ Enschede. Giá một năm báo là 33 Euros. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của *Stichting mensenrechten voor VietNam* (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

Tại Hoa Kỳ : *Thông Luận*, P.O. Box 7592, Fremont - CA 94537-7592. Giá một năm báo là 40 USD. Ngân phiếu xin đề : *Quan My Lan*. E-mail : qml@juno.com

Tại Canada : *Phạm Chu Thái*, 6220 Bois Brillouise, Anjou - Québec H1M-1Y1. Giá một năm báo là 50 CAD. Ngân phiếu xin đề : *Pham C. Thai*.

Tại Úc : *Son Dương*, 36 Clarence Street, Condell Park, NSW 2200. Giá báo một năm là 60 AUD. Ngân phiếu xin đề : *Thu S. Duong* (Báo Thông Luận).

Ưu tư và cuộc sống của tuổi trẻ Sài Gòn hiện nay

LTS : Hà Ngọc Báu là một Việt Kiều 38 tuổi, sinh sống tại Bỉ, đã về Việt Nam thường xuyên từ 1995 đến nay với tư cách là doanh nhân. Nhân dịp ghé thăm Paris, Hà Ngọc Báu đã đến thăm tòa soạn Thông Luận. Buổi nói chuyện đã diễn ra rất lý thú và hữu ích, chủ đề xoay quanh tâm tư và cuộc sống của tuổi trẻ Việt Nam hiện nay ở Sài Gòn. Dĩ nhiên đây chỉ là quan điểm riêng của ông Báu nhưng cũng đủ để suy diễn ra cho toàn xã hội. Chúng tôi xin trích dẫn sau đây những điểm chính.

- Sau nhiều năm làm việc và sinh sống tại Việt Nam, anh có nhận xét gì về thanh thiếu niên Việt Nam hiện nay ?

- Câu hỏi này rất khó trả lời. Tôi không có đủ thẩm quyền để nói về tâm tư và cuộc sống của thanh thiếu niên Việt Nam nói chung mà chỉ có thể đề cập tới những thanh thiếu niên Việt Nam ở Sài Gòn mà thôi, vì đó là thành phần mà tôi kề cận hằng ngày, trong quan hệ làm ăn cũng như trong quan hệ gia đình, bạn bè và thân thuộc. Tại những nơi khác tôi không dám có ý kiến.

- Theo anh, hiện nay thanh thiếu niên ở Sài Gòn quan tâm đến cái gì nhất ?

- Trước khi trả lời, tôi xin phân loại lứa tuổi của từng phần thanh thiếu niên, vì mỗi lứa tuổi có những quan tâm khác nhau. Ở đây tôi chỉ xin giới hạn vào hai nhóm : nhóm từ 18 đến 25 tuổi và nhóm từ 26 đến 35 tuổi. Trong mỗi nhóm tôi sẽ lần lượt đề cập đến những thành phần may mắn và những thành phần kém may mắn, phải tự mình tìm kế mưu sinh.

Nhóm từ 18 đến 25 tuổi, tức lứa tuổi còn đang đi học hay vừa mới vào đời, phần lớn hiện đang sống với gia đình, do đó rất lệ thuộc vào gia đình nhưng cũng rất sống động. Nhóm này rất muốn bắt kịp đà tiến hóa chung của thế giới, nghĩa là sống theo thời trang (model), tìm hưởng thú vui như người phương Tây chứ không quan tâm đến những gì khác. Cũng nên nói thêm phương Tây ở đây là Hoa Kỳ chứ không phải Châu Âu.

Trong lứa tuổi này cũng phải chia ra làm hai thành phần : thành phần đang đi học và thành phần không còn đi học. Thành phần đang còn đi học thì phần lớn ham thích đua đòi và ăn diện như người nước ngoài, nếu thuộc diện gia đình giàu có. Những học sinh hay sinh viên thuộc diện gia đình bình dân hay nghèo thì dồn cố gắng vào học thêm sinh ngữ với hy vọng để tìm việc làm sau khi tốt nghiệp ; nếu là phái nam sự đua đòi theo bạn bè chỉ là tương đối và thường tham dự những trò giải trí lành mạnh do Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh tổ chức hay trong giới bạn bè thân thuộc ; nếu là học sinh, sinh viên phái nữ mà thích đua đòi thì không ai biết chuyện gì sẽ xảy ra vì rất khó kiểm soát, kể cả cha mẹ. Thành phần không còn đi học thì rất dễ biết, tất cả đều xuất hiện trong các hăng xưởng, chợ búa, chợ trời và trên đường phố ban ngày và ban đêm. Sinh hoạt của nhóm này rất khó xác định, có người không

tìm ra việc làm sống rất vất vả, có người làm ăn lương thiện chỉ đủ ăn qua ngày, có người làm ăn bất chính cuộc sống khá hơn mức trung bình. Nói chung những thanh niên không còn đi học đã hội nhập vào thị trường lao động bằng cách này hay cách khác.

Nhóm từ 26 tuổi đến 35 tuổi, tức lứa tuổi đã học hành xong và đã vào đời, cuộc sống đã được xác định. Một số đã lập gia đình, một số khác đã có địa vị xã hội rõ ràng, số còn lại (rất đông) tương lai rất bất bèn vì chưa có công ăn việc làm ổn định. Đối với những thanh niên trong lứa tuổi này, ưu tư lớn nhất của họ là kiếm tiền, thật nhiều tiền, để thỏa mãn những nhu cầu riêng tư hay cho gia đình. Những cái khác chỉ là phụ thuộc, không quan trọng, kể cả chế độ chính trị đương quyền hay tương lai đất nước. Chính vì muốn kiếm thật nhiều tiền, nhóm này đã tỏ ra rất năng động và rất thông minh. Nếu là một chuyên viên kỹ thuật, người này sẵn sàng học hỏi thêm để tiến thân trong mục đích tìm đồng lương cao hơn và làm việc trong các công ty nước ngoài. Nếu là một là một doanh nhân, người này dám chấp nhận rủi ro để đầu tư vào các ngành nghề có tiềm năng thu về lợi nhuận cao. Nếu là một người thất nghiệp mà muốn có cuộc sống cao, chuyện gì họ cũng sẵn sàng làm kể cả làm những chuyện bất chính hay tham gia vào các băng đảng xã hội đen.

- Ý thức chính trị của những thanh niên này có cao không ? Họ có sẵn sàng tham gia một tổ chức chính trị nào không ?

- Rất khó trả lời. Chính trị hình như là một đề tài cấm kỵ, từ trong gia đình đến ngoài xã hội, không ai dám bàn tới. Nếu có hỏi thì đại đa số đều nói không biết hay không thích. Sự kiện này cũng dễ hiểu thôi.

Những thanh thiếu niên đang còn đi học, trong các trường trung học và đại học công và tư, tất cả đều đã bị đoàn ngũ hóa, nghĩa là sinh hoạt dưới sự chỉ đạo của Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh. Tuy vậy, ý thức chính trị của những thanh niên này rất là kém, nếu không muốn nói là không có. Những gì họ biết được về đất nước và thế giới bên ngoài đều từ Đảng Đoàn mà ra. Cũng nên biết, trong học đường tất cả những sinh hoạt có tính chính trị đều do Đảng Đoàn chỉ đạo, sự giao tiếp và phát biểu đều bị kiểm soát gắt gao, do đó không ai dám tin ai, sự hiện diện của họ trong các đoàn thể này chỉ có mục đích kiếm điểm để lên lớp hay ra trường. Một cách cụ thể hơn, 84% thanh niên trong lứa tuổi này không quan tâm đến chính trị, 1% có quan tâm đến đất nước nhưng không dám bày tỏ ra bên ngoài, 15% còn lại thực sự quan tâm đến chính trị nhưng để được kết nạp vào Đảng Đoàn trong tương lai, phần lớn là con cháu cán bộ nhà nước. Ưu tư lớn nhất của những thanh niên trong lứa tuổi còn đi học này là tìm được công ăn việc làm với đồng lương khá để có cuộc sống vật chất thoải mái sau khi ra trường. Chính vì thế nhóm này rất siêng năng trung việc học hành ; sau các giờ học tập ở trường thì giờ nhàn rỗi của nhóm này là học thêm sinh ngữ để dễ tìm việc làm sau khi tốt nghiệp, vì nếu được tuyển dụng vào một công ty nước ngoài đó là một hạnh phúc lớn, mục tiêu của cuộc đời đã thành tựu. Thiên đàng hơn nữa

là được đi du học, đương nhiên là phải tự túc, chỉ có con cháu cán bộ học hành khá mới được hưởng học bổng.

Về những thành phần không còn đi học, nghĩa là đang đi làm hay đang tìm việc làm, bận tâm duy nhất của họ là kiếm được nhiều tiền để hưởng thụ. Tôi có thể qui tụ nhóm này vào chung với nhóm thanh niên ở lứa tuổi từ 26 đến 35, vì đa số đã vào đời và rất ít người còn đi học. Trong nhóm này, lạc quan lắm thì khoảng 5% còn quan tâm đến đất nước nhưng, cũng như 1% của nhóm trước, họ chỉ trao đổi trong phạm vi bạn bè và thân thuộc mà thôi. Khắc khoải của nhóm này là làm sao có được cuộc sống ngang bằng những người đã và đang thành công về cuộc sống vật chất. Trăn trở lớn nhất của nhóm này là sợ thua kém những thành phần con ông cháu cha hay con cháu cán bộ, mà họ thường gọi tắt là COCC hay CCCB, và Việt kiều.

Đối với những thành phần không có may mắn được đi học, vì nhà nghèo hay không có hộ khẩu thường trú, đời sống rất khó khăn. Ưu tư của phần lớn là làm sao kiếm tiền đủ ăn hằng ngày để nuôi gia đình, bất cứ nghề gì kiếm ra tiền là họ đều sẵn sàng tham gia, từ nghề đập xích lô đến phu khuân vác. Những người liều hơn sẵn sàng buôn lậu hàng quốc cấm hoặc tham gia các băng đảng xã hội đen để có thật nhiều tiền và cuộc sống dễ thở hơn, nhưng tương lai của nhóm này rất là bất bênh vì có thể bị bắt hay bị thanh toán bất cứ lúc nào. Những thanh niên loại này dám chỉ trích chính quyền với lời lẽ rất mạnh bạo nhưng sự tín nhiệm vào những người này nên rất dè dặt. Cái hay của nhóm này là họ biết nói những gì mà người đối diện muốn nghe nhưng không ai biết sau lưng họ sẽ làm gì.

Nói chung, ý thức chính trị của giới trẻ Sài Gòn không cao, vì họ không quan tâm tới.

- Có sự khác biệt nào giữa những thanh niên thuộc thành phần con ông cháu cha và những thanh niên xuất thân từ quần chúng ?

- Khác biệt nhiều chứ ! Thứ nhất, thanh thiếu niên thuộc gia đình cán bộ, đảng viên cộng sản cao cấp có cuộc sống vật chất thoải mái hơn phần còn lại của đất nước. Họ không phải lo âu cho mai sau vì tài sản và địa vị hiện có của cha mẹ bảo đảm một tương lai sáng lạn. Danh xưng "cậu ấm" ngày nay đang dần dần xuất hiện trở lại. Thứ hai, những thanh niên này không cần phải mài dùi kinh sử hay thi tuyển vào các trường lớn như những thanh niên xuất thân từ quần chúng khác, chỉ cần một cú phôn hay bao thư của cha mẹ gọi đến nơi nào muốn vào thì tất cả cánh cửa đều sẽ mở, kể cả việc ra nước ngoài học tập hay có chức vụ lớn trong một công ty, hãng xưởng. Bằng cấp của giới thanh niên thuộc diện con ông cháu cha này đương nhiên là có, không những có mà phải điểm cao hay hạng ưu mới oai. Thứ ba, các chức vụ có thể kiếm ra nhiều tiền đều dành ưu tiên cho con cháu cán bộ đảng viên, những người khác muốn vào rất khó vì giá đứt lót rất cao. Ngành mang lại lợi tức nhiều nhất là hải quan, chỉ dành riêng cho con cháu cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước. Ngành mang lại lợi tức khá cao nhưng không đều đặn là tòa án, thuế vụ, nhà đất, giáo dục và cũng chỉ dành riêng cho con cháu của guồng máy. Ngành mang lại lợi tức dễ dàng là công an,

thanh niên xuất thân từ quần chúng có thể gia nhập nhưng phải biết lót đường đúng chỗ và đúng người. Những thanh niên xuất sắc khác không thuộc diện con ông cháu cha chỉ có thể kiếm việc trong các công ty tư nhân hay nước ngoài mà thôi, lợi tức đương nhiên là thua xa nhưng vẫn có thể duy trì cuộc sống trên mức bình thường. Phần còn lại chỉ có thể chia nhau số phận làm công với đồng lương thấp. Muốn khá hơn chỉ còn cách tham gia các băng đảng xã hội đen có ô dù của các cấp chính quyền trung ương và địa phương che chở, muốn vào cũng không phải dễ vì phải trải qua những thử thách khó khăn, đôi khi phải bằng tính mạng.

Nói chung, những người lãnh đạo Đảng và chính quyền Sài Gòn nắm giữ chìa khóa quyết định tương lai của từng thành phần thanh niên hiện nay. Chỉ những thanh niên thuộc dòng dõi "gia đình cách mạng" hay biết ngoan ngoãn vâng lời lãnh đạo Đảng và Nhà nước thì mới hy vọng có cuộc sống cao, những thanh niên giả cam giả diếc thì có cuộc sống bình thường, còn nếu không biết nghe lời hay làm điều trái ý của những người lãnh đạo thành phố thì không có chỗ đứng nào hết.

- Trong quan hệ thường ngày, có sự phân biệt nam nữ trong giới thanh niên không ?

- Không. Đó là điều rất may cho Việt Nam. Nữ giới ngày nay năng động, hăng hái hơn nam thanh niên trong nhiều lãnh vực, nếu không muốn nói trên mọi lãnh vực : trong học đường, ngoài xã hội và ngay cả trong gia đình. Phải thành thực mà nói, nam thanh niên dễ bị sa đọa hơn vào ma túy và ăn chơi trác táng. Tuy vậy thanh thiếu nữ Sài Gòn ngày nay cũng không còn ngây thơ nữa, không ít thiếu nữ bề ngoài có vẻ đoan trang thủy mị nhưng thực chất bên trong rất là quỷ quái. Họ cũng muốn đua đòi ăn chơi và trưng diện như những người nước ngoài, nhưng gia đình thường dành ưu cho con trai nên một số đã lén lút gia đình làm những nghề bất chính như bán thân để có tiền riêng. Ước mơ lớn nhất của rất nhiều thiếu nữ hiện nay là kiếm được một người chồng ngoại quốc để được xuất ngoại, sau đó sẽ trở về thăm nhà với tư cách là Việt kiều, như vậy sẽ được kính trọng và chịu chuộng hơn. Trong nhiều trường hợp, những cô thiếu nữ còn là trụ cột tài chính của gia đình, tất cả mọi chi tiêu trong gia đình đều lệ thuộc vào khả năng kiếm tiền của cô con gái.

- Tại sao có sự xuống cấp về mặt đạo đức đến như vậy ?

- Đó là kết quả của một quá trình đập phá liên tục nền tảng của xã hội. Khi nền tảng của xã hội là gia đình không còn nữa, các giá trị truyền thống phải tan theo. Trong suốt 27 năm qua, các chính sách của nhà nước cộng sản Việt Nam chỉ tập trung vào việc giải thể gia đình, từ trong học đường đến ngoài xã hội, để nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Khi con cái không còn nghe lời cha mẹ để chỉ nghe theo lời Đảng và nhà nước mà những người đại diện Đảng và Nhà nước chỉ toàn làm gương xấu, các thế hệ thanh thiếu niên Việt Nam chỉ có thể noi theo những gương xấu. Tệ nạn xã hội lan tràn phần lớn là do chính các cấp lãnh đạo địa phương muốn thế, nếu dẹp hết thì họ sẽ mất nguồn lợi tức lớn thu được do tệ nạn xã hội mang lại.

Tuy vậy, trong bức tranh xã hội đen tối đó vẫn còn chút ánh sáng cuối đường hầm, một số giá trị nền tảng của gia đình Việt Nam vẫn còn, nhờ đó mà dân tộc chúng ta chưa mất bản thể. Gia đình vẫn là chỗ dựa vững chắc của người thanh niên Việt Nam. Cho dù có địa vị hay làm bất cứ điều gì trong xã hội, người thanh niên Việt Nam vẫn dựa vào gia đình để tiến tới, mất nền tảng này những tai họa cho cá nhân và xã hội đều có thể xảy ra. Nhìn lại những vụ án hình sự đã qua, phần lớn tội phạm đều xuất thân từ những gia đình mất bản thể, cha mẹ hay những bậc trưởng thượng không còn là gương mẫu để con cái nghe theo. Đa số thanh thiếu niên còn lại, tuy có chạy theo những thú vui thời thượng nhưng vẫn còn giữ được một số giá trị truyền thống hấp thụ từ gia đình.

- Theo anh, cách nào có thể làm người thanh niên Việt Nam quan tâm đến đất nước một cách tích cực hơn ?

- Tiền bạc tuy là bận tâm duy nhất của người thanh niên hiện nay, nhưng đây chỉ là biểu hiện bình thường của một xã hội bị bùng nổ. Thanh niên Việt Nam không có cơ hội để so sánh mình với những thanh niên khác trên thế giới, ngay cả những thanh niên ở các quốc gia kề cận bên mình như Lào, Campuchia và Thái Lan. Nếu sự bùng nổ này không còn nữa, tôi tin rằng với ước muốn bắt kịp đà tiến hóa chung của thế giới trên những căn bản lành mạnh, thanh niên Việt Nam sẽ không thua kém ai. Vấn đề là Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn coi đất nước này là của riêng của họ, không ai được quyền chia sẻ. Chính vì thế mà không còn ai quan tâm đến đất nước. Mà có quan tâm cũng chẳng làm được gì vì chính quyền cộng sản Việt Nam không cần và không muốn. Họ chỉ muốn mọi người Việt nam đừng quan tâm tới họ và tới đất nước để họ muốn làm gì thì làm nhằm duy trì vô hạn định vai trò lãnh đạo đất nước.

- Việc chính quyền cộng sản Việt Nam nhường cho Trung Quốc đất đai và biển cả, thanh niên Sài Gòn có hay biết gì không ?

- Sự thật đáng buồn là đại đa số thanh niên Việt Nam ở Sài Gòn không biết gì hết. Họ chẳng nghe đài, chẳng đọc báo nước ngoài và cũng không biết đến báo chí của người Việt hải ngoại. Chỉ có một số thanh niên có cha mẹ hay người thân nghe được tin tức này qua các đài Việt ngữ truyền đi từ nước ngoài cho biết, nhưng biết để mà biết, thế thôi. Nếu dám chẳng là phê phán một vài câu bằng quơ rồi thôi. Họ không dám nói với người ngoài vì sợ tố cáo là tuyên truyền phản động. Trong học đường và ngoài xã hội, Đảng, Nhà nước và Đoàn Thanh Niên Cộng Sản luôn đề cao tình hữu nghị giữa hai nước cộng sản anh em Việt Nam-Trung Quốc, do đó không ai bận tâm đến hàng hóa Trung Quốc đang tràn ngập thị trường nội địa, giết dần giết mòn công nghiệp Việt Nam. Đó là chưa nói đến một số cán bộ Đảng và chính quyền trực tiếp nhúng tay vào tệ nạn đua hàng buôn lậu từ Trung Quốc vào trong nước. Làm sao gọi được lòng yêu nước của giới thanh niên khi những người tự nhận là đại diện và tranh đấu cho quyền lợi của nhân dân làm những chuyện đồi bại như thế ? Nếu có làm được chẳng là thanh niên Hà Nội, phần lớn là con ông cháu cha

hay có quan hệ với những người lãnh đạo cao cấp, mới dám lên tiếng phản đối, chứ thanh niên Sài Gòn, phải nói thật là còn rất yếu và có hơi nhát. Sự thật là như thế và rất đáng buồn.

- *Cái nhìn của thanh niên Sài Gòn về người nước ngoài và Việt kiều như thế nào ?*

- Tôi xin nói rõ lại là, đối với thanh niên Sài Gòn hiện nay, người nước ngoài và Việt kiều là hai khái niệm khác nhau. Người nước ngoài là người phương Tây, da trắng, tóc vàng mắt xanh. Người Đài Loan, Đại Hàn, Nhật Bản, Thái Lan hay Trung Quốc là người Á châu. Người phương Tây đến Việt Nam để tìm cơ hội đầu tư thực sự hay để du lịch ở một xứ nhiệt đới còn hoang vu và khám phá một dân tộc anh hùng. Người Á châu đến đây để tìm cách bòn rút tiền và sức lao động của người bản xứ hay để hưởng thụ vì vật giá rẻ. Thông thường thanh niên Việt Nam nào, cả trai và gái, đều muốn kẻ cận người phương Tây vì họ ăn mặc đẹp, lịch sự, rất thực tình mặc dù một số vẫn còn nặng óc thực dân nhưng khờ khạo. Nếu là người Mỹ thì sự tiếp đón không có điều kiện và cũng không có giới hạn, tất cả mọi người đều muốn làm đẹp lòng người Mỹ. Người Á châu thì hoàn toàn khác hẳn, họ tuy có nhiều tiền thật nhưng quá khôn ngoan nên rất khó qua mặt, nếu là người gốc Hoa họ chỉ giao thiệp và buôn bán với người gốc Hoa trong nước, người Đại Hàn đến Việt Nam để trục lợi và khinh thường người trong nước nên ít ai muốn có quan hệ thân thiết.

Còn về Việt kiều, thái độ rất khác nhau. Nếu là Việt kiều Đông Âu thì miễn bàn vì họ không khác gì người Việt trong nước, ở Sài Gòn thành phần này không nhiều. Nếu là Việt kiều về từ châu Âu, sự nể trọng chỉ tương đối vì bị cho là hà tiện, không những ở ngoài xã hội mà ngay cả trong gia đình. Chỉ Việt kiều về từ Hoa Kỳ, Úc và Canada mới được dành cho một ưu ái đặc biệt, vì họ dám "chơi đẹp", nghĩa là rộng lượng và tiêu xài không suy nghĩ. Mặc dù có bị xếp loại khác nhau, Việt kiều vẫn là kho tàng của người trong nước nhưng mức độ ân cần tùy thuộc túi tiền mang về.

- *Quan hệ của giới trẻ Sài Gòn với giới trẻ Việt kiều như thế nào ?*

- Tuy tiền bạc là quan tâm chính của mọi người, giới trẻ trong nước cũng muốn tìm hiểu cuộc sống ở nước ngoài qua giới trẻ Việt kiều. Họ rất muốn bắt chước theo. Hiện nay có một mốt mới là giới trẻ thường trao đổi với giới trẻ Việt kiều qua internet, người những khá giả thì trang bị máy móc ở nhà, những người ít tiền hơn thì vào các quán cà phê saibớt (cyber) để trao đổi imai (email).

Tôi nghĩ nếu biết khai thác phương tiện truyền thông mới này để đánh động lòng yêu nước hay tinh thần cầu tiến của thanh niên trong nước, tình hình sẽ đổi khác. Tuổi trẻ là tương lai của đất nước, nếu tuổi trẻ cứ ngủ yên đất nước sẽ không bao giờ thay đổi. Tuổi trẻ Việt Nam không hèn nhưng phải biết cách đánh thức nó. Hơn 50% dân số Việt Nam dưới 25 tuổi, không ai muốn có một tương lai đen tối. Vấn đề là làm sao kết hợp được phân nửa sinh lực quốc gia đang bị bỏ quên này cho những lý tưởng cao đẹp hơn.

Nguyễn Văn Huy thực hiện

Để mở bé tắc kinh tế

Cuối tháng 4 -2002 vừa qua, nhà nước cộng sản Việt Nam cho phát hành chứng khoán để thiết lập Quỹ Tài trợ Phát triển DAF (Developpement Aid Fund). Năm 2002 chính quyền Hà Nội dự định sẽ phát hành khoảng 500 tỉ đồng (chừng 4 tỉ yen) trị giá chứng khoán đầu tiên.

Từ trước đến nay điểm dựa chính của nhà nước Việt Nam về tiền tệ là hệ thống gởi tiền tiết kiệm của hơn 2.100 bưu điện trên toàn quốc, đó là nơi hấp thụ những số tiền nhàn rỗi trong dân chúng để dùng làm nguồn vốn tài trợ cho các dự án đầu tư trong nước, nói thẳng ra là để cho vay lấy lãi trả cho người bỏ tiền vào các quỹ tiết kiệm. Với thời gian, nhu cầu vay vốn đầu tư ngày càng lên cao trong nước, chính quyền Hà Nội đã gấp rút thành lập quỹ DAF để đáp ứng đồng thời cũng hy vọng phục hồi lại tỷ lệ tăng trưởng kinh tế gần 10% của những năm 1990 trước đây nhằm thực hiện kế hoạch công nghiệp hóa đất nước dự trù hoàn tất vào năm 2020.

Tuy nhiên, theo những con số thống kê mới nhất đăng trên báo *Vietnam Economic Monitor*, do văn phòng của Ngân hàng Thế giới phát hành tại Việt Nam ngày 21-4-2002, tỷ lệ tăng trưởng thực tế của năm 2001 là 4,8% (trước đó chính phủ Việt Nam công bố là 6,8%), năm 2002 tỷ lệ tăng trưởng kinh tế dự đoán có tăng lên đôi chút nhưng chỉ ở mức 5,2% (trong khi chỉ tiêu dự trù của nhà nước là từ 7 đến 7,3%). Thông thường tỷ lệ tăng trưởng kinh tế thực sự của Việt Nam thường sai biệt hai điểm so với các chỉ tiêu đặt ra. Đây không phải là suy thoái đầu tiên, những tỷ số tăng trưởng kinh tế đã giảm sút liên tiếp trong 7 năm qua : năm 1995 là 9,5% ; năm 1996 giảm xuống còn 9,3% ; năm 1997 bằng 8,8% ; năm 1998 tụt xuống còn 7% ; năm 1999 chỉ ở mức 6% ; năm 2000 không hơn 5,4% và năm 2001 là 4,8%.

Khi thành lập quỹ DAF này, chính quyền Hà Nội muốn bắt chước mô hình đầu tư tài chánh của Nhật trong thời kỳ nền kinh tế phát triển cao của những năm 1955-1970, khi muốn cung cấp vốn cho các kế hoạch phát triển trung hạn và trường kỳ vào lúc mà lãi suất ngân hàng đang thấp (như xây đường xe lửa siêu tốc Shinkansen, hệ thống đường xa lộ Đông hải đạo, Trung ương, hệ thống các combinat lọc dầu toàn quốc của Nhật). Chính quyền Việt Nam có lẽ định dùng tiền của quỹ DAF để đầu tư vào khu vực dầu Dung Quất, mở rộng hệ thống quốc lộ, lập nhà máy điện nguyên tử, mở thị trường v.v.

Vấn đề là dân chúng Việt Nam không tin vào hệ thống ngân hàng của nhà nước, họ thường cất giấu tài sản và vốn liếng riêng dưới nhiều hình thức. Tổng số tiền này hiện nay được ước lượng không dưới 12 tỉ đôla Mỹ. Cũng nên biết số tiền tích lũy trong dân gian lớn hơn tổng số tiền viện trợ ngoại quốc nhận được từ trước đến nay. Từ 1997, dân chúng Việt Nam đã tự tạo cho mình một nguồn tiền tệ lớn cất giấu dưới nhiều hình thức : đồng đôla Mỹ, vàng bạc, đá quý, v.v. Tâm lý của người Việt Nam trong nước nói chung là không thích gởi tiền ở ngân hàng. Lý do dễ hiểu là họ

không muốn nhà nước biết số tài sản thực sự của họ là bao nhiêu vì sợ bị chiếm đoạt bất cứ lúc nào. Thêm vào đó là sự bất tín của các ngân hàng nhà nước và hợp tác xã tín dụng công và tư. Trong những năm 1990, 1991 nhiều người đã tan gia bại sản vì đã gởi tiền tiết kiệm vào các cơ sở tín dụng mọc như nấm, sau đó đua nhau phá sản. Ngày nay dân chúng Việt Nam tin vào hụi và chơi số đề hơn vì có thể chủ động được số phận đồng tiền của họ. Hơn nữa mọi người, nhất là người miền Nam, không quên kinh nghiệm cay đắng sau ngày 30-4-1975 khi những số tiền gởi vào ngân hàng bị chiếm đoạt sau mấy vụ đổi tiền liên tiếp. Đó là chưa kể lãi suất gởi tiền tiết kiệm trong các ngân hàng Việt Nam hiện nay thấp nhất Đông Nam Á, dưới 10%.

Ngoài ra còn có vấn đề thực dụng. Đồng đô la Mỹ vừa bền chắc vừa có trị giá cao, muốn chuyển hoá lúc nào cũng được và ở bất cứ nơi đâu. Đồng Việt Nam thì vừa mỏng vừa nhàu nát sau vài lần trao đổi. Trong dân gian, từ người tài xế tắc-xi đến các bà buôn gánh bán bưng, ai ai cũng biết giá trị và thích đồng đô la Mỹ mặc dù bị cấm sử dụng từ 1994, trừ ở các phi cảng và các cửa hàng quốc tế. Tin tưởng vào đồng đô la Mỹ hơn đồng tiền quốc gia là một cách biểu lộ sự bất tín nhiệm của những người phát hành ra nó, chính quyền cộng sản đương quyền hiện nay.

Cũng nên biết là Hà Nội cũng đang thành lập kế hoạch bán công trái ra thị trường quốc tế với hy vọng sẽ thu vào một số tiền lớn để trả nợ lãi suất ngân hàng, khoảng 400 triệu USD mỗi năm (tổng số nợ quốc tế hiện nay khoảng 13 tỷ USD, tương đương với 40% tổng sản lượng quốc gia) và tài trợ một số dự án đầu tư khác về dầu khí, hàng không dân sự và điện năng.

Nếu nhà nước Việt Nam thực sự biết ăn năn và muốn kỷ niệm thiết thực 30 năm Hiệp định Paris để tái lập lại "hòa bình, hòa giải và hòa hợp dân tộc" thì phải ký một Hiệp định Paris khác với cộng đồng người Việt hải ngoại vào năm 2003 tới ! Bởi vì Việt kiều chính là những người yêu nước thực sự vì mỗi năm cung cấp đều đặn ít nhất hơn một tỉ đô la Mỹ cho quỹ tiêu dùng trong dân gian và quỹ tiết kiệm của từng gia đình. Việt kiều cũng là những người có khả năng yêu cầu Hoa Kỳ chi trả 3,2 tỉ đô la mà Kissinger đã hứa với Lê Đức Thọ để xây dựng lại hạ tầng sau chiến tranh.

Để nhu cầu phát triển kinh tế trở thành chính đáng và được sự hưởng ứng của toàn dân, nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam phải biết quý trọng dân, biết nghe dân và tin tưởng dân để cùng nhau xây dựng đất nước. Đất nước Việt Nam là của chung mọi người Việt Nam chứ không phải của riêng Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Nguyễn Minh (Tokyo, 22-4-2002)

*Thông Luận hoan nghênh mọi
ý kiến phê bình và ủng hộ
tài chánh của quý độc giả*

Từ "cổ truyền" đến "hiện đại"



Tôn Thất Thiện

Những điều tôi viết ra dưới đây không phải là "giáo huấn", "khuyến răn", "kêu gọi". Nó không có tính cách trừu tượng, luận thuyết lồng bóng, mà chỉ có tính cách hồi ức, thuật lại những chuyện có thật, căn cứ trên kinh nghiệm bản thân tôi, để giúp giới trẻ thấy một số khía cạnh của vấn đề thay đổi văn hóa. Điều này cần thiết trong việc tìm kiếm một hành trình văn hóa cho họ có khả năng thực sự đóng góp một cách hiệu nghiệm vào công cuộc phát triển của xứ sở, nếu họ có ý đó.

Ở trên mặt báo này, tôi đã có dịp bàn về vấn đề liên hệ giữa văn hóa và phát triển. Tôi hoàn toàn đồng ý với những người quan niệm rằng văn hóa là yếu tố quyết định của phát triển, và muốn phát triển mau và mạnh phải có một văn hóa thích hợp. Thích hợp đây có nghĩa là thích hợp với thời đại, tạo điều kiện thoả mãn những nhu cầu vật chất và tinh thần khẩn thiết của toàn dân, đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng lạc hậu, nghèo khổ, thua kém các nước láng giềng.

Điều trên đây đòi hỏi ta xét lại hệ thống giá trị và sự sắp xếp ưu tiên những giá trị này, cùng phương thức tư tưởng và hành động của xã hội chúng ta xem có thích hợp hay không, thích hợp hiểu theo nghĩa trên đây, nghĩa là về phương diện phát triển. Nếu nó không thích hợp thì tất nhiên phải thay đổi. Nhưng, như tôi đã có dịp nhấn mạnh, vấn đề lớn ở đây là: làm thế nào để thực hiện cuộc thay đổi này?

Câu hỏi này có hai vế:

1. Thay đổi gì, lấy thứ văn hóa, hệ thống giá trị nào thay thế văn hóa hiện tại - thường được gọi là văn hóa "cổ truyền" với những giá trị "truyền thống"?

2. Ai là người có thể thực hiện được việc thay đổi này - nghĩa là làm cho dân chúng chấp nhận từ bỏ một cách suy nghĩ, một cách sống đã quá quen, đã thành nếp, thành tật?

Tuy không ảo tưởng rằng việc trên đây là một việc dễ, tôi vẫn tin rằng nó "khả thi" - có thể làm được. Nhưng nó đòi hỏi thời gian. Thời gian này dài hay ngắn tùy thuộc một số yếu tố, trong đó một chính quyền sáng suốt và quyết tâm, và một hoàn cảnh quốc tế thuận lợi là những yếu tố căn bản. Thời gian là yếu tố thấy rõ nhất, vì thay đổi văn hóa là kết quả của một tiến trình, qua nhiều giai đoạn. Nói đến tiến trình và giai đoạn tất nhiên là nói đến thời gian.

Tôi nhấn mạnh hai điểm "khả thi" và thời gian vì về hai điểm này tôi có những dữ kiện thích hợp với đề tài, cụ thể, chính xác, rút ngay từ kinh nghiệm bản thân của tôi, và tôi nghĩ rằng đó cũng là kinh nghiệm của nhiều người thuộc thế hệ tôi (tôi sinh năm 1924), nghĩa là tôi có thể tra xét lại những gì đã xảy ra cho thế hệ tôi trong 75 năm qua (những người sinh vào thập niên 1920), cộng thêm những gì xảy ra cho thế hệ thân phụ tôi và những người quen thuộc của ông (những người sinh vào thập niên 1880), nghĩa là tiến trình chuyển biến văn hóa của xã hội Việt Nam trong 150 năm qua, từ cuối triều Tự Đức đến nay, qua các thời đại triều đình nhà Nguyễn độc lập (đến 1885), Pháp thống trị (1885-1945), phân hóa Quốc-Cộng 1945-1975, và cộng sản chế ngự, đến nay.

Phân tích chuyển biến văn hóa của Việt Nam trong 150 năm qua, ta thấy có ba giai đoạn: 1. Giai đoạn "cổ truyền/truyền thống", đến cuối triều Tự Đức (1885); 2. Giai đoạn Pháp bảo hộ (1885-1945); 3. Giai đoạn 1945-2000.

Giai đoạn "cổ truyền/truyền thống"

Ở đây, tôi chỉ chú tâm vào khía cạnh giáo dục, và đặc biệt, đến cách học, và chương trình học. Ai có ít nhiều kiến thức về xã hội học đều biết rằng giáo dục là công cụ quan trọng hàng đầu để chuyển đạt kiến thức. Chế độ giáo dục Khổng-Nho đã chuyển đạt những kiến thức gì có ảnh hưởng lớn cho thế hệ cha ông chúng ta trong giai đoạn từ cuối triều Tự Đức đến năm 1920, là năm chế độ đó bị bãi bỏ. Ở đây, tôi lấy ví dụ thân sinh tôi, vì ông ta (sinh năm 1883), và cũng như nhiều người thuộc thế hệ ông, đã hấp thụ lối giáo dục đó.

Chương trình học văn thời trên đây luẩn quẩn trong các môn thơ phú, kinh sử đặc biệt là kinh sử Tàu. Các môn truyền đạt kiến thức như Toán, Lý Hóa, Địa dư và Lịch sử thế giới, được coi là thông thường trong thế hệ tôi (1920), họ không được thấu nhận. Nếu có một vài người tò mò hơn, như cụ Phan Bội Châu, được biết đến những luồng tư tưởng mới lạ, thì cũng phải nhờ đọc được các tác phẩm "tân thư", nói đến những tư tưởng của triết gia và học giả Âu châu, mang những tên "Lư Thoa", "Mạnh Đức Tư Cư", "Mã Khắc Tư", v.v. - qua trung gian người Tàu và chữ Tàu (Hán) phiên âm ra chữ Nho (Hán/Việt) vì các cụ thời đó không biết sinh ngữ nào khác. Xin nói ở đây là khi đọc hồi ký của cụ Phan Bội Châu, thoát đầu tôi không hiểu ngay là cụ ấy muốn nói đến Rousseau, Montesquieu, Marx...

Pháp ngữ, sinh ngữ sẵn có thời đó, không được coi như một công cụ học hỏi, một cái cửa mở đường vào kho tàng kiến thức thế giới, mà lại bị khước từ, vì thế hệ 1880 cho rằng nó là tiếng của kẻ man rợ hay "của tụi Tây", kẻ thù. Có nhiều người cấm cả con cái họ, nhất là con gái, không được học tiếng Pháp. Ngay cả như cụ Phan Bội Châu, tuy chủ trương "duy tân", nhưng lại không biết tiếng Pháp, mà ngay cả "quốc ngữ" cụ cũng không biết, và chỉ sau khi bị Pháp bắt và quản thúc ở Huế sau 1925 cụ mới học đọc và viết tiếng này.

Một điều đáng để ý là những người hấp thụ chế độ giáo dục đó không được huấn luyện về phương pháp quan sát, phân tích, sưu tầm. Trái lại, họ phải thuộc lòng những sách Khổng-Mạnh, và kinh, sử Tàu. Phần khác học chữ Hán phải nhớ mặt chữ, nên cũng phải luyện trí nhớ rất gắt.

Kết quả là kiến thức mà thân phụ tôi và những người thuộc thế hệ ông được hấp thụ qua giáo dục thời đó là một kiến thức rất hạn chế, chỉ giúp họ ra làm quan, nhưng không đáp ứng gì được những đòi hỏi của công cuộc phát triển theo chiều hướng hiện đại hóa của cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Nhưng họ lại có một trí nhớ phi thường. Nếu trí nhớ phi thường này được phối hợp với óc biết quan sát, phân tích, sưu khảo, những kiến thức sâu rộng và một môi trường thuận lợi thì nó lại tạo ra được những nhà khoa-kỹ xuất chúng. Đây là trường hợp của một số người thuộc thế hệ kế tiếp, như nhà bác học Bửu Hội. Tất nhiên có

nhiều người khác nữa, nhưng tôi chỉ đề cập đến giáo sư Bửu Hội vì tôi biết rõ trường hợp này. Nó thuộc về một giai đoạn khác trong tiến trình chuyển biến văn hóa, mà tôi sẽ bàn thêm ở đoạn dưới.

Trở lại giai đoạn 1880-1920, là giai đoạn văn hóa "cổ truyền/truyền thống". Đặc điểm của văn hóa này là nó là một văn hóa "khép". Nhưng văn hóa "cổ truyền/truyền thống" và "khép" này không tồn tại được trong thể thuần túy của nó vì sự đô hộ của Pháp.

Giai đoạn Pháp bảo hộ : xây cất hạ tầng

Chế độ thuộc địa Pháp có nhiều khía cạnh tiêu cực, nhưng nó cũng có một khía cạnh tích cực, tuy tác động của người Pháp là một tác động gián tiếp, một "fall-out" (không cố tình, không có dự tính).

Sau khi đánh bại tất cả các lực lượng đối kháng Cần Vương (Tôn Thất Thuyết, Phan Đình Phùng) và củng cố được quyền hành, năm 1895, Pháp đặt chế độ toàn quyền Đông Dương. Viên toàn quyền đầu tiên, Paul Doumer, phát động một kế hoạch phát triển quy mô : xây đắp đường xá, thiết lập hải cảng, đặt hệ thống hỏa xa, xây dựng nhà máy điện, máy nước, xây cất bệnh viện, thiết kế thành thị, v.v. Mục đích của họ là xây đặt hạ tầng cơ sở để có đủ tiện nghi hiện đại cho đời sống của họ thoải mái hơn, và nhất là để có thể khai thác tài nguyên dồi dào của Đông Dương, trong đó tất nhiên Việt Nam đứng hàng đầu. Khai thác đây là khai thác cho người Pháp, và do người Pháp.

Cầu cống, đường sá, điện, nước, cao ốc, tàu điện, hỏa xa, ô tô, v.v. bày ra sớ sớ trước mắt người Việt. Dù muốn, dù không, vì sự hiện diện của người Pháp, không những giới sĩ phu, mà toàn thể dân chúng, được, hay phải, tiếp xúc với một văn minh mới, làm cho họ ý thức được sự lạc hậu của Việt Nam, ít nhất là về phương diện khoa học, kỹ thuật. Dữ kiện này được diễn tả trong một bài hát mà tôi được học ở cấp tiểu học, lúc 10 tuổi, xin nói rõ là vào khoảng năm 1933. Nay tôi không nhớ hết, nhưng đoạn chính như sau :

*Dậy, dậy, dậy mở mắt xem toàn châu,
Nền khai hóa rạng khắp hoàn cầu,
Ngọn đèn, thông thương ngàn dặm,
Xe tàu điện, tàu nước, tàu bay...*

Tôi cũng còn nhớ lúc đó, ở trong thành nội Huế, cứ vào khoảng chạng vạng tối, trẻ con đồn ra đường, và đợi đèn điện ngoài đường bật lên là đồng thanh hô "Đê, đèn điện đỏ !". Đó là do lúc hệ thống đèn điện vừa được thiết chế. Lúc kỹ sư Pháp làm xong, thử xem có sáng tốt không, và khi được, thì thốt ra tiếng : "Ça y est" ("Được rồi" của tiếng Pháp, đọc là Xay-dê).

Phần khác, tuy những xây cất do người Pháp làm nhằm thỏa mãn nhu cầu của họ, nhưng nó có tác động "fall-out": người Việt Nam cũng được hưởng, và được hưởng nhiều hơn người Pháp, vì ta đông hơn họ. Và sau này, vào những năm 1945 trở đi, lúc chế độ thuộc địa Pháp chấm dứt, Việt Nam có sẵn cơ sở hạ tầng kiến trúc để xây dựng thêm và dễ dàng hơn. Nhưng quan trọng hơn cả là "ảnh hưởng phổ bày" (demonstration effect). Dù rằng chúng ta bắt buộc

phải chống Pháp để dành lại độc lập, nhưng thành thực và khách quan mà nói, nếu các Vua, quan và giới sĩ phu Khổng Nho tiếp tục lãnh đạo và cai trị Việt Nam từ hồi đó (cuối triều Tự Đức, 1884), vẫn khăng khăng "Khổng Tử viết" và cho rằng chỉ có Tàu là "văn minh", còn Tây phương là "man rợ", thì năm 1945 Việt Nam vẫn còn chìm đắm trong tình trạng lạc hậu của thập niên 1880.

Để làm sáng tỏ điểm này, tôi xin nhắc lại đây một bài hát rất ý nghĩa mà sinh viên trường Tiền Tuyến Huế hát hàng ngày trong thời gian tháng 4 đến tháng 8-1945. (Trường này là một trường quân sự trá hình thiết lập sau khi cựu hoàng Bảo Đại tuyên bố Việt Nam bãi bỏ chế độ bảo hộ Pháp, ngày 11-3-1945). Và tưởng cũng cần nói là bài này do ông Tạ Quang Bửu đặt ra. Ông này là một trong những người học ở Pháp về (hồi đó giữ chức đặc ủy viên Bộ Thanh Niên, mà tổng trưởng là ông Phan Anh, trong nội các Trần Trọng Kim). Đoạn đầu của bài hát đó như sau :

*Hai mươi năm nay cơm ta ăn, ta không đi cày,
Đường, hầm và cầu ta không đắp, ta không xây,
Hai mươi năm nay, ta nhắm mắt ta đi theo thầy
Chữ nghĩa dùi mài, đối kẻ khác, ta mậm dầy !...*

Đó là nói về tâm trạng của lớp thanh niên trước 1945 không được tham gia xây cất nước non. Nay, năm 1945, họ đứng trước một vận hội mới. Vận hội mới này đến đúng lúc. Vì, trước đó, về phương diện giáo dục, trong thời gian Pháp bảo hộ có những thay đổi lớn, đặc biệt là phong trào "Tây du" xuất hiện và dần dần thay thế phong trào "Đông du".

Đầu thế kỷ 20, ngay cả các cụ nho sĩ trong tổ chức Đông Kinh Nghĩa Thục cũng thấy nhu cầu học hỏi của Tây phương. Các cụ đòi chính quyền bảo hộ mở đại học. Nhưng trước khi có đại học kiểu Tây phương, phải có trung học Tây phương, và phải biết sinh ngữ, tất nhiên ở đây là tiếng Pháp - mà các cụ từ chối học, như đã nói ở trên. Do đó, toàn quyền Paul Beau, muốn mĩa mai các cụ chẳng hiểu gì cả về điểm này, bèn cho mở một đại học, tất nhiên là dùng tiếng Pháp. Các cụ đến đại học ngơ ngác ngác chẳng hiểu gì cả. Thế là chỉ sau một thời gian ngắn, "đại học" đầu tiên của Việt Nam đóng cửa.

Nhưng phong trào "Tây hóa" hệ thống giáo dục được tiếp tục. Đầu tiên với sự thành lập trường Quốc Học Huế, năm 1905, giảng dạy cả tiếng "quốc ngữ" lẫn tiếng Pháp. Sự thành lập trường kiểu mới này được một số chức sắc Việt Nam cổ vũ. Một trong những người đó là cụ Ngô Đình Khả, thân sinh của cố tổng thống Ngô Đình Diệm. Thế hệ người Việt đầu tiên được học sinh ngữ là thế hệ những người nhập học trường đó. Ngoài Pháp ngữ trường còn dạy một số môn "mới" như Toán học. Có thể nói đây là một cuộc cách mạng về giáo dục. Cuộc cách mạng này có một phần thứ hai nữa, là năm 1918, chế độ thi cử Khổng-Nho học bị hoàn toàn bãi bỏ.

Giai đoạn Pháp bảo hộ : phong trào Tây du

Dù muốn dù không, và dù rằng quyết định trên đây chung quy là một quyết định của chính quyền Bảo hộ, nó đánh dấu một sự chuyển hướng lớn và dứt khoát từ Đông

sang Tây, từ văn hóa "cổ truyền/truyền thống" sang một văn hóa nếu không hẳn là "Tây", thì cũng không còn thuần túy "Khổng-Mạnh" nữa. Một trong những hậu quả rất quyết định của sự chuyển hướng này là một phong trào "Tây du" ("đi Tây") - sinh viên Việt Nam đi học Pháp - xuất phát từ những năm cuối thập niên 1920-1930. Trong đó có một số được cấp học bổng, một số con nhà có khả năng - hoặc quyền thế, hoặc giàu có - "cậu ấm" hoặc "công tử Bạc Liêu". Tất nhiên, đây là một dịp cho một số người Việt tiếp xúc trực tiếp với một nền văn minh và một văn hóa mới, khác với văn hóa Việt Nam.

Trước khi "đi Tây" để học hỏi, tất nhiên sinh viên Việt Nam phải biết tiếng Pháp, và nhất là phải có bằng tú tài Pháp. Điều này thực hiện được nhờ chính quyền bảo hộ Pháp mở trường trung học theo chương trình Pháp trong những năm 1920-1930. Trước hết là họ mở trường cho con cái họ, như trường Albert Sarraut ở Hà Nội và Chasseloup Laubat ở Sài Gòn, nhưng một số học sinh Việt cũng được nhận vào. Và sau đó, họ lại mở thêm trường trung học "indigène" (bản xứ), như trường Bưởi ở Hà Nội và Pétrus Ký ở Sài Gòn. Sau năm 1930, có nhiều trường trung học dạy chương trình trung học Pháp được thiết lập, như những trường Yersin và Couvent des Oiseaux (cho nữ học sinh), ở Đà Lạt, và Thiên Hựu (Providence), hay nâng cấp, như trường Khải Định ở Huế. Những học giả và chuyên gia - bác sĩ, được sĩ, kỹ sư, v.v. - đầu tiên của Việt Nam xuất thân từ những trường này.

Tưởng cần nói thêm rằng lúc này một số chức sắc triều đình Huế cũng chủ trương khuyến khích "Tây học", nổi bật trong đó là cụ Nguyễn Hữu Bài. Họ lập lên một Hội Khuyến Học và cấp học bổng cho một số sinh viên xuất sắc đi Pháp. Những người đầu tiên được cấp học bổng đó là các ông Hoàng Xuân Hãn, Tạ Quang Bửu, Ngụy Như Kontum, những người sẽ đóng một vai trò rất quan trọng trong việc hiện đại hóa giáo dục Việt Nam sau 1945. Trong những năm đó, để giới hạn số sinh viên đi Pháp vì sợ họ bị nhiễm tư tưởng phóng khoáng Tây phương, chính quyền bảo hộ Pháp mở một đại học, duy nhất cho toàn cõi Đông Dương, là Đại Học Hà Nội, nhưng đại học này chỉ dạy những môn Y khoa, Dược khoa và Luật khoa.

Nhưng chương trình phát triển Đông Dương cần nhiều nhân viên kỹ thuật cấp trung. Để đáp ứng nhu cầu này, chính quyền bảo hộ Pháp mở một loạt trường kỹ thuật để đào tạo nhân viên chuyên môn cấp trung (cán sự) về các ngành công chánh, nông lâm súc, y tế, hành chánh, v.v. Những người này sẽ là lứa chuyên viên đầu tiên của Việt Nam sau này. Nhưng muốn được nhận vào những trường này, họ phải có bằng tú tài.

Trước năm 1940, con em Việt Nam miền Trung muốn thi tú tài phải đi Hà Nội hay Sài Gòn, nhưng sau đó thì thi tú tài được tổ chức thêm ở Huế. Phần khác, giữa những năm 1940-1945, vì chiến tranh, giao thông giữa Việt Nam và Pháp bị gián đoạn, vì sinh viên không đi Pháp để tiếp tục học được nữa, và vì muốn giới trẻ nghĩ rằng chính quyền bảo hộ ưu tư về tương lai của họ, đồng thời ngăn chặn ảnh hưởng của Nhật, chính quyền bảo hộ nới rộng thêm hệ thống đại học. Thêm vào các môn Y, Dược và

Luật khoa, họ mở thêm các phân khoa về Khoa học.

Về phương diện chuyển biến văn hóa, những quyết định và dữ kiện trên đây có nhiều hậu quả sâu xa. Một là nó tạo cơ hội cho người Việt tiếp xúc với văn minh và văn hóa Tây phương, nói chung, một văn minh khoa kỹ cơ giới, và một văn hóa phóng khoáng.

Một số người Việt, ngoài văn hóa cổ truyền Khổng-Nho, biết thêm được một sinh ngữ quốc tế, hấp thụ thêm được một số kiến thức và làm quen với một số giá trị mới. Thân phụ tôi là một trong những người này. Ông ta thoát đầu theo hệ thống Nho học, học chữ Hán, vác "lều chông" đi thi lối xưa : năm 1918 ông dự cuộc thi kiểu Tam Trường cuối cùng của giới Hán học. Nhưng đồng thời ông cũng được học tiếng "quốc ngữ" và tiếng Pháp và theo chương trình "mới" - với các môn "mới" như Toán học - giảng dạy ở trường Quốc Học vừa mới mở.

Lối học hành như trên tất nhiên ảnh hưởng đến thân phụ tôi về phương diện văn hóa. So với những người cùng thuộc thế hệ ông nhưng từ chối học theo lối học hành "của Tây" này, ông ta cởi mở hơn nhiều. Trong cách nhìn đời và người, cách sống, ông ta không bị vướng mắc nặng những lễ lối và giá trị "cổ truyền/truyền thống". Tôi chỉ lấy một số ví dụ : anh em chúng tôi không bị ép vào khuôn "phụ tử" của "tam cương" Khổng giáo : đối với cha mẹ anh em chúng tôi không sợ sệt, khúm núm, đi không phải xin phép, về không phải trình diện, "bẩm, thưa" ; trong những lễ lạc không phải quỳ lạy ; trong việc lựa chọn bạn bè, chúng tôi rất được tự do : trong số bạn bè chúng tôi có con nhà đủ các giới, nhưng họ đều được cha mẹ chúng tôi đối xử rất tử tế ; riêng về tôi, tuy thân phụ tôi muốn theo gót ông - học để ra làm quan - tôi không chịu nhưng ông không dùng quyền uy của cha ép buộc tôi, v.v...

Đặc biệt hơn cả là ông không ngớt nhắc nhở chúng tôi phải chú tâm học tiếng Pháp (ngoại ngữ hồi đó) và... Toán học, vì, theo ông, trong thế giới mới, hai môn đó là căn bản - nay, phải học Toán (vi phân, tích phân) để theo kịp đà hiện đại, nhìn lại thì thấy rõ là ông ấy có một tầm nhìn quá xa đối với thời đó - ; nhưng về Hán học thì sau vài tháng cho một ông đồ dạy tôi, thấy chẳng đi đến đâu, ông cũng bỏ lơ, không ép chúng tôi tiếp tục nữa... *Good bye* Khổng học ! *Good bye* văn hóa Khổng-Nho !

Thực ra, thì đối với văn hóa Khổng-Nho không hẳn là "good bye". Tuy rằng trong gia đình, cha mẹ chúng tôi không "Khổng tử nói", "Mạnh tử nói" suốt ngày, nhưng trong đời sống hàng ngày chúng tôi vẫn thực tế áp dụng "ngũ thường" của Khổng giáo.

Phần khác tất cả anh em chúng tôi đều đi hướng đạo, và những giá trị của hướng đạo là những giá trị căn bản tốt và cần thiết cho một xã hội lành mạnh, nên chúng tôi vẫn theo một hệ thống đạo đức giá trị căn bản. Ngoài ra, mẹ tôi và các chị lớn của chúng tôi theo đạo Phật và thường nói đến "quả báo", "nhân quả", "phước, đức", nên chúng tôi cũng hấp thụ được những gì căn bản của đạo Phật. Nói tóm, hệ thống giáo dục mà tôi được hấp thụ, tuy không vướng mắc những giá trị cổ hủ của văn hóa và giá trị "cổ truyền/truyền thống", nhưng cũng không phải là văn hóa và những giá trị nền vất bỏ toàn bộ.

Giai đoạn 1945-2000

Tháng 3-1945, Việt Nam bước sang một giai đoạn lịch sử mới, khi hoàng đế Bảo Đại tuyên bố chấm dứt chế độ bảo hộ Pháp. Từ đó, về phương diện văn hóa, dù muốn dù không, người Pháp cũng không còn quyết định được hướng đi của Việt Nam nữa. Tiêu biểu cho dữ kiện này là sự áp dụng "chương trình Hoàng Xuân Hãn" về giáo dục. Con em Việt Nam học và thi tú tài bằng tiếng Việt, và việc giáo huấn họ không còn nhắm đào tạo quan lại, công chức cho triều đình Việt Nam hay cho chính phủ bảo hộ Pháp nữa, mà hướng về khoa kỹ, và sự xây dựng một xã hội mới, với những giá trị mới, khác với xã hội "cũ" và những giá trị "cổ truyền/truyền thống". Thật ra, đây là một tiếp nối của tiến trình chuyển hướng về văn hóa đã kể trên, nhưng nó có một tầm quan trọng lớn, thấy rất rõ : nó làm cho cuộc chuyển hướng này mạnh hơn và nhanh hơn.

Trong những thập niên tiếp theo đó, xã hội Việt Nam chuyển biến mạnh và nhanh. Văn hóa và các giá trị "cổ truyền/truyền thống" mất dần tính cách chế ngự của nó, những văn hóa giá trị mới xuất hiện và giành nhau ảnh hưởng tư tưởng và hành vi của người Việt. Hai hệ thống chính là hệ thống xã hội chủ nghĩa mô hình Lê-ni-nít chủ trương "hồng hơn chuyên" do ông Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản Việt Nam mang nhập vào Việt Nam, và hệ thống tự do khai phóng mô hình Tây phương do người Mỹ du nhập, trong đó "chuyên", dựa trên khoa kỹ, chiếm địa vị hàng đầu.

Hai hệ thống trên đây tranh đua gắt gao để ảnh hưởng người Việt, đặc biệt là thế hệ trẻ. Cuộc tranh đua này có những khía cạnh tiêu cực và tích cực. Một trong những khía cạnh tích cực là thế hệ trẻ Việt Nam được hưởng một tình trạng mà thế hệ cha ông họ không được hưởng : hàng ngàn, hàng vạn người trẻ được mọi dễ dãi để ra ngoại quốc học hỏi, tiếp xúc với những văn hóa và giá trị mới, những cách suy tư, phương pháp làm việc mới. Trong khi đó, trong xứ, hàng triệu người khác thuộc mọi giới, mọi vùng được, hay bị, tiếp xúc với những cái lạ, tuy không hẳn là tốt hết, nhưng cũng là mới, khác hẳn với những cái "cổ truyền/truyền thống".

Trên đây là một cuộc tiếp xúc, pha trộn văn hóa quy mô, vừa là trao đổi, vừa là xung đột giữa hai văn hóa Tây phương và Đông phương. Cuộc tiếp xúc này lại được gia tăng cường độ, nổi rộng và đậm sâu hơn nữa với sự can thiệp của người Mỹ sau năm 1954.

Người Mỹ đến Việt Nam, ngoài khía cạnh quân sự chính trị, còn có tác động văn hóa mạnh. Một phần vô tình, nhưng một phần cố ý. Vô tình ở chỗ sự hiện diện của họ, với cách sống của họ - *American way of life* - khác hẳn lối sống không những của người Á đông, mà ngay cả các người Tây phương khác từ Âu châu - phóng khoáng, thân thiện, tự do, thích đầy đủ về vật chất -, và nhất là những tiện nghi đời sống do kỹ thuật cấp tiến tạo ra có một sự hấp dẫn lớn đối với người mà mức sống thấp như người Việt. Nói tóm, sự hiện diện của người Mỹ, với một văn minh khác hẳn văn minh Việt Nam, có một tác động "phô trương" (demonstration effect) rất lớn.

Ngoài ra, chính quyền Mỹ cũng có một chính sách nhằm ảnh hưởng Việt Nam về mặt văn hóa. Họ có những chương trình quy mô đưa công chức Việt Nam đi "quan sát" hay "tu nghiệp" (further training) ; họ khuyến khích sinh viên đi du học ở Mỹ, và cấp cho sinh viên hàng ngàn học bổng. Và ngay tại chỗ, họ có những chương trình canh tân hóa kỹ thuật làm việc và làm ăn của người Việt, trong lãnh vực công cũng như tư.

Sau một thời gian dài 20 năm (1954-1975) trực tiếp can thiệp vào Việt Nam ở mức cao độ, người Mỹ đã gây một ảnh hưởng văn hóa rộng và sâu vào Việt Nam, khó xóa bỏ được. Ngay cả chính quyền cộng sản, muốn xóa nhòa ảnh hưởng Mỹ và tư bản đã thất bại, dù là họ "cách mạng" và duy ý chí đến đâu.

Không những họ không đổi thay được người miền Nam với những đợt "cải tổ xã hội chủ nghĩa" triệt để và tàn bạo, mà chính họ đã bị lôi cuốn và buộc phải theo lối sống của người Nam nhiễm văn hóa Tây phương và Mỹ. Tiến trình này đang tiếp diễn, và càng ngày càng gia tăng tốc độ và cường độ. Chưa biết sẽ đi đến đâu.

Chuyển biến văn hóa là một tiến trình dài

Điều mà tôi thấy cần nói ở đây là tôi là một trong những người đã chịu tất cả những chuyển biến ở trên, đã hấp thụ văn hóa "cổ truyền/truyền thống" - qua sự giáo dục trong gia đình -, rồi văn hóa chuyển tiếp - qua thân phụ tôi và trong thời gian học trung học -, rồi văn hóa Tây phương - trong thời gian du học ở Âu châu -, và rốt cục văn hóa Mỹ trong thời gian làm việc tiếp xúc với người Mỹ và sinh sống ở Bắc Mỹ.

Nhờ được huấn luyện về phương pháp học hỏi khoa học, khách quan, tôi đã phân tách được cái vốn văn hóa của tôi, nghĩa là của rất nhiều người Việt khác cùng thế hệ tôi, hay thuộc thế hệ gần gũi tôi nhất. Tôi có một số nhận xét cá nhân, tất nhiên là chủ quan, nhưng có thể giúp ích cho những ai tìm hiểu những chuyển biến về văn hóa của Việt Nam và tìm kiếm cho Việt Nam một con đường đi văn hóa đưa đến phát triển nhanh chóng và hữu hiệu.

Tôi nghĩ rằng văn hóa mà tôi mang trong đầu tôi ngày nay thực sự là kết quả của một quá trình chuyển biến kéo dài trong trên hơn một thế kỷ, khởi đầu với những biến chuyển đã ảnh hưởng đến thân phụ tôi. Ông ta sinh ra vào cuối triều Tự Đức, nhưng lại được hấp thụ, và nhất là chịu hấp thụ, một văn hóa mà hồi đó có thể nói là rất "tân tiến", duy tân, nhưng được coi là "của Tây". Ông đã không sợ làm như vậy sẽ mang tiếng là "theo Tây". Trong tinh thần đó ông đã giáo dục tôi, khuyến khích và có khả năng cho tôi tiến tới trên một con đường mới, ở cấp trung học, rồi ở cấp đại học, có cơ hội hấp thụ một văn hóa mới và cần thiết cho sự phát triển của đất nước.

Phần khác, vì cũng đã được hấp thụ một số giá trị đạo lý tốt của văn hóa "cổ truyền/truyền thống", tôi đã không nhắm mắt thụ nhận tất cả những giá trị của Tây phương, đặc biệt là của Mỹ, có tính cách quá trớn, như đòi hỏi tự do cá nhân tuyệt đối, theo đuổi lợi nhuận một cách đam mê, chấp nhận nguyên tắc ai chết mặc ai trong cuộc đấu

tranh sinh tồn. Nhưng trong công cuộc học hỏi, tôi đã thấu hút được những gì quan trọng nhất về phương pháp quan sát, sưu khảo, phân tích, khoa học, khách quan, tường tận, nói tóm : một cách tư duy và làm việc hữu hiệu. Ở đây tôi tưởng nên nói thêm rằng một trong những yếu tố quyết định trong sự chuyển biến văn hóa của tôi là tôi rất chịu khó học sinh ngữ, và nhờ đó, nổi rộng được tầm nhìn của mình, hiểu thêm các văn hóa khác, vì sinh ngữ là chìa khóa mở cửa cho ta vào các kho tàng kiến thức. Về phương diện này, thân phụ tôi, tuy thuộc thế hệ 1880 mà cũng đã thấy đúng, cũng như ông đã thấy đúng rằng Toán học là chìa khóa vào khoa học kỹ thuật.

Tôi nghĩ rằng hành trình văn hóa trên đây - từ Đông sang Tây nhưng không để cho bị Tây hóa hoàn toàn - là hành trình không riêng gì của một mình tôi, mà của hàng ngàn hàng vạn người Việt Nam khác cùng một thế hệ với tôi. Suy rộng ra, nếu sau 1975, sau khi hòa bình trở lại, mấy vạn người đã trải qua một cuộc chuyển biến như trên, là một đội ngũ rất đông với khả năng chuyên môn thuộc rất nhiều ngành, có thể là một vốn kỹ thuật lớn đóng góp rất hữu hiệu vào công cuộc phát triển đất nước nếu họ được sử dụng. Nhưng, rủi thay, lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam đã coi họ như kẻ thù, hay mang trọng tội, phải gạt loại ra ngoài xã hội hay trừng trị, buộc họ phải bỏ xứ trốn ra ngoài quốc, và đóng góp vào sự phát triển của những nước cho họ cư trú.

Đồng thời, với sự thiếu cán bộ kỹ thuật trầm trọng đủ mọi ngành, cộng với sự lựa chọn một con đường phát triển kinh tế và một hệ thống văn hóa và giá trị mà kinh nghiệm lịch sử, được Liên Xô và các nước cộng sản Đông Âu minh chứng là phản phát triển vì nó là một hệ thống "khép", lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam đã đưa Việt Nam trở lại tình trạng cuối triều Tự Đức, nghĩa là bỏ xóa đi hơn 100 năm kinh nghiệm về phát triển, đưa dân tộc Việt Nam trở lại một con đường tắt nghẽn.

Tuy nhiên, may thay, tình trạng ngày nay có một điểm khác tình trạng thời Tự Đức : ở thời đó cả vua và triều đình lẫn giới sĩ phu, đều đạp thẳng (phanh), trong khi dân chúng chỉ đóng một vai trò thụ động. Ngày nay, chính quyền vẫn đạp thẳng (phanh) mạnh, nhưng dân chúng lại đạp ga mạnh hơn. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy rằng trong điều kiện đó, tình trạng sẽ thay đổi, và chính sách và cách xử sự của lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam có mê muội, duy ý chí đến đâu, cũng không cản được trào lưu tiến bước của dân tộc Việt Nam.

Những gì đã nói ở trên cũng cho ta thấy rằng thay đổi văn hóa không phải là một việc có thể làm trong chốc lát và theo ý muốn của mình được, mà nó theo một tiến trình dài hoặc ngắn tùy phương thức áp dụng đúng hay sai :

- nếu đúng, nó có thể nhanh hơn và giúp cho đất nước phát triển nhanh hơn ;

- nếu sai thì chúng ta sẽ đi vòng quanh, hay tệ hơn nữa, sẽ đi ngược lại trở về khởi điểm, hay xa hơn nữa về hướng tụt hậu.

Tôn Thất Thiện
(Ottawa, tháng 3-2002)

Bao-dung, bất-bao-dung và bất-khả-bao-dung

Trần Nhân Đạo

*"Bao dung đảm bảo khác biệt
Khác biệt đòi hỏi bao dung"*

Michael Walzer

Tại sao tôi lại viết về bao-dung, một vấn đề "cổ lỗ" và "nhạt nhẽo" này ? Thưa chính bởi sự bất-bao-dung trường kỳ và vô cùng tàn nhẫn của nhà nước Việt Nam, như hiện nay đối với toàn thể mọi người dân và cách riêng đối với những người đang đòi hỏi dân chủ. Cũng chính bởi quán tính bất-bao-dung hốc hiểm của những "người Việt xấu xí" không ngớt thóa mạ và chửi mắng lẫn nhau, trong đó còn có thêm một số người mang thêm tính giáo điều cực đoan phát xuất từ Tin Lành Toàn Thống (fundamentaliste) Bắc Mỹ. Tôi viết về bao-dung, vấn đề "cổ lỗ" và "nhạt nhẽo" này, cũng bởi bao-dung chân chính không thể chấp nhận được những điều "bất-khả-bao-dung".

Vấn đề bao-dung ngày nay lại càng trở nên bức bách khẩn trương, bởi đất nước chúng ta đang bước tới một hình thức xã hội hiện đại trong đó bao-dung không thể thiếu sót : một xã hội dân chủ, đa văn hóa, đa tôn giáo, nhiều truyền thống, nhiều khác biệt, một xã hội trưởng thành trong tư duy và trong tâm thức vươn mình thoát khỏi những mặc cảm ứ đọng bách. dồn nén và tự ti đã trở nên quán tính do những truyền thống chuyên chế và gia trưởng cha chú để lại.

Tôi đề nghị chúng ta cùng nhau tìm hiểu bao-dung thực chất là gì, dựa trên những cơ sở nào và làm sao để xã hội đất nước và các thế hệ người Việt trong tương lai có được đức hạnh bao-dung cần thiết.

1. Bao-dung là gì và bởi những lý do nào?

Bao-dung thường được hiểu là quảng đại và độ lượng, khoan hồng, nhẫn nhịn và tha thứ. Một số trường hợp quen biết đối với phần đông trong chúng ta : có những người xin tị nạn đã được cấp giấy cư trú theo chế độ "bao dung" tuy không đủ bằng cứ chính trị, có những người tù đã được "ân xá" tự do trước ngày mãn hạn án tù. Một trường hợp lịch sử nước ta thường được nhắc đến : vua Nhân Tông sau khi làm hòa với quân Nguyên năm 1289 đã "khoan hồng" cho đốt sạch cái tráp biểu hàng của các quan quân trước đó đã thông đồng và đầu hàng với giặc. Trong tôn giáo, chúng ta có nhiều lời dạy bảo phải thực hiện lòng quảng đại bao dung : Hỡi "lấy đức báo oán" (Đạo Đức Kinh-ĐDK 63),

"lấy lòng từ mà đối xử với nhau" (Kinh Từ Bi), "Hãy yêu kẻ thù nghịch và cầu nguyện cho kẻ bắt bớ mình" (Phúc Âm Matthêu 5:44)...

Bao-dung như thế là một đức hạnh, và chỉ là đức hạnh khi người ta có quyền và có khả năng không độ lượng, không khoan hồng, không nhẫn nhịn, không tha thứ. Đó thường là trường hợp của kẻ mạnh, kẻ có quyền hành, của thành phần đa số. Còn nếu khi ta "phải chịu đựng" kẻ khác bởi bị áp bức, bị đè nén, bị bắt công, bị tước lột đi các quyền làm người của mình thì sao ? Trong những trường hợp này, truyền thống dân chủ chân chính đòi hỏi phải phản kháng, phải tự vệ, phải chống đối. Nhưng truyền thống dân chủ nhân bản hiện đại cũng lại đã phân biệt được giữa sự ác và người làm điều ác, giữa phản kháng có tính bạo động và phản kháng bất bạo động.

Hai sự phân biệt về đối tượng và về hình thức phản kháng này là một đóng góp quan trọng cho việc thực hành đức hạnh bao-dung ngày hôm nay : bao-dung với người có tội nhưng vẫn nắm giữ công bình và chân lý, tiêu diệt sự ác nhưng tâm hồn vẫn không căm giận oán thù người lầm lạc và được thực hiện qua những hình thức bất bạo động. Nói cách khác: bao dung được triệt để thực hiện, nhưng bao dung chân chính lại không thể chấp nhận những sự "bất-khả-bao-dung", nghĩa là những sự ác, sự bất công, sự phi nhân phi pháp.

Có những gương hạnh mô phạm cho sự phản kháng triệt để nhưng bất bạo động như thế mà ngày nay khắp thế giới đều nêu cao: những Mahatma Gandhi (1869-1948), những Martin Luther King (1929-1968)... Còn trong đất nước ta hôm nay, và trong một mức độ nào đó, chúng ta cũng có những gương hạnh bao dung vừa đầy nhân ái đối với người có tội, nhưng cũng vừa đầy quyết liệt phản kháng chống lại mọi "bất-khả-bao-dung" của sự ác : những linh mục Nguyễn Văn Lý, những hòa thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ và nhiều người đang tranh đấu cho tự do và dân chủ...

Nhìn về phương Tây : Lịch sử bao dung tây phương đã ghi lại biến cố bao dung đầu tiên với Sắc chỉ Nantes (Edit de Nantes) năm 1598 do vua Henri IV nước Pháp ban hành, thực hiện chính sách bao dung tôn giáo đối với hệ phái Tin Lành Calvin mang tên Huguenots trong nước Pháp gồm đa số công giáo. Chính sách bao dung tôn giáo này là một chủ trương hòa bình thực tiễn, nhằm chấm dứt tám cuộc chiến vừa có tính tôn giáo vừa mang sắc thái xã hội kéo dài trên 30 năm (1562-1598) của nhóm Tin Lành Huguenots chống đối chế độ quân chủ tuyệt đối. "Sắc chỉ Nantes" với chính sách bao dung tôn giáo này không những đã đem lại hòa bình xã hội, mà còn đưa lại cho nước Pháp hồi bấy giờ những đóng góp rất quan trọng trong các lãnh vực kinh tế và văn hóa do người Tin Lành Huguenots gây dựng. Bởi hệ phái Tin Lành Calvin này gồm nhiều thành phần quý tộc và đại tư sản, và nhờ vậy họ đã thành lập được nhiều trung tâm thương mại và xí nghiệp sản xuất giàu mạnh, như trong các vùng miền Tây Bắc, Tây Nam và Đông Nam nước Pháp, cũng như đã xây dựng được nhiều trung tâm văn hóa tại các thành phố như Nimes, Orthez, Montauban,

Sedan và Saumur.

Ích lợi của một chính sách bao dung còn được minh chứng một cách ngược lại : gần 90 năm sau, với Sắc chỉ Fontainebleau (1685), vua Louis XIV (1643-1715) đã thu hồi sắc lệnh bao dung Nantes, dẹp bỏ "một quốc gia trong một quốc gia", làm cho trên 200 000 người dân Tin Lành Huguenots phải bỏ nước di tản đến các nước láng giềng Anh, Hòa Lan, Thụy Sĩ, Đức. Sự ra đi của một số người đông đảo và nhiều khả năng như thế đã gây tổn thương kinh tế nặng nề cho nước Pháp, đồng thời lại đã đưa lại cho các nước tiếp nhận họ những đóng góp quan trọng trong các lãnh vực kinh tế, văn hóa và nghệ thuật.

Bước qua thời đại Khai Sáng thế kỷ 17-18, các nước Âu châu lại đã có nhiều nhà tư tưởng nêu cao tinh thần bao dung, dựa trên cơ sở tính tự chủ và tinh thần phê phán của con người. Một số người điển hình như : Spinoza với *Khái luận thần học chính trị* (1670), John Milton với *Về tự do báo chí* (1644), John Locke với *Một lá thư nói về bao dung* (1689), Montesquieu với *Về tinh thần của pháp luật* (1748), Voltaire với *Khái luận về bao dung* (1763)... Vào thế kỷ 18, với các cuộc cách mạng Bắc Mỹ và Pháp, các nước Âu Mỹ cũng lại đã có những nhà chính trị và tư tưởng đòi hỏi các quyền tự do của con người : tự do tư tưởng, tự do lương tâm, tự do tôn giáo. Một số người tên tuổi trong đó như : Thomas Jefferson, Mirabeau, Jean-Jacques Rousseau, Gotthold Ephraim Lessing, Emmanuel Kant, Johann C.F. Schiller, Johann Wolfgang von Goethe...

Một điều đặc sắc và một điều rất hi hữu mà tôi không thể không ghi lại nơi đây : điều đặc sắc là các nhà khai sáng đã đòi hỏi sự bao dung không phải chỉ vì tính tự chủ trừu tượng của con người, nhưng là để bảo đảm cho cuộc sống chung hòa bình trong xã hội ; còn điều rất hi hữu là chính Karl Marx năm 1841 đã trích một số đoạn của các nhà khai sáng nói trên để đề cao bao-dung và *phản kháng sự bất-bao-dung của nhà nước*. Đoạn văn "trích lục" của Marx nói đây đã được rút ra từ tác phẩm "Khái luận thần học chính trị" (1670) của triết gia khai sáng Baruch Benedictus Spinoza (1632-1677) và đã được xuất bản trong bộ "Marx Engels Toàn Tập" của nhà nước Dân Chủ Nhân Dân Đức. Đoạn văn trích lục đó có những câu như sau [Trích chương XX] : "*Sau đây sẽ nói về việc mỗi công dân trong một nước tự do đều được phép suy nghĩ điều mình muốn, và nói ra điều mình nghĩ : ... Điều gì người ta không ngăn cản được, thì cũng phải cho phép. Bởi cuối cùng, tự do phê phán là một đức hạnh. Khoa học và nghệ thuật chỉ có thể phát triển trong bầu không khí tự do. Nếu nhà nước ngăn cấm sự phát biểu những ý kiến và những quan điểm khác biệt, thì rồi người ta ngày nào đó sẽ nghĩ khác điều người ta nói và nói khác điều người ta nghĩ, và như thế thì sẽ không còn sự tin cậy lẫn nhau - điều rất quan trọng cho một quốc gia - và rồi cũng chỉ còn giả hình, gian trá và nham hiểm...*". Và, với kinh nghiệm bản thân về những chế độ độc tài toàn trị trong chính đất nước mình, chúng ta có thể thêm : những chế độ độc tài toàn trị như thế càng ngày càng cần đến một bộ máy công an tinh vi và tàn bạo. Bởi một khi nhà nước không còn tin vào lời nói của người dân

(vì họ không được phép nói), thì nhà nước lại phải tạo ra không biết cơ man nào là công an chìm công an nổi, gián điệp gần gián điệp xa để tìm cho ra người dân đích thực nói gì, nghĩ gì, làm gì. Thật là oan trái này đưa đến oan trái khác !

Từ trên mấy trăm trang của Spinoza, Marx đã rút ra một số câu ông cho là quan trọng để nói lên sự nguy hại của sự bất-bao-dung. Cũng trong cùng một quyển thuộc bộ "Marx Engels Toàn Tập" nói trên, Marx còn có một số đoạn trích lục từ tác phẩm "Về vấn đề tôn giáo" của tác giả Benjamin Constant và Marx đã ghi lên hàng đầu tiêu đề: *"Bất-bao-dung chỉ có thể bao dung sai lầm" !*

Nhưng bao dung trong nghĩa khoan hồng và chịu đựng, với mục đích thực hiện một sự chung sống hòa bình thực tiễn hay bởi lý do tôn trọng sự tự chủ của con người, sự bao dung đó thực ra mới chỉ là bước đi thứ nhất. Những bước đi tiếp theo của bao dung sẽ là *nhìn nhận và chấp nhận* kể khác trong tính *khác biệt* của họ. Không ai khác hơn là chính đại thi hào khai sáng Goethe (1749-1832) đã nói : *"Bao dung thực ra chỉ là một tâm trạng bước đầu, nó phải đưa đến thái độ chấp nhận. Bao dung [như là nhần nhin, tnd] có nghĩa là lảng mạ và làm si nhục"*. Bước chuyển tiếp từ *nhần nhin* đến *nhìn nhận*, và rồi từ *nhìn nhận* đến *chấp nhận* những quan điểm và xác tín của tha nhân trong tính khác biệt của họ : đó là những bước đi mà tinh thần khai sáng khuyến khích đòi hỏi.

Hơn nữa, trong những xã hội đa văn hóa và mang tính dân chủ hiện đại, quan niệm về bao dung còn chủ trương thái độ tôn trọng, nhu cầu trao đổi và tính liên đới sâu rộng toàn cầu. Cơ sở lý do của những ý nghĩa mới về bao dung này là những giá trị về nhân phẩm, nhân quyền và sự liên đới với từng mỗi một con người trong thực trạng sinh sống của họ ; và cuối cùng là bởi chính tiến trình nhận thức sự thật : tiến trình nhận thức này vừa đa nguyên đa dạng tùy theo các chủ thể nhận thức, vừa đòi hỏi sự phân biệt giữa biểu tượng nhận thức có tính tương đối và đối tượng nhận thức (hay niềm tin) trên nguyên lý có tính thiết yếu (trong niềm tin : có tính tuyệt đối).

Ở đây ta gặp phải một vài khó khăn lớn : khó khăn thứ nhất là quan niệm độc quyền sự thật của một số người, một số ý thức hệ hay tôn giáo. Đây là trường hợp đảng cộng sản cùng với ý hệ cộng sản tự cho mình có sự thật toàn diện và tuyệt đối, dựa trên một sự giải thích sai lạc về lịch sử và "sứ mệnh lịch sử" dành cho một giai cấp xã hội nhất định. Quan niệm độc quyền sự thật này đã đưa người cộng sản đến một chính sách bất-bao-dung cực kỳ thô thiển, giáo điều và tàn nhẫn như chúng ta đều biết. Nhưng thực tại lịch sử cùng với một tri thức luận khoa học đã cho thấy sự sai lầm vô cùng bi đát của người cộng sản. Chúng ta trông mong và đòi hỏi người cộng sản Việt Nam sớm tỉnh ngộ, để toàn dân được cùng nhau bắt tay xây dựng lại đất nước trong bao dung và nhân ái.

Một trường hợp khác bao thủ và độc quyền sự thật là giáo hội Kitô Giáo, dựa trên quan niệm được "mặc khải" từ Trời những sự thật độc nhất và tuyệt đối, cùng với "sứ mệnh thiên thượng" đưa cả nhân loại vào Nước Sự Thật

của Kitô Giáo này. Quan niệm độc quyền sự thật của giáo hội Kitô Giáo cũng đã đưa lại những hình thức bất-bao-dung không kém phần bi đát - cách riêng từ thời Trung Cổ đến thế kỷ 18, qua những cuộc viễn chinh thập tự giá, những tòa án pháp đình, những bắt bớ, tra tấn và hành xử những người được gọi là lạc đạo hay phù thủy... - như lịch sử đã từng ghi lại. Từ giữa thế kỷ 20 đến nay, đã có khá nhiều thay đổi trong một số trào lưu thần học và tâm linh học về sự đa nguyên và đa dạng của sự thật tôn giáo; nhưng nơi một số nhóm tín đồ hay hệ phái như "Công Giáo Toàn Thủ" (intégristes) và nhất là "Tin Lành Toàn Thống" (fondamentalistes) thì quan niệm độc quyền sự thật và sự cứu rỗi vẫn tiếp tục là những giáo điều cực đoan không chút khoan nhượng. Cho đến những năm gần đây, vẫn còn có một số tiểu bang tại Bắc Mỹ không cho phép các trường trung học của họ dạy về thuyết tiến hóa của Darwin ; và ngay vào thời điểm năm 2002 này, Tin Lành Việt Nam (phát xuất từ truyền thống thanh giáo và toàn thống Bắc Mỹ) cũng đã từng "lên án tuyệt thông" (sic) những ai trình bày (chứ chưa nói là chấp nhận) thuyết tiến hóa này.

Có thể nào và làm thế nào bao-dung sự bất-bao-dung của các nhóm Kitô Giáo toàn thủ và toàn thống này ? Tôi thiết nghĩ một số dữ kiện như tư duy khoa học, giao lưu văn hóa, tôn kính đối thoại, tiến trình trưởng thành tâm lý và tâm linh... sẽ giúp tất cả tìm ra được sự phong phú và đa dạng của sự thật.

Bên cạnh khó khăn thứ nhất của bao dung do quan niệm độc quyền sự thật như vừa trình bày trên đây, còn có một khó khăn thứ hai là quán tính bất-bao-dung của người Việt truyền thống ("người Việt xấu xí") vẫn thường xuyên và hóc hiểm ưa thích thóa mạ và chụp mũ lẫn nhau. Thái độ bất-bao-dung này là sự phản ứng của một tâm thức bị ức bách dồn nén và là dấu hiệu của một bản ngã non yếu (xin xem bài *"Người Việt ác độc - Người Việt nhân ái"* của tôi trong *Thông Luận* số 154, tháng 12-2001). Nguyên do cơ bản là cả một lịch sử dân tộc ta bị đô hộ từ bên trong cũng như từ bên ngoài, một cấu trúc xã hội cùng với một nền văn hóa chuyên chế, từ chương, giáo điều, ức hiếp và kìm hãm tâm thức con người mãi mãi trong tình trạng vị thành niên. Có thể nào và làm thế nào chuyển hóa được sự bất-bao-dung của người Việt truyền thống chúng ta ? Về câu hỏi này, tôi xin phép được góp ý trong phần thứ hai kế tiếp theo đây.

2. Làm thế nào thực hiện bao dung cho xã hội đất nước và cho các thế hệ người Việt trong tương lai ?

Trong khung cảnh giới hạn của bài viết này, tôi xin sơ thảo đóng góp một vài ý nghĩ về việc thực hiện bao dung trong hai lãnh vực : bao dung trong lãnh vực chính trị xã hội và bao dung trong lãnh vực giáo dục có quan hệ trực tiếp đến quán tính và tâm thức của con người.

Trong lãnh vực chính trị xã hội, nhân loại ngày nay đang tiến đến những nền dân chủ đa nguyên và đa văn hóa. Nếu quan niệm dân chủ cổ điển đòi hỏi "nhất trí" và không chấp nhận đối lập, thì nền dân chủ đa nguyên hiện đại trái

lại không thể không có tiếng nói khác biệt, phát xuất từ những thành phần thiểu số về chủng tộc, văn hóa, tôn giáo và chính trị, thông qua các cấu trúc những đoàn thể, hiệp hội và chính đảng. Và dĩ nhiên điều kiện thiết yếu đầu tiên của một xã hội nhiều thành phần và nhiều tiếng nói như thế sẽ phải là tính bao dung : bao dung bằng cách nhìn nhận, chấp nhận và tôn trọng đối lập và sự khác biệt của đối lập.

Những điều kiện thiết yếu tiếp theo đảm bảo cho nền dân chủ đa nguyên, nhiều khác biệt và mang tính bao dung như thế sẽ phải là : thượng tôn pháp luật, khả năng đích thực của chính đảng, chịu phê phán trước công luận, trách nhiệm của đảng cầm quyền đối với các đảng và các thành phần thiểu số, trò chơi dân chủ sòng phẳng bằng tự do thông tin và tự do bầu cử có khả năng đưa đến những thay đổi trên chính trường của xã hội.

Những điều nêu ra trên đây hầu hết đều đã trở nên rất quen thuộc đối với một công dân Việt Nam bình thường, nhưng trên thực tế thì lại đã vẫn không được thực hiện trên đất nước chúng ta. Và đó là trách nhiệm của tất cả mọi người dân ta hôm nay. Nhưng còn một lãnh vực phải thực hiện bao dung cũng không kém phần quan trọng : đó là lãnh vực tâm thức của người Việt truyền thống mang đầy quán tính bất-bao-dung, điều mà chúng ta sẽ bàn đến trong phân đoạn sau đây.

Chúng ta đã nghe nhiều, nói nhiều và cũng đã đích thân kinh nghiệm nhiều về "người Việt xấu xí" truyền thống của chúng ta - trong đó cũng có chính bản thân chúng ta nữa! - với những quán tính bất-bao-dung ác độc và hóc hiểm: đặt điều, nói xấu, thóa mạ, chụp mũ lẫn nhau... Sự kiện này có nhiều nguyên do cá nhân, tâm lý và xã hội. Nhưng một trong những nguyên do quan trọng nhất được các ngành tâm lý học chuyên sâu ngày hôm nay đưa ra : đó là những mặc cảm ức bách và tự ti bị dồn nén nay phải tìm cách phản ứng lại. Những mặc cảm này - như đã được trình bày trong một đoạn trên - là hậu quả của cả một lịch sử và một nền văn hóa chuyên chế của đất nước ta không làm cho tâm thức cá nhân con người được trưởng thành lên trong quân bình, tự tin và tôn trọng.

Để chuyển hóa tâm thức bất-bao-dung truyền thống của người Việt chúng ta, tôi thiết nghĩ chúng ta phải bắt đầu ngay ở vị trí mặc cảm của đương sự, bằng cách nhìn nhận, chấp nhận và tôn trọng với tất cả chân thành, tâm cảm (empathie) và không chút lên án (luân lý) bản thân họ trong sự khác biệt của họ. Tự ái (nghĩa tốt), tự trọng và được kính trọng : đó là những giá trị cơ bản và cũng là những quyền cơ bản của con người. Những bước đi tiếp theo sẽ là trao đổi, đối thoại, học hỏi lẫn nhau và cộng tác với nhau trong một số công việc hữu ích và ý nghĩa nào đó.

Xã hội hiện đại là một xã hội thông tin. Nhưng một xã hội thông tin không nhất thiết là một xã hội thông cảm, lại càng không nhất thiết là một xã hội thông hiểu và thông hiệp. Trong một xã hội nhiều thông tin, nhưng cũng lại nhiều nguy cơ hời hợt, bôi bác, cạnh tranh, định kiến, thủ đoạn, thanh toán lẫn nhau, tôi thiết nghĩ các thế hệ con em chúng ta cần được giúp đỡ để có được một thái độ cởi mở:

cởi mở để cảm thông, cởi mở trước sự thật và cởi mở trong liên đới. Trong một xã hội đa văn hóa, đa tôn giáo, đa chủng tộc và đa truyền thống như xã hội chúng ta ngày hôm nay, không ai có thể độc quyền sự thật. Và lại tiến trình nhận thức là một tiến trình tương đối, và sự thật mỗi chủ thể thấu nhận được do đó cũng là những sự thật tương đối. Hiểu được như thế thì xã hội chúng ta ngày hôm nay đã tránh được biết bao nhiêu là thái độ cuồng tín, cũng như đã loại bỏ được biết bao nhiêu là những cuộc khủng bố nông cuồng và tàn bạo.

Nhưng nếu nhận thức là tương đối và sự thật nhận thức được cũng là tương đối, điều ấy không có nghĩa cuộc sống là bất chấp, bất kể, tùy nghi, tùy tiện, vô định hướng, rồi từ đó đi đến cá nhân chủ nghĩa và hỗn loạn chủ nghĩa. Xã hội đa nguyên và đa phức ngày nay có nhiều tiềm lực giá trị rất lớn, nhưng cũng có nguy cơ làm cho con người thành những hải đảo cô độc khủng khiếp (đã từng có trường hợp nhiều người chết trong các thành phố lớn trên thế giới mà láng giềng mãi hai ba tuần sau mới biết được).

Trong phân đoạn trên, chúng tôi có nói đến *thông hiệp* và *liên đới* : đức hạnh bao dung ngày nay còn có nghĩa là dẫn thân và liên đới. Sau khi bức tường Berlin sụp đổ năm 1989, nhà tôn giáo nhân bản Johann-Baptist Metz trong một bài diễn thuyết tại Muenchen có nêu ra hai thách thức lớn đối với con người thời đại : đó là sự lựa chọn đối với người nghèo và lựa chọn đối với kẻ khác (tha nhân) trong tính khác biệt của họ. Hai lựa chọn này phải được diễn tả thông qua những hình thức văn hóa cụ thể : thông qua một nền văn hóa chính trị của tự do và công lý triệt để và thông qua một nền văn hóa biết nhìn nhận kẻ khác trong tính khác biệt của họ. Metz nêu ra hai thách thức trên đây trên hai bình diện kinh tế và văn hóa xã hội trong bối cảnh hai nước Đông Đức và Tây Đức, cũng như trong bối cảnh các nước nghèo nam bán phần trái đất và các nước giàu bắc bán phần trái đất. Đòi hỏi bao dung như thế còn có nghĩa là đòi hỏi phải chia sẻ đến cả số phận của nhau, số phận với những giá trị trân quý cũng như số phận với những gánh nặng và khổ đau.

Trong kho tàng văn hóa đông phương, Lão Tử đã có lời dặn bảo hãy "*lấy đức báo oán*" (ĐĐK 63). *Đức* nói đây không những là đức độ khoan dung của cảm tình và luân lý ; *Đức* của Đạo Đức Kinh thiết yếu có nghĩa là "phản diện của Đạo", là chính "Đạo trong tác động": "*Đạo sinh chi, Đức súc chi*" (Đạo sinh ra vạn vật, Đức bao bọc vạn vật [vì là nguyên lý của mỗi vật, Nguyễn Hiến Lê], ĐĐK 51). Và như thế, bao-dung cuối cùng có nghĩa là đưa kẻ đối tác về với bản thân họ (Identité), về với "*Đạo*" - "*Nguyên Lý của sinh thành, phát triển và hiện hữu*".

Trần Nhân Đạo
(Frankfurt, 5-2002)

Trần Nhân Đạo là bút hiệu một nhà nghiên cứu và triết gia về đời sống tâm linh của con người rất có uy tín trong giới trí thức châu Âu từ nhiều năm nay. Ông sinh hoạt chủ yếu với người châu Âu nhưng cũng hướng dẫn nhiều chương trình văn hóa liên hệ tới Việt Nam.

Hư cấu thật, hiện thực giả

Văn chương hư cấu không lạ gì thủ pháp ném một số phận tiếu tố vào giữa dòng xoáy của những biến cố lịch sử hệ trọng. Trí khôn đứng vờ tay nải của cái nhân vật chính bất đắc dĩ ấy thành vô dụng, tầm mắt nó vốn dừng ở mép bàn ăn thành đầu mối của mọi trở trêu, bị kịch nhỏ nhoi là nó chẳng ăn nhằm gì đến kịch bản khổng lồ của thời cuộc, nó tha hồ làm một nạn nhân hữu hiệu trong lòng độc giả và một chứng nhân hữu ích cho tác giả. Con tốt ngờ ngác sang sông là một hình tượng đặc sác, chiếm tỉ lệ bất hủ cao.

Vậy mà văn chương Việt Nam, rất chú trọng những con đường dẫn đến bất hủ, hầu như không màng đến thủ pháp ấy. Dòng bác học chữ Nho trong văn học cổ điển chuyển trách tâm tư lớn của những nhân vật xuất chúng, những người có thể đặt thế sự lên lòng bàn tay mà ngắm luân phiên với cảnh trí thiên nhiên. Không có gì xảy ra trên thế gian này khiến họ ngạc nhiên và mất khả năng bình luận. Dòng chữ Nôm - như thể tiếng hạc hai dùng cho việc thứ cấp, mà cũng như thể tiếng mẹ đẻ để với tới những tâm sự riêng tư và nhỏ mọn hơn - tuy tìm được vài số phận không ở diện phi thường, hầu hết đều là phụ nữ, song có là cát bụi cho con tạo tung hứng thì họ cũng là thứ cát bụi đã đãi kĩ, sạch hơn hần hạt thường. Ngoại cảnh chỉ chạm rất khẽ vào phận đàn bà bọc kín trong những quan niệm tổng quát của nhà Nho về luân thường, của nhà Phật về định mệnh, và chút ít của dân gian về lẽ đời. Nếu năng chinh phục trích lịch sử như một giáo sư uyên bác thì ấy là lịch sử Trung Quốc xa xôi, lịch sử đã thành điển cố, quân Tần đánh quân Tần ở sông Phì Thủy, Bàn Siêu đi sứ Tây Vực ba mươi một năm..., chẳng quan hệ gì với Trịnh và Nguyễn đang bạo liệt phân tranh trên đất Việt. Còn dòng dân gian, nơi duy nhất để kể thường dân xuất hiện, thì bẽn lẽn dựng trượng phong thánh cho kẻ ấy, không bao giờ hết những chàng mồ côi và lái lợn, chàng ngốc và chàng lú ra giữa thiên hạ mà tung hoành, giải quyết đại sự quốc gia bằng câu đối giắt lưng, thống soái việc lân bang bằng kinh nghiệm xem rế sì, cổ gà hoặc lên đàn úm một tràng tiếng lóng.

Đối diện với lịch sử nước Việt đầy tao loạn, với thế giới chông chéo rối ren, các nhân vật hư cấu của cả ba dòng ấy đều xử sự theo tinh thần điển cố, giai thoại và trữ tình. Ở đó không có thời sự, chỉ có thời cuộc, không có chính trị, chỉ có chính sự. Lời giới thiệu *Cung oán ngâm khúc* xuất bản năm 1958 (1) cho tâm lí của người cung nữ là tâm lí chung của tầng lớp thống trị đang đi vào con đường tan rã..., không còn chút ý thức với lịch sử... Song đã trách như vậy thì nên trách hết. Vào năm 1958 không ai biết, mà bây giờ cũng không ai biết, lịch sử có tồn tại thật với một người cung nữ trong phủ Chúa hay không để mà ý thức. Mọi chỉ dẫn từ hư cấu sang hiện thực thời đó đều được giấu kĩ trong ước lệ. Người cung nữ của Nguyễn Gia Thiều là thật, hay một phần tử cung nữ cốt cán, sôi nổi đứng ra tổ khổ, vạch mặt cả Sâm lẫn Huệ, là thật?

Lúc quần chúng lọt vào nghệ thuật hư cấu Việt Nam

cũng là lúc thế giới bên ngoài, phương Tây, đổ bộ vào hiện thực Việt Nam. Các nhân vật văn chương thông thái thường dẫn chuyện nước Ngô nước Sở như thể chuyện nhà lui dần, để một thằng tóc đỏ, nhật bóng sân quần, ra đối diện với mốt Ba Lê, kĩ thuật phương Tây và quan hệ ngoại giao quốc tế. Nó bày tỏ một thái độ chưa từng có trong thành quả hư cấu của văn học Việt cho đến thời điểm ấy, thái độ bản năng, thực dụng, vô chính phủ. Đã thôi là một danh phận quy định trong tôn ti Nho giáo để quan niệm xã hội theo đúng phép tắc cần thiết, và chưa là một thành phần giai cấp trong trật tự vô sản để được trang bị cái thế giới quan duy nhất có hiệu lực sau này, nó tuyệt không có nghĩa vụ với một quan điểm chính thống nào. Nó là thằng loong toong ngờ ngắc giữa cuộc giở mình của lịch sử, ủng hộ nước Nam quân chủ thì xung đột với nước Pháp dân chủ, chào mừng nước Xiêm thân Đức và Nhật thì nguy hiểm cho nước Pháp của chính phủ binh dân, theo phái trực trị mong Pháp Việt đề huề thì hại cho vua nước Nam hành đạo, theo cộng sản thì phái ấy không dám giở trò gì và biết mình có tội, theo phái dân chủ thì bất kính với vua mình và vua láng giềng... Đường nào cũng đường cùng. Tốt hơn cả là đánh bài mặt thộn, có thời cơ thì xin thua một séc bóng để cứu vãn thế giới đang mấp mé bờ chiến tranh. Cho đến lúc ấy chưa bao giờ chính trị hiện ra cụ thể và oái oăm như vậy trong văn học Việt. Nhưng *Xuân Tóc Đỏ* là phát minh của hư cấu hay phát sinh của hiện thực? Bất luận thế nào, nó là hình tượng phóng đại cho tôi nhiều chỉ dẫn thoải phồng có lẽ xác đáng nhất về hiện thực một thời. Cái thật của hiện thực và cái giả của hư cấu không cần chuyển ngôi cho nhau, cũng không cần trà trộn, bên nào giữ sân bên nấy. *Xuân Tóc Đỏ* là một trong những con tốt hiếm hoi và có lẽ cũng sống mãi - như đã nói, chúng chiếm tỉ lệ bất hủ cao - dù bị phát vãng gần một nửa thế kỉ trước khi lại về với văn học Việt, không giải thích, như thể đi vắng mấy chục năm là chuyện chẳng bỏ phí lời.

Văn học Việt Nam có chừng ba hay bốn thập kỉ để luyện một khóa bồi dưỡng chớp nhoáng những chặng phát triển của văn học châu Âu - chủ yếu là Pháp -, một mạch từ thời kì Khai Sáng đến chủ nghĩa hiện thực cổ điển, chủ nghĩa lãng mạn, một chút chủ nghĩa tự nhiên và vừa chớm vào chủ nghĩa tượng trưng thì mãn khóa (2). Không một xã hội nào, dù biến động như vũ bão, đủ sức cung cấp hiện thực với tốc độ như vậy cho hư cấu. Chạy thi thì con rùa hiện thực chỉ thắng con thỏ hư cấu như cách đã biết trong ngụ ngôn. Không phải quả hiện thực đã chín muồi để rơi vào giỏ hư cấu, mà ngược lại, những trai thanh gái tú trong tiểu thuyết của *Tự Lực Văn Đoàn* có vẻ sẵn sàng rời trang giấy mà sung vào hiện thực. Họ đại diện cho những trào lưu tư tưởng hoặc nghệ thuật hoàn toàn mới mẻ chẳng? Có thể lắm. Song mọi trào lưu đều cần một chút thời gian để lọt lòng từ những tiền đề xã hội nhất định, một chút nữa để trưởng thành, lại một chút nữa để chín chắn và nở rộ và cần rất nhiều chút để thoái vị. Bất chấp những con đường tắt và rút ngắn của văn học Việt Nam giai đoạn ấy, xã hội Việt Nam trong thực tế sâu thẳm và trong quán tính cổ hữu của nó vẫn rất chậm rãi, dù bề mặt có thể bày ra

một cảnh tượng khác. Sự hoài nghi của tôi đối với chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam bắt đầu từ cảm giác lệch pha ghê gớm, cảm giác rùa-thỏ-chạy-thi, giữa hiện thực và hư cấu của chính giai đoạn văn chương được coi là khai phá ấy, chứ không phải của giai đoạn chuyên tu hiện thực xã hội chủ nghĩa sau này.

Kết luận chung của hầu hết ai đứng ngoài, ai đối lập và ai đã tìm được một khoảng cách với văn học cách mạng Việt Nam - chúng ta phải chấp nhận khái niệm này như một thuật ngữ của lịch sử văn học - là nền văn học đó giáo điều, công thức, lên gân và giả tạo. Tôi không cho là như vậy. Khác với giai đoạn trước, hư cấu và hiện thực đến đây hoàn toàn đồng bộ, văn chương và thực tế thành cặp song sinh, nhiễm thói quen của nhau, đau lẫn bệnh của nhau. Không phải nghệ thuật gồng lên với những công thức và giáo điều, mà hiện thực đã làm mẫu trước. Không phải nhà văn cố tình bày đặt ra một thế giới giả tạo, mà chính thế giới bên ngoài trang sách đã giả tạo tiên phong. Lỗi duy nhất của hư cấu là không giữ được bất kỳ một khoảng cách nào với cái hiện thực ấy. Là trung thành với cái giả, chân thành tùy tùng cái ngụy. Anh bộ đội, chị nông dân, bác công nhân trong sách chỉ cố gắng nói đúng như những anh, chị, bác như thế thường phát ngôn trong thực tế. Họ trở thành gương sáng của xã hội trước khi ulla vào làm anh hùng trong truyện, không phải những con tốt đen bị đấm mà là lực lượng của một tập thể hùng hậu, đầy ý thức về sứ mệnh với lịch sử, vai trò với nhân loại và vị trí với thế giới của mình. Họ thôi làm dân chúng để thành nhân dân. Không có gì xảy ra trên thế gian này khiến họ ngạc nhiên và mất khả năng bình luận. Ở những vùng hẻo lánh nhất, không biết sông nhà chảy qua đâu về đâu, song người ta biết rõ ba dòng thác cách mạng thế giới, biết sản lượng thép ra lò ở Liên Xô, biết trắng Trung Quốc tròn hơn trắng nước Mỹ (3) và biết mọi công dân ưu tú nhất của hành tinh trái đất đều mơ sáng mai thức dậy thành người Việt Nam. Miệng mình có bao nhiêu cái răng sâu chẳng rõ, nhưng người ta nắm vững bệnh án trầm kha của con bệnh tư bản. Tình hình quốc tế luôn thuận lợi, đúng như mong muốn, đôi khi khó khăn cũng là tất yếu để khắc phục thành công. Thế giới đã khổng lồ hơn xưa, đặt lên lòng bàn tay không vừa, nhưng đủ gói gọn trong cuộc họp hàng tuần, thừa ra thì vợ chồng bàn nốt trong nhà trước ca sinh hoạt. Chưa bao giờ người Việt tự tin và thấu hiểu cái thế giới trước đó không lâu còn liệt họ vào diện bán khai như vậy. Thế giới quan duy vật lịch sử cắt nghĩa tất cả, không để ngỏ một kết luận nào. Vật đổi, sao dời, Jane Fonda là bạn rồi Jane Fonda là thù, đều trong quy luật tiến hóa của lịch sử. Chưa bao giờ ngôn ngữ chính trị đi vào lời ăn tiếng nói của quần chúng như thế. Không phải văn chương hiện thực xã hội chủ nghĩa bị chính trị hóa, nó chỉ bị một hiện thực chính trị hóa đô hộ, khẩu hiệu chào năm mới trong thơ Tố Hữu chỉ cố cho khỏi chênh với khẩu hiệu kẻ vôi bên ngoài mà thôi. Song đâu là ngọn, đâu là gốc, một lúc nào đó ai còn đặt câu hỏi. Hiện thực giả hóa thân vào hư cấu thật. Văn chương gán những sơ đồ rãnh mạch của tư duy đen trắng cho cuộc đời và cuộc đời bỏ những tâm tình thăng trầm của mô hình

thiện ác lên mặt giấy. Sự giản lược diễn ra đồng loạt ở mọi bình diện. Cái hiện hữu dựa vào cái không hiện hữu, cái bịa mô phỏng chính xác cái có thật, phân biệt chân và ngụy trở nên thừa.

Những năm gần đây các nhân vật hư cấu trong văn chương Việt Nam đã thay đổi đáng kể. Nửa non chưa thôi là nhân dân như đã biết, nửa già đã lặn lẽ quay về làm những số phận riêng tư của một dân chúng không còn biết, không thể biết và có lẽ cũng không muốn biết thế gian và thế giới, chính trị và chính sự, thời sự và thời cuộc... rồi sẽ ngã sang những mầu gì. Phần đông đã lại gói mình trong luân thường, định mệnh và lẽ đời, một phần nữa lặp lại lối xử sự theo tinh thần giai thoại, điển cố và trữ tình. Chỉ còn chờ lòi ra một con tốt có triển vọng bất hủ công khai bày tỏ thái độ bản năng, thực dụng, vô chính phủ, là chúng ta có một giai đoạn văn học hậu hiện đại biết tái sinh mọi phương tiện cũ.

Nó, đứa loong toong ngơ ngẩn giữa cuộc giở mình của lịch sử, có lẽ lại xin thua một séc bóng để cứu vãn thế giới mấp mé bờ tận thế sau 11 tháng Chín, dù chẳng biết cái thảm họa ấy có thật hay chỉ là hư cấu hóa thân.

Phạm Thị Hoài
(Berlin, 8-3-2002)

- (1) Nguyễn Trác và Nguyễn Đăng Châu khảo thích và giới thiệu, nhà xuất bản Văn Hóa, Hà Nội, 1958.
- (2) Văn học miền Nam 1954-1975 đã đi tiếp hoặc ít ra là quan sát tiến trình phát triển sau đó của văn học phương Tây, nhưng tại Việt Nam nó gần như bị xóa sổ, tại hải ngoại bị thất lạc và phân tán. Người viết bài xin bỏ ngỏ giai đoạn này.
- (3) *Cửa mở*, thơ Việt Phương, nhà xuất bản Văn học, Hà Nội 1989.

LTs : Phạm Thị Hoài, 41 tuổi, là nhà văn Việt Nam nổi tiếng trong và ngoài nước, được trao tặng nhiều giải thưởng văn học của nhiều nước, hiện sinh sống tại Đức. Phạm Thị Hoài còn là một trong những người chủ xướng diễn đàn Talawas trên mạng internet (tìm đọc : <http://www.talawas.de>).

Những người thực hiện : Đặng Hoàng Giang (Wien), Lê Trọng Phương (Bonn), Phạm Quốc Bảo (Berlin), Phạm Thị Hoài (Berlin), Patrick Raszelenberg (Duisburg), Trịnh Hữu Tuệ (Berlin), Trương Hồng Quang (Berlin) Đặng Hoàng Giang (Wien), Lê Trọng Phương (Bonn), Phạm Quốc Bảo (Berlin), Phạm Thị Hoài (Berlin), Patrick Raszelenberg (Duisburg), Trịnh Hữu Tuệ (Berlin), Trương Hồng Quang (Berlin).

Đừng quên những người dân chủ đang bị giam giữ không xét xử :

- *Nguyễn Khắc Toàn*, từ ngày 8-1-2002
- *Vũ Ngọc Bình*, từ tháng 1-2002
- *Lê Chí Quang*, từ ngày 21-2-2002
- *Phạm Hồng Sơn*, từ ngày 27-3-2002

*Những người này chỉ có một tội :
họ đòi dân chủ cho Việt Nam !*

Kẻ thắng, người thua ?

"Ôn cố, tri tân" - nhớ về quá khứ, nhìn vào hiện tại (rồi hướng tới tương lai) - là lẽ thường tình, nhưng nhiều khi lại rất cần. Lão Chộp đã dùng cảm làm cái sự cần thiết ấy, và vì vậy, đặt Lão Chộp vào ngày 30-4 là một sáng kiến rất hay của *Talawas* (1). Riêng tôi, khi dõi theo ba hướng trên với góc nhìn của Lão Chộp, cứ thấy cái gì nhập nhòa, vướng vướng.

Ừ thì Lão Chộp "bận bao công việc đồng áng, mùa màng... Chẳng ai còn nhắc lại chuyện cũ", nhưng khi được hỏi chuyện xưa, lão đâu có "không còn nhớ nữa" ? Mọi chi tiết vẫn được kể ra, đầy khí thế. "Khép lại quá khứ, nhìn về tương lai" - như chủ trương của chính quyền, là như vậy. Khép lại, chứ không đóng, không quên - tạm thời như vậy, khi cần vẫn có thể mở ra. Mà mở ra cũng rất sàng lọc, rất cẩn thận.

Hồi Mỹ ném bom Hà Nội, tôi phải sơ tán về một làng quê Bắc Bộ. Ở đó, bom đạn thưa hơn, nhưng tôi vẫn bị đắm mình trong một không khí nặng trĩu sợ hãi, căm thù. Mẹ tôi kể : ở Hà Nội, sau mỗi lần thành phố bị ném bom, người ta hay giải phi công (được gọi là giặc lái) tù binh Mỹ đi qua các khu phố bị tàn phá ; dọc hai bên phố, mẹ tôi chỉ thấy những giọt nước mắt, những tiếng gào uất hận, những cặp mắt và những bàn tay nắm chặt căm thù ; thường thì những người lính áp giải cũng bị chảy máu đầu vì bị gạch đá ném chệch đích. Gần đây, chính quyền Hà Nội cũng đã chính thức công nhận vụ thảm sát hàng ngàn dân thường khi bộ đội cộng sản chiếm Huế trong chiến dịch Mậu Thân. Vậy nên, thật là quá đẹp cái hình ảnh Lão Chộp bắt trời, dẫn giải tù binh Mỹ, và sẵn sàng dùng tính mạng mình để bảo vệ họ bằng một khẩu súng trường không đạn. Đẹp đến độ khó tin ! Phải chăng, ở đây, hình ảnh ghê rợn của chiến tranh đã được thi vị hóa bởi những sắc màu chính trị ?

Còn hiện tại thì tên tù binh thua cuộc nhục nhã năm xưa đã là thượng khách, là "anh em". Căn nhà Lão Chộp thì vẫn "tuềnh toàng, xơ xác", làng quê lão nếu có đang khởi sắc, thì cũng chỉ là vì bởi những cánh đồng trồng tỏi để xuất sang Mỹ quốc. Những vần thơ "trông cà dái dê" được ưa chuộng vì thuộc chúng thì kiếm ra tiền ; còn những bài thơ "thần đồng" thì chẳng còn ai "sực".

Với tư cách khách quý, tên tù binh năm xưa đang "trình bày cho người Việt rõ rằng, kinh tế thị trường tự do (chứ không phải kinh tế thị trường XHCN !) là một thành tố cơ bản cho một quốc gia tự do", và hơn nữa, còn chỉ hướng : "*Thành tựu trong tương lai... còn tùy thuộc vào việc nhân dân nước này có sẵn sàng chấp nhận cho mình hay không một số những giá trị mà người Mỹ hằng ưu ái, như kinh tế thị trường vững chãi, tôn trọng quyền cá nhân cũng như các nguyên tắc dân chủ*" (Phát biểu của cựu Đại sứ Peterson ngày 8-4-2002, *Talawas* dịch). Kẻ thắng cuộc ngày nào thì nay thỉnh thoảng cũng "Ồ, thế ra..." một tiếng, hoặc buồn rầu : "Nông dân thời nào cũng khổ bác ạ, không ngóc đầu

lên được đâu", nhưng nhìn chung lúc nào cũng cười, lúc thì "khùng khục", lúc thì "hô hố" sảng khoái. Tôi cứ có cảm giác Lão Chộp vẫn mơ màng sau làn khói thuốc缭绕 Vĩnh Bảo, tự tin, tự tại, nhìn lên trời từ đáy giếng sâu. Tôi nghiệm thấy rằng, kẻ cao đạo mà cuối cùng thua cuộc, thường hay cố quên đi những thành tích nhất thời, còn người toàn thắng thường hay xoài mói lại những vấp ngã đã qua. Vậy thì ở đây, ai là kẻ thắng, người thua ? Mặc dù không hề mong rằng mỗi người phó thường dân chúng ta lúc nào cũng phải nhớ như những nhà hiền triết, nhưng không hiểu sao, nghe tiếng cười sảng khoái của Lão Chộp, tôi cứ thấy cay cay nơi đầu mũi. Và tôi hoảng hốt thực sự khi tác giả Lão Chộp chỉ ra lần ranh giữa người anh hùng và tên tù binh năm nào là ở sự khác biệt giữa hai nền văn minh (!). Cờ Hoa Kỳ đang tung bay sát cạnh quảng trường Ba Đình Hà Nội. Tội An Đoàn đang lũ lượt tràn sang Mỹ. Vậy hai nền văn minh "nước, lửa" mà Trần Đăng Khoa nói đến có mặt mũi ra sao ? Không lẽ đó là văn minh Đông, văn minh Tây ? Hay là văn minh thực dụng Âu-Mỹ và văn minh cao ngạo A.Q. (2) ?

May mắn có lần được nghe Trần Đăng Khoa nói chuyện, tôi thán phục Trần Đăng Khoa về cái tài, cái duyên, cái thâm thúy mang dáng dấp của một bác hề chèo. Đùa rớt tất cả, tương đối hóa tất cả. Nheo mắt cười khi trộn lẫn mạnh yếu, phải sai. Người Việt Nam vốn yêu hề chèo vì cho rằng nó thay mặt dân đen để bỡn cợt quan trên. Trong *Lão Chộp*, người bị đùa dai hình như lại là lão thường dân. Chứ hoàn toàn không phải là các đấng bề trên. Một cuộc tương tàn hơn 20 năm, kìm hãm bao nhiêu bước tiến của dân tộc, cướp đi mạng sống của hàng triệu con người, mà lại được coi là "trò trẻ con", thì đúng là một trò chơi vương giả. Nó nhẩn tâm và không cần tỉnh táo. Thái độ như vậy đối với quá khứ và hiện tại, không thể dùng để định hướng tương lai.

Phạm Việt Vinh
(Berlin, 13-5-2002)

(1) *Talawas* là một diễn đàn độc lập, mong đối diện những vấn đề của hiện thực Việt Nam bằng cách đặt chúng vào những góc nhìn của thế giới bên ngoài. Nội dung chủ yếu của *Talawas* là chuyển những thành tựu văn hóa thế giới và những thảo luận thời sự của trí thức quốc tế vào các tương quan Việt Nam. *Talawas* cũng là điểm gặp và cọ xát giữa tiếng Việt và các ngôn ngữ khác.

(2) A.Q. là nhân vật trong "*A.Q. chính truyện*" của nhà văn Trung Quốc Lỗ Tấn. A.Q. là một nông dân cùng cực về vật chất lẫn trí tuệ nhưng hoàn toàn không ý thức được bản thân mình cũng như hoàn cảnh xung quanh. Ở miền Bắc Việt Nam có khái niệm "Phép thắng lợi tinh thần của A.Q." để miêu tả tình trạng: mặc cho thực tế thua kém, nhục nhã, cứ tự cho mình là thắng, mình hơn để mà đắc chí, an vui. Đương thời Mao Trạch Đông rất ghét "*A.Q. chính truyện*" vì cho rằng nó đã sỉ nhục nông dân - lực lượng chính của cách mạng cộng sản Trung Quốc.

LTS : Phạm Việt Vinh, 48 tuổi, là tiến sĩ kỹ thuật, hiện sinh sống tại Đức. Trước đây là giảng viên đại học tại Hà Nội.

Bỏ mả

Phi kỳ quỷ nhi tế chi, siểm giã.
(Luận ngữ: Vi chírh, II)

Trong những câu thơ bút tre, một loại thơ lưu truyền rộng rãi ở Việt Nam, tôi thích nhất hai câu :

Tin nghe như sét đánh ngang

Bác Hồ đang sống chuyển sang từ trần!

Khách quan mà nói, ý thích của tôi dễ gây ngộ nhận là mình có ác cảm hay tư thù chi đó với ông Hồ Chí Minh. Xin thưa : dù không có cái hạnh của người quân tử, và dù chỉ là một thường dân đứng bên, tôi hoàn toàn và tuyệt đối không hề có cái ý nghĩ nhỏ nhen như thế. Tôi khoái hai câu thơ trên chỉ vì sự duyên dáng của chính nó, vậy thôi. Có những câu thơ bút tre khác nữa, cũng nói đến cái chết của ông Hồ, tôi lại không thích mấy, thí dụ như :

Tin nghe như sét đánh gần

Bác Hồ đang sống từ trần chuyển sang !

Hoặc :

Vào trong hang Bác âm u

Chị em phụ nữ đỡ “mu” ra chào !

Riêng hai câu này, theo thiện ý, đã kém duyên dáng lại thiếu phần thanh nhã. Nó diễn tả sự khinh miệt một cách sỗ sàng, của “chị em phụ nữ”, trước vong linh của ông Hồ Chí Minh. Mà tỏ sự bất kính đối với một người đã khuất (cho dù họ là ai chẳng nữa) là điều trái với văn hóa của dân tộc Việt, ở khắp mọi miền - nhất là miền ngược, nơi mà phong tục tập quán có vai trò quan trọng trong đời sống hàng ngày hơn ở miền xuôi.

Nhân nhắc chuyện phong tục/tập quán của miền xuôi/miền ngược, tôi lại chợt nhớ cách đây không lâu, thi sĩ Trần Đăng Khoa, lúc cao hứng - trong "Câu Chuyện Bên Bàn Trà" - có tâm sự như sau :

"Vừa rồi tôi có đi Tây Nguyên dự lễ bỏ mả của gia đình ông Y Ngông Niết Đam. Người Êđê có một tục lệ rất đặc biệt. Khi nhà có người chết, gia đình con cháu hàng ngày vẫn nuôi nấng, vẫn mang cơm nước ra mộ, khi có điều kiện họ làm lễ bỏ mả. Đó là bữa tiệc linh đình chia tay vĩnh viễn với người chết. Sau đó họ không quan tâm đến ngôi mộ ấy nữa, để linh hồn người chết được siêu thoát, không còn vướng víu cõi trần. Tôi cũng đã làm xong cái lễ bỏ mả cho thơ ca thời niên thiếu của tôi". (Cánh én, Đức Quốc, số tháng 12-1999).

Bỏ mả không phải là tục lệ “rất đặc biệt” của người Êđê ở Tây Nguyên mà là tập tục chung, ở nhiều nơi, của nhiều nhóm người khác nữa. Người Roglai, người Rhadé, người Bahnar, người Djarai... ở miền Nam và miền Trung nước Việt đều có tục lệ tương tự. Gần bốn mươi năm trước, học giả Toan Ánh có một bài viết ngắn và rất cô đọng về tập tục này - xin trích dẫn một đoạn ngắn :



Karakom, tượng gỗ người gác mộ theo tập tục djarai

"Đối với người Roglai - sắc dân sống rải rác các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, và Lâm Đồng - lễ cúng bỏ mả có nghĩa là người sống từ giã người chết. Lễ này được cử hành sau mùa gặt hái đầu tiên, tính từ ngày người chết qua đời. Mùa gặt hái hoàn tất, mọi người đều rảnh rang nên lễ cúng bỏ mả làm linh đình lắm. Có giết trâu mổ bò, mới thầy cúng làm lễ cho người khuất rồi đãi làng nước. Sau lễ bỏ mả là hết, ngôi mộ không được ai chăm sóc nữa. Người Rhadé, đa số sinh sống tỉnh Darlac và Quảng Đức, cũng có lệ bỏ mả vào mùa gặt năm sau. Người nhà ra mộ khóc lóc một lần cuối rồi mộ bị bỏ hẳn. Kỷ niệm của người chết cũng chìm dần vào quên lãng. Người Bahnar - sắc dân sống ở Đông Nam Kontum, Tây Bắc Pleiku, và phía Tây Bình Định - cũng chỉ chăm sóc mộ phần một năm... Sau đó họ làm lễ tạ rồi san phẳng, và từ đây không còn ai ngó tới". ("Tang Lễ Cửa Đồng Bào Thượng", nhật báo Cách Mạng Quốc Gia, xuất bản tại Sài Gòn, số ra ngày 1-9-1963).

Trong phần kết luận của bài báo này, Toan Ánh viết như sau :

"Gần đây nhiều đồng bào Thượng đã di cư về gần chúng ta, có lẽ rồi đây phong tục của họ sẽ bị ảnh hưởng của chúng ta mà có sự biến cải. Ánh sáng văn minh đã rọi vào nước Việt Nam, lẽ tất nhiên sự tiến bộ của chúng ta sẽ thúc đẩy sự tiến bộ của đồng bào Thượng, anh em chúng ta".

Tôi rất quý trọng tinh thần bao dung, coi tất cả mọi người sống trong nước Việt đều là anh em đồng bào, của học giả Toan Ánh ; tuy nhiên, khi quan niệm là "có lẽ rồi đây phong tục của họ sẽ bị ảnh hưởng của chúng ta mà có sự biến cải" nhưng không viết thêm rằng "và ngược lại để cùng tiến bộ" thì tôi sợ ông hơi quá tự mãn về phong tục và tập quán của văn hóa miền xuôi.

Nói cách khác, và nói một cách hơi vô lễ, tôi e là Toan Ánh có hơi *ethnocentric*. (Và nói thiệt tình thì tôi chưa bao giờ gặp được bất cứ một người Việt Nam nào, ở miền xuôi, biết tỏ ra khiêm tốn chút đỉnh về văn hóa của họ. Và đây là một thảm kịch, sẽ còn nhiều màn, của dân tộc Việt !).

Giao lưu là hệ quả tất yếu khi có sự tiếp xúc giữa hai hay nhiều nền văn hoá dị biệt, chứ không phải là con đường một chiều - như nhiều người vẫn nghĩ. Xin đơn cử một thí dụ về vấn đề này, bằng cách tiếp tục câu chuyện đang bỏ dở - chuyện "Bác Hồ đang sống chuyển sang từ trần".

Tập tục bỏ mả của người miền cao, tôi trộm nghĩ, có nguồn gốc từ đời sống du canh. Do sự di chuyển không ngừng để tìm đất đai canh tác mới nên cơ hội trở lại nơi chốn cũ thăm viếng mộ người đã khuất rất mỏng manh ; do đó, người ta cần làm lễ tạ mả để bớt áy náy khi phải bỏ mồ mả người thân. Với thời gian, dân số mỗi lúc một tăng nhưng đất đai thì không. Diện tích đất đai giới hạn không cho phép phương thức du canh tiếp tục mãi mãi. Con người phải từ dần bỏ nếp sống này và làm quen với đời sống định canh hay bán định canh nơi miền sơn cước.

Từ đây, tuy có nhiều cơ hội gần gũi với mồ mả của những người đã khuất hơn nhưng tập tục bỏ mả vẫn còn được lưu truyền. Lý do, phần vì văn hóa bao giờ cũng biến

đổi chậm hơn những đổi thay trong nếp sống thường nhật; phần khác, quan trọng hơn, vì lý do kinh tế.

Khi những phương tiện kỹ thuật để hỗ trợ cho việc sản xuất vẫn còn ở mức độ thô sơ, khi đất đai canh tác bị giới hạn, và khi nhân khẩu mỗi lúc một tăng thì việc "hàng ngày vẫn nuôi nấng, vẫn mang cơm nước ra mộ" cho người đã khuất - theo phong tục của người Êđê, qua lời kể của Trần Đăng Khoa - là một thứ lễ nghi xa xỉ không thể kéo dài; do thế, bỏ mả là một tập tục thực tế và cần thiết cho chuyện sinh tồn của những người còn sống. Cũng theo Toan Ánh, qua bài báo đã dẫn: "*Lễ tạ mả có thể cử hành ngay sau khi chôn cất nếu tang chủ quá nghèo. Chôn cất xong là thôi, người nhà cũng như dân làng không ai nhắc nhở đến người quá cố nữa vì mộ đã tạ rồi*".

Tôi ước ao sao một số những người dân "làng Ba Đình" (ở đất ngàn năm văn vật) học được một phần nào sự khôn ngoan và thực tế - về tục lệ bái mả này - từ những đồng bào Rhadé, Bahnar, Djarai... Họ sẽ ra lăng hay ra mả ông Hồ Chí Minh khóc lóc thảm thiết một lần cuối rồi... san bằng nó đi cho cả nước được nhờ!

Báo *Nhân Dân*, phát hành từ Hà Nội, số ra ngày 31-8-1999, có đi tin "Cố Vấn Đỗ Mười Thăm Bộ Tư Lệnh Bảo Vệ Lăng Hồ Chủ Tịch". Chỉ cái tiêu đề của bản tin không thôi cũng đủ khiến cho một người vô tâm nhất hóa phải băn khoăn. Có cả một Bộ Tư Lệnh để bảo vệ mộ phần của một người đã chết sao?

Người dân Việt sùng bái ông Hồ Chí Minh đến độ cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc mà vẫn hy sinh hàng vạn lực lượng lao động chỉ để thỏa mãn cái thị dục hiếu danh cho một cá nhân hay sao? Theo chỗ tôi biết, e rằng không phải vậy đâu. Chỉ qua vài câu thơ bút tre, đã dẫn, cũng đủ biết dân chúng chán ngán ông Hồ (và cái lăng thổ tả của ông ấy) đến cỡ nào rồi.

Mà đâu có riêng chi quần chúng. Hãy nghe lời ta thán của một cán bộ cộng sản, ông Hoàng Hữu Quýnh: "*...cái nắm mồ của Bác quá khổng lồ, quá tốn kém. Đại đột xây to hơn cả nắm mồ của Lê-nin. Cái lăng nằm trơ trọi ở Ba Đình, trong đó chỉ có một cái xác xanh xao tái nhợt mà có đến hàng ngàn, hàng vạn con người cung phụng ở đó...*". (Tôi Bỏ Đảng, tập I, trích từ Minh Võ: *Phản Tỉnh Phản Kháng Thực Hay Hu*, California: Thông Vũ, 1999).

Vì dân trí thấp, và toàn toàn là đồ mất dạy vô giáo dục, nên không ai nhìn thấu được công ơn của Bác đối với dân tộc Việt chăng? Tất cả thành tích của Hồ Chí Minh đều được thêu dệt, tưởng tượng và ghi lại thành sách bởi chính ông ta nhưng làm bộ đề tên người khác - cho nó có vẻ khách quan và khả tín. Loại "sử liệu quý báu" này được Đảng khai thác đến cùng để thần thánh hóa ông Hồ, và biến ông ta thành một thứ mộc che cho tội ác của họ. Nó cũng được dịch ra rất nhiều ngoại ngữ để các sử gia nước ngoài có cơ hội tìm hiểu về "thân thế và sự nghiệp cách mạng của Bác Hồ", một ông "Thánh François bưng biền" Việt Nam, nếu nói theo nguyên văn - một cách cường điệu và ngu xuẩn - của một ông ký giả ngoại quốc nào đó.

Suốt cuộc đời ông Hồ Chí Minh chỉ chuyên xài bạc giả. Sở dĩ ông ta bị bịp được nhiều người, trong nhiều năm là nhờ

Tản mạn

Lạc hậu và thoái hóa

Đảng Cộng Sản Việt Nam đã trình trọng loan báo sự kiểm nghiệm ADN đưa tới việc công khai thừa nhận Nông Đức Mạnh là con hoang của Hồ Chí Minh. Lời đồn rĩ tai từ ngày Nông Đức Mạnh được làm tổng bí thư nay trở thành dữ kiện chính thức.

Chuyện giọt máu rơi là thực hay bịa đặt, đều khiến cho bậc thức giả không khỏi nực cười. Nông Đức Mạnh lên chức tối cao trong chế độ độc đảng chẳng qua chỉ vì là nhân vật mà các phe phái trong đảng đành chấp nhận sau khi tranh chấp giằng co mà không đoạt ưu thế riêng. Khi dùng dữ kiện huyết thống lãnh tụ, đảng hy vọng Nông Đức Mạnh thừa hưởng phần nào vầng hào quang của người "cha" quá cố, thay cho khả năng và thành tích lãnh đạo ưu việt không thể nào kiếm ra để chứng minh sự tín nhiệm. Duy thủ đoạn ấy vô tình làm cho chính thể Hà Nội xuống cấp ngang hàng với Bình Nhưỡng (Bắc Hàn). Công luận thế giới gọi đó là chế độ "cộng sản kế truyền", một loại biến thái của những triều đại phong kiến xa xưa.

Ngoài ra, vầng hào quang của Hồ Chí Minh có còn đủ sáng để chiếu rọi vào Nông Đức Mạnh hay không? Huyền thoại "cha già khờ kính, suốt đời tận tụy vì nước vì dân, không nghĩ tới có vợ con", một lần nữa để lộ sự giả dối do chính thủ phạm ngụy tạo tự thú. Nỗ lực tôn thờ "tư tưởng Hồ Chí Minh", đưa Hồ Chí Minh vào vị trí một "Ông Đạo khai sáng quốc giáo" (!) sau 15 năm vẫn chưa đạt mục tiêu vì thiếu cơ sở: không tìm đâu ra điều có thể gọi là "tư tưởng" của Hồ Chí Minh để sử dụng làm nền tảng xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, cùng đích của đảng. Rút cuộc, vẫn là những tiểu xảo tuyên truyền bịp bợm, ngu dân, tưởng chừng người dân còn ngây thơ, khờ khạo như thời 1940-1945 mà Đảng tha hồ vận dụng theo ý muốn.

Nghiêm Văn Thạch (Paris)

vào sự đồng lõa tích cực của cả một băng đảng chuyên làm bạc giả- Đảng Lao Động Việt Nam. Cái lăng của ông Hồ Chí Minh cũng chỉ là biểu tượng cho sự tôn kính giả tạo đó mà thôi. Thực chất, "dân làng Ba Đình Hà Nội" đang thờ cúng ông Hồ Chí Minh như một thứ ma xó (với hy vọng) để giữ nhà và hù dọa những người yếu bóng vía.

Tôi thực tình không muốn xía vô chuyện phong tục tập quán và tín ngưỡng của bất nhóm người nào, kể cả những người sống bằng xác chết. Tôi sẽ thôi không nhắc nhở đến ông Hồ Chí Minh nữa, nếu những người "dân làng Ba Đình Hà Nội" cũng thôi dùng những đồng tiền mồ hôi nước mắt của đồng bào tôi vào chuyện thờ phượng ông Hồ. Bòn rút xương máu của người sống để cung phụng cho người chết là điều bất trí. Dựa hơi người chết để sống là chuyện bất nhân. Có cái dân tộc nào bất hạnh đến độ phải chịu sự "lãnh đạo" của một đám người vừa bất nhân vừa bất trí như vậy không?

Tướng Năng Tiến (San José)

Chúng tôi chống chính sách thanh lọc giống nòi

Đây là lần thứ hai sau khi đất nước thống nhất mà chính quyền Hà Nội va chạm với đồng bào Thượng. Lần đầu từ sau ngày 30-4-1975 đến 1978, nhưng đã được thủ tướng Phạm Văn Đồng giải quyết một cách thảo đáng : anh em Fulro đã trở về hợp tác với chính phủ và chính phủ đã phóng thích những tù binh Fulro bị bắt giữ trước đó.

Cuộc nổi dậy đột ngột hồi đầu tháng 2-2001 vừa qua gồm ba nhóm Thượng : giáo dân tin lành, nông dân và cựu Fulro. Nguyên vọng chung của ba nhóm này là : được tự do tín ngưỡng, trả lại đất đai canh tác đã bị chiếm hữu một cách bất công và không bị phân biệt đối xử.

Vấn đề xung đột giữa đồng bào Thượng với chính quyền đã ngấm ngấm từ khi nhà nước cộng sản áp dụng chính sách kinh tế thị trường trên toàn quốc từ năm 1986. Người Việt từ khắp nơi đã lên Trên Tây Nguyên, khai thác và khai phá đất đai một cách bừa bãi, rồi chiếm hữu luôn những mảnh đất của đồng bào Thượng đang để trống để mằm rẫy, mục đích là bồi dưỡng đất đai canh tác cho mùa tới. Truyền thống làm rẫy đã có từ lâu đời mà không thể một sớm một chiều đồng bào Tây Nguyên có thể thay đổi, phải cần một quá trình lâu dài để giáo dục. Một số nhân sĩ Thượng cảm thấy có trách nhiệm với đồng bào của họ đã gợi không biết bao nhiêu kiến nghị gửi lên các ban bí thư, mặt trận tổ quốc xã, huyện, tỉnh và trung ương, những người đại diện chính quyền không những đã không trả lời mà còn tìm cách phiền nhiễu những người ký tên.

Chính vì bất công đã kéo dài quá lâu và vượt quá sức chịu đựng nên đồng bào Thượng từ các tỉnh Kontum, Gia Lai, Đắk Lắk và Lâm Đồng đã kéo nhau xuống đường biểu tình rầm rộ đầu năm 2001 vừa qua để đánh động lương tâm của những người lãnh đạo nhà nước cộng sản Việt Nam. Thay vì lắng nghe và giải quyết trong ôn hòa, nhà nước cộng sản Việt Nam đã chọn giải pháp đàn áp làm hơn 5.000 người phải bỏ chạy sang Campuchia tị nạn. Sau đó để bịt miệng tiến nói của người Thượng, chính quyền Hà Nội ngăn cản không cho các nhà ngoại giao và giới truyền thông quốc tế lên tận nơi quan sát và tìm hiểu. Chính quyền Hà Nội cứ một chiều kết tội những người lãnh đạo chúng tôi là "xúi giục cộng đồng người Thượng ly khai, cấu kết với các thế lực phản động bên Mỹ chống lại nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam", thật ra là muốn ám chỉ những người lãnh đạo phong trào Fulro Dega tại hải ngoại, đó là hai ông Ksor Kork và Y Jut Buonto.

Theo chỗ tôi biết, tổ chức Fulro Dega chỉ hoạt động trong cộng đồng người Thượng tại Mỹ mà thôi. Trong nội địa Việt Nam tổ chức này không ai biết tới và không có ảnh hưởng gì, nhưng đó cũng đủ là lý do để những vị đại diện

chính quyền Hà Nội bắt bớ, giam cầm và đánh đập những người chống đối. Ông Lê Minh Hương còn ra lệnh cho công an tràn vào các trại tị nạn bên Campuchia bắt những người đang ở trong các trại tị nạn về nước giam cầm và tra tấn. Sự kiện này đã khiến hai tổ chức Bảo Vệ Nhân Quyền và Ân xá Quốc Tế lên tiếng phản đối và lên án Hà Nội vi phạm công ước quốc tế về quyền con người và làm áp lực lên chính quyền Phnom Penh để hồi hương cưỡng bách hàng ngàn người Thượng khác về nước. Thật là dã man và độc ác, mất hết tính người.

Trong thực chất, biến cố tháng 2-2001 trên Tây Nguyên không phải do ngoại bang xúi giục như bà Phan Thúy Thanh, phát ngôn viên bộ ngoại giao, không ngớt lặp đi lặp lại. Đó là một phong trào tự phát tranh đấu cho quyền sinh tồn của một dân tộc đang bị đẩy tới trước một hố thẳm diệt chủng. Những sắc tộc Êđê, Djarai, Bahnar, Kaho cùng nhiều sắc tộc Thượng khác đã hợp tác với nhau

để đòi quyền được sống bình thường như những người khác trong một đất nước Việt Nam bao dung và có tình người. Hà Nội lúc nào cũng tuyên bố rùm ben là Việt Nam có tự do, dân chủ và tình người, sự thật là không có gì cả. Tự do gì khi chúng tôi không được quyền theo đuổi tín ngưỡng của mình ? Dân chủ gì khi chúng tôi không có quyền làm chủ đất đai canh tác, những mảnh đất mà cha ông chúng tôi từ ngàn xưa đã đổ mồ hôi và sinh mạng

ra để bảo vệ và truyền lại cho con cháu ? Tình người ở đâu khi đi đâu chúng tôi cũng bị phân biệt đối xử, từ trong trường học đến các cơ quan nhà nước, từ trên đường phố đến trong chợ búa. Đảng và nhà nước này còn xứng đáng để được người dân quý trọng nữa hay không khi những lời hứa lúc chưa nắm chính quyền đã bị nuốt chửng ?

Chúng tôi không chống người Kinh, không chống Đảng và Nhà nước cộng sản Việt Nam. Chúng tôi chỉ chống lại chính sách và đường lối khắt khe và tàn bạo của chính quyền đối với đồng bào Thượng của chúng tôi. Chúng tôi chống lại chính sách thanh lọc nòi giống, đàn áp những dân tộc yếu kém hơn mình.

Hy vọng được toàn thể cộng đồng người Việt khắp năm châu và trong nước ủng hộ.

Ya Biloh (Cheo Reo)



Nhà Rong của người Bahnar

Giới thiệu sách mới

From Enemy to Friend (*Từ thù thành bạn*) của nhà báo Bùi Tín do giáo sư Nguyễn Ngọc Bích chuyển ngữ sang tiếng Anh. Sách dày 200 trang, bìa màu, in đẹp. Đây là một cuộc đối thoại sống động giữa các cựu chiến binh Mỹ, Canada, Úc, Pháp, Việt Nam Cộng Hòa, Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và các nhà nghiên cứu về chiến tranh, chiến lược, chiến thuật, quan hệ Việt-Mỹ trong quá khứ, hiện tại và tương lai...

Đặt mua : US Naval Institute Press, 291 Wood Road, Maryland, PE 21402, USA. Giá: 24,95 USD.

Dịch vụ phí ngân hàng, ôi nổi khổ !

Vừa từ Việt Nam về lại Pháp, tôi viết thư này tới tòa soạn *Thông Luận* để thông báo thời sự. Lần này tôi nói về lệ phí ngân hàng. Đó không những là nỗi khổ của riêng tôi mà có lẽ cũng là nỗi khổ chung của những Việt kiều về Việt Nam ở lại lâu ngày.

Trong dịp Tết vừa qua, tôi về lại quê nhà thăm gia đình và đi thăm đất nước. Về hưu mà. Với bản tính phồng xa, tôi mang theo một số tiền tương đương 10.000 USD (hơn 12.000 EUR), vì ở Việt Nam người ta chỉ tính bằng đô la, vừa cho gia đình vừa để tiêu xài. Tưởng với chừng đó tiền tôi có thể ở lại sáu tháng nhưng, than ôi, tôi phải về lại Pháp trước hạn kỳ. Tất cả chỉ vì lệ phí ngân hàng.

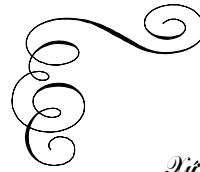
Ngay ngày hôm sau khi vừa đến Sài Gòn, tôi liền tìm một ngân hàng ở Việt Nam để mở trương mục gửi tiền, cho chắc ăn và cũng là thói quen của người ở nước ngoài. Cần bao nhiêu thì rút bấy nhiêu. Sài Gòn có khá nhiều ngân hàng, Việt Nam có, ngoại quốc có. Người nhà khuyên nên gửi vào ngân hàng ACB (Asia Commercial Bank, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh) vì đây là một ngân hàng tư nên sự tiếp đãi ân cần hơn tại các ngân hàng nhà nước. Tại đây, nhân viên ngân hàng cho biết dịch vụ phí mở trương mục cho người nước ngoài như tôi là 5%. Chưa chi tôi đã mất 500 USD lệ phí.

Ba ngày sau tôi trở lại ngân hàng để rút tiền xài, vì không có thể tín dụng, người ta cho biết dịch vụ phí rút tiền mặt là 2,75% trên số tiền muốn rút. Chưa hết, còn phải cộng thêm dịch vụ phí quản trị ngân hàng 0,5% nữa. Như vậy tôi phải chịu 3,25% dịch vụ phí cho bất kể số tiền muốn rút ra là bao nhiêu. Tôi muốn rút 1.000 USD, người ta lấy của tôi 32,5 USD dịch vụ phí. Mười ngày sau tôi muốn rút một số tiền lớn hơn (2.500 USD) để cho người nhà, tôi lại mất thêm 81,25 USD dịch vụ phí. Đang cự nự với cô nhân viên thì ông giám đốc điều hành ra giải thích : mỗi lần rút tiền, bất cứ là bao nhiêu, người rút tiền đều phải trả một tỷ lệ dịch vụ phí cố định như thế. Rút kinh nghiệm này, tôi ra ngân hàng rút nhiều tiền hơn cho những lần sau, hai ba lần gì đó, để tránh bị trả thêm dịch vụ phí. Hai tháng sau, không thấy ngân hàng gửi giấy báo tồn ngân, tôi lại ra ngân hàng hỏi. Không ai có thể cho tôi biết trương mục ngân hàng của tôi còn lại bao nhiêu sau những dịch vụ phí cắt cổ chẳng chèo đó, lấy thẳng từ trương mục của tôi. Tôi chỉ biết tính nhẩm để đoán mình còn bao nhiêu phòng khi nào cần thì vào ngân hàng rút tiếp. Cũng may sau đó con gái lớn của tôi từ Pháp về chơi có cho tôi thêm một ít tiền xài nên tôi không còn ra ngân hàng rút tiền nữa. Mà thật sự tôi cũng không biết tôi còn bao nhiêu tiền để rút.

Sau khi đi thăm khắp nơi, tôi quyết định về lại Pháp sớm hơn định kỳ. Ra ngân hàng hỏi thủ tục chuyển tiền về Pháp, tôi càng chưng hửng. Người ta nói tôi không có quyền rút tiền mặt và khóa trương mục để mang ra nước

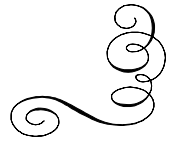
Thơ

Gặp lại người quen



Tình cờ ta gặp lại em
Đã người lưu lạc ngỡ quên nhau rồi
Cũng may còn chút gì rơi
Rớt trong ánh mắt nụ cười ngày xưa
Tóc em sợi nắng sợi mưa
Nét mai ra vẻ xé lười cũng nhiều
Giữa dòng lưu lạc gieo neo
Thương em tay chống tay chèo lê loi
Thơ Kiều lục bát nổi trôi
Cỏ vằn nào vện vào đời em chẳng
Nợ dẫu tội nghiệp thân làm
Em tôi đan dẫu nợ nần hồng nhan
Cũng lèo lèo với đũa đoan
Để rồi hạt vuyết dờ dang nửa chừng
Nửa chừng nhắm mắt đưa chân
Để rồi lặn hụp giữa dòng mộng mênh
Nhìn em rồi ngắm lại mình
Cũng trôi nổi cũng lênh đênh theo dòng
Quê nhà một bóng hai hồng
Hỏi thu thu đợi, hỏi đông đông chờ
Hỏi xuân xuân quá hững hờ
Hỏi tình lưu lạc ngu ngơ đáp lời
Nhìn nhau như thể cũng cười
Mà sao thấm thía chiều ơi xứ người

Sông Lô Lê Nam Sơn



ngoài, phải chuyển qua ngân hàng. Trời ơi, luật lệ gì mà kỳ cục quá vậy trời. Người có tiền không có quyền muốn làm gì thì làm số tiền sở hữu của mình ? Biết là cự nự vô ích, vì nhân viên ngân hàng làm việc theo luật ngân hàng của nhà nước, tôi mới hỏi thủ tục chuyển ngân ra nước ngoài. Lại thêm một loạt dịch vụ phí nữa. Xin kể:

- Dịch vụ phí chuyển ngoại hối : 5% trên tổng số tiền muốn chuyển.

- Dịch vụ phí quản trị ngân hàng : 0,5%.

- Dịch vụ phí báo tin (fax, email, telex, telegram) cho ngân hàng ở ngoại quốc : 20 USD.

- Dịch vụ phí quản trị phải trả cho ngân hàng trung gian thêm 20 USD nữa vì không được chuyển thẳng cho ngân hàng của mình.

- Dịch vụ phí trả cho ngân hàng chủ quản ở Pháp : 75 USD (chung cho tổng số tiền chuyển).

Như vậy, sau khi trừ tới trừ lui, tôi phải chi thêm hơn 250 USD, tức thêm 10% dịch vụ phí nữa, vì chỉ còn trên dưới 2.500 USD trong trương mục. Phải làm dữ lắm người ta mới cho tôi biết số tồn trong trương mục của tôi còn lại bao nhiêu, người phụ trách không phải là cô nhân viên hay ông giám đốc mà là một ông khác, ở phòng kế bên không tiếp khách. Dịch vụ phí ngân hàng ở Việt Nam, ôi trăm phương ngàn kế để xiết cổ khách hàng !

Phan Ngọc Nhuận (Bordeaux)

"Lập trường ba phải" ?

Được đọc bài "Lá thư chủ nhiệm" của ông Nguyễn Văn Huy đăng trên *Thông Luận* số ra tháng 5-2002, tôi xin có vài ý kiến.

Trong bài này tôi thấy có một đoạn : "*Thông Luận có tham vọng là tờ báo độc đáo, sắc bén, khai phá và nghiêm chỉnh – trong đó không có vấn đề nào cấm bàn đến cũng như không có ý kiến nào cấm nêu ra. Đó là diễn đàn chính trị của những con người tự do...*".

Câu này hoàn toàn đúng nếu nhóm của ông hoàn toàn là những nhà báo chuyên nghiệp để phục vụ cho độc giả. Vì báo chí luôn luôn vô tư và công bằng. Đằng này, theo tôi biết, nhóm của ông là những người hoạt động chính trị đang tranh đấu cho tự do, dân chủ tại Việt Nam. Có phải như vậy không, thưa ông Huy ?

Khi một số người quy tụ lại thành một nhóm, một hội đoàn, một đảng phái để hoạt động cho công ích, người ta thường vạch ra một mục tiêu chung, một hướng đi nhất định và một lập trường vững chắc. Người ta thường ra một tờ báo để nói lên lập trường của mình.

Bây giờ các ông chủ trương tờ báo muốn viết gì thì viết, để tỏ tình thần yêu tự do của các ông. Như vậy nhóm của các ông đang hoạt động chính trị với một "lập trường ba phải" ? Khi nói thế này khi nói thế kia, đó là kết luận của độc giả đi đọc báo của các ông. "Tình thần tôn trọng tự do của kẻ khác chỉ nên thể hiện và áp dụng cho một tập thể có nhiều nhóm, nhiều đảng phái ở trong một xã hội, một đất nước".

Nếu một nhóm, một hội đoàn, một đảng phái mà có những người khác nhau về chính kiến thì sẽ bị tan ngay, và đôi khi còn sinh ra hận thù nữa. Xin hãy thận trọng về điểm này thì mới làm nên đại sự được. Phải biết nghe lời bàn của nhau để đi đến một ý kiến chung trước khi đưa lên báo chí để độc giả thấy được đường lối của quý vị.

Cầu chúc ông chủ nhiệm hoạt động hăng say để cứu nước.

Lê Thị Thảo (Paris)

LTS : Cảm ơn ý kiến của bà Lê Thị Thảo. Dĩ nhiên, như bà nói rất đúng, một tổ chức tranh đấu phải có lập trường. Lập trường của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên thể hiện qua những bài xã luận và qua những tài liệu ký tên Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên. Tuy nhiên *Thông Luận* vẫn đăng tải những bài có ý kiến khác khi nhận thấy có lý luận nghiêm chỉnh để độc giả có thêm yếu tố suy nghĩ. Kính mến. NVH

Tìm đọc *Thông Luận*
và nhiều tiết mục khác trên
Thongluan website :
<http://www.thongluan.org>

Thời sự

Một tổ chức cực hữu tham gia chính quyền tại Hòa Lan

Lần đầu tiên trong lịch sử Hòa Lan, tổ chức LPF đã thắng vẻ vang trong cuộc bầu cử quốc hội ngày 15-5-2002 và sẽ tham gia cầm quyền trong những ngày sắp tới. LPF là tên viết tắt của List Pim Fortuyn (Danh Sách Pim Fortuyn), do Pim Fortuyn thành lập để ra tranh cử vào cơ quan lập pháp lần này.

Theo kết quả của cuộc bầu cử ngày 15-5 vừa qua, đảng Lời Hiệu Triệu Công Giáo Dân Chủ (CDA), trung hữu, do ông Jan Peter Balkenende (46 tuổi) lãnh đạo, được 43 trên tổng số 150 ghế trong quốc hội (28%), nhóm cực hữu LPF từ không có ghế nào được 26 ghế (17%). Hai đảng này sẽ được nữ hoàng Hòa Lan, Beatrix, chỉ định thành lập chính phủ trong những ngày sắp tới. Hai đảng trong liên minh cầm quyền, đảng Lao Động (PvdA, khuynh hướng xã hội) của đương kim thủ tướng Wim Kok và đảng Tự Do (VVD, hữu xã hội), mỗi đảng được 23 ghế (mất 37 ghế), sẽ trở về vị trí đối lập.

Có một cái gì trầm trọng đang xảy ra trong tâm lý người Hòa Lan, một dân tộc nổi tiếng là giàu có và bao dung. Một nhóm cực hữu vô danh, chưa có cả tên, chủ trương kỳ thị dân tộc, bỗng một sớm một chiều trở thành lực lượng chính trị thứ nhì của Hòa Lan. Báo chí giải thích là lãnh tụ cực hữu Pim Fortuyn bị ám sát mười ngày trước ngày bầu cử quốc hội do đó gây phẫn nộ trong dư luận và người ta đã dồn phiếu cho nhóm LPF để bày tỏ sự bất mãn, lập luận này không đủ tính thuyết phục. Theo các cuộc thăm dò dư luận trước đó, nhóm LPF sẽ là lực lượng chính trị thứ nhì của Hòa Lan và sẽ thắng cử với tỷ lệ trên dưới 18%. Lý do thực sự là người Hòa Lan không còn tin tưởng vào các chính sách xã hội của đảng Lao Động trong suốt tám năm cầm quyền nữa và đã dồn phiếu cho các đảng phái hữu và cực hữu, với hy vọng vấn đề người nhập cư ngoại quốc, trong đó có cả người Việt Nam, sẽ được sớm giải quyết vì sự hiện diện của những người này đang là một đe dọa và là một gánh nặng cho xã hội Hòa Lan.

Sự ủng hộ phong trào cực hữu của người Hòa Lan không phải là một trường hợp cá biệt, đó là phản ứng chung của các dân tộc Châu Âu hiện nay. Mỗi lá phiếu bầu cho phe cực hữu là một nhả nhủ các chính quyền tương lai phải có biện pháp mạnh bạo để giải quyết tình trạng "những người nhập cư ngoại quốc không muốn" này mà các chính quyền trước đó đã tỏ ra bất lực. Những lá phiếu ủng hộ phe cực hữu cũng là phản ứng của một số thành phần dân tộc cực đoan muốn giữ gìn bản thể quốc gia trước trào lưu toàn cầu hóa, xóa bỏ mọi làn ranh phân chia giữa các quốc gia trong Liên Hiệp Châu Âu.

Trong thực tế, vấn đề người nhập cư ngoại quốc đang là một ưu tư lớn của các chính phủ dân chủ Châu Âu. Tuổi thọ của dân chúng Châu Âu ngày càng dài thêm trong khi

tỷ lệ sinh sản ngày càng giảm xuống hoặc không tăng. Theo những báo cáo mới đây của các tổ chức xã hội cho biết, đến năm 2010 các nước trong Liên Hiệp Châu Âu phải nhập khẩu ít nhất 15 triệu nhân công ngoại quốc vào làm việc để nuôi những người Châu Âu đến tuổi về hưu, năm 2040 con số nhân công ngoại quốc cần nhập vào là 50 triệu người. Nhận ai, loại ai, đó là một quyết định khó khăn. Trước nhu cầu xã hội cấp bách này, những khẩu hiệu dân túy của các phong trào cực hữu hiện nay là một cản trở cho những chiến lược nhân dụng dài hạn của từng quốc gia trong Liên Hiệp Châu Âu. Lên án những tư tưởng cực hữu (kỳ thị dân tộc và dân tộc cực đoan), chính vì thế, vừa là trách nhiệm của loài người văn minh vừa là để bảo vệ quyền lợi lâu dài của chính họ. (NVH)

Người Kyrgyzstan phản đối chính phủ nhường đất cho Trung Quốc

Ngay khi hay tin Hạ viện Kyrgyzstan vừa thông qua Hiệp ước biên giới của chính phủ ký với Trung Quốc ngày 13-5-2002, hàng ngàn người đã xuống đường biểu tình tại thủ đô Bishkek để phản đối. Theo Hiệp ước này, chính phủ Kyrgyzstan đã nhường cho Trung Quốc 900 km² đất đai ở vùng biên giới. Diện tích này tuy chỉ bằng 30% lãnh thổ đang có tranh chấp với Trung Quốc, nhưng dân chúng Kyrgyzstan cho rằng chính phủ đã nhân nhượng quá đáng lãnh thổ của cha ông.

Ngày 15-5, dân chúng Kyrgyzstan tiếp tục xuống đường biểu tình tại thủ đô Bishkek, số người đã lên tới 11.000. Đoàn biểu tình tập trung trước trụ sở quốc hội hô vang khẩu hiệu phản đối việc ký kết hiệp định biên giới nhường đất cho Trung Quốc, tố cáo chính phủ phản bội tổ quốc và đòi phải từ chức. Một lực lượng cảnh sát được gọi đến để giải tán đoàn biểu tình và bắt giữ 97 người về tội biểu tình trái phép. Ngày 16-5, tại thành phố Aksy ở phía Nam dân chúng tiếp tục xuống đường và chặn xe cộ trên xa lộ Bishkek-Osh (từ miền Bắc xuống phía Nam Kyrgyzstan) để phản đối. Một dân biểu quốc hội ủng hộ cuộc biểu tình, ông Adimbek Beknazarov, đã chất vấn chính phủ và bị bắt liền ngay sau đó cùng hơn 50 người khác.

Ngày 17-5, Thượng viện Kyrgyzstan cũng thông qua hiệp ước đó, tức thì hàng chục ngàn người xuống đường phản đối, thủ tướng Kourmanbek Bakiev đã ra lệnh cho cảnh sát dẹp biểu tình và bắt thêm 90 người khác. Phong trào chống đối tiếp tục dâng cao trong những ngày kế tiếp. Ngày 22-5, tổng thống Askar Akayev cách chức thủ tướng Kourmanbek Bakiev để trấn an dư luận nhưng phong trào chống đối vẫn tiếp tục. Kyrgyzstan hiện nay đang rất hỗn

loạn, chưa biết tương lai sẽ như thế nào.

Một yếu tố quan trọng khác cũng nên lưu ý là sự hiện diện của 1.900 biệt kích Mỹ và Pháp tại Kyrgyzstan để ngăn chặn quân khủng bố Al Qaeda tại Afghanistan dọc biên giới. Sự kiện này có lẽ đã là yếu tố khuyến khích dân chúng Kirgyzi nổi lên chống đối chính phủ với hy vọng được thế giới phương Tây, đặc biệt là Hoa Kỳ, chú ý giúp đỡ về mọi mặt để thoát khỏi gọng kìm của Nga và sức ép của Trung Quốc.

Kyrgyzstan là một quốc gia đất rộng, người thưa (143.000 km², 6.400.000 dân, 45 người/km²). Trong suốt dòng lịch sử, người Kirgyzi đã không ngừng chống đỡ những cuộc xâm lăng của người Thổ, người Mông Cổ, người Hoa rồi người Nga. Năm 1924 Kyrgyzstan trở thành một quốc gia (tự trị) trong Liên Bang Xô Viết, mang tên Kirghizia và thủ đô là Frunze (Frunze là tên một người Nga làm bộ trưởng quân sự và tổng tham mưu trưởng của Liên Xô trong những năm 1924-1925). Khi Liên Bang Xô Viết tan vỡ năm 1991 người Kirghizi tuyên bố độc lập, lấy lại tên cũ là Kyrgyzstan và thủ đô là Bishkek. Kyrgyzstan hiện nay là một trong 15 quốc gia độc lập trong Cộng Đồng Các Quốc Gia Độc Lập thuộc Liên Bang Xô Viết cũ.

Trông người lại nghĩ đến ta. Ngay khi hay tin chính phủ của họ nhượng đất cho ngoại bang, dân chúng Kyrgyzstan đã biểu lộ lòng yêu nước bằng cách xuống đường rầm rộ trong khi người Việt, cũng bị chính quyền nhường trên 720 km² đất đai và hơn 10.000 km² trên biển cho Trung Quốc,

đã không có hặc không dám biểu lộ một phản ứng tập thể nào. Chính phủ Kyrgyzstan đã lúng túng không dám có phản ứng mạnh trước sự phẫn nộ của dân chúng trong khi chính quyền cộng sản Việt Nam vẫn nhõn nhõn nói hươu nói vượn và thẳng tay giam cầm những người lên tiếng phản đối những phần lãnh thổ bị mất vào tay ngoại bang.

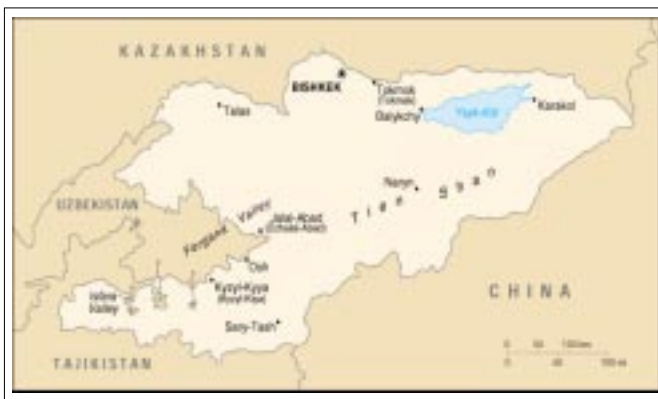
Bài *Tiểu Quân Ca* có còn làm những người cộng sản hãnh diện mình là người Việt Nam và đất nước mình không ? (NVH)

Tajikistan mất thêm đất về tay Trung Quốc

Trong chuyến viếng thăm Bắc Kinh tuần lễ thứ 20 năm 2002, tổng thống Tajikistan, ông Emomali Rakhmonov, cũng đã ký một hiệp ước nhượng cho Trung Quốc hơn 1.000 km² đất đai dọc biên giới phía Đông vùng Mourgabski.

Cũng nên biết Tajikistan có 519 km dọc biên giới với Trung Quốc, hiện đang do quân lực Nga bảo vệ và sẽ rút hết về nước trong tháng 6 tới đây.

Đối với một quốc gia chỉ có 6 triệu dân và 143.000 km² đất, 1.000 km² là rất lớn, gần 1% lãnh thổ. Đây là lần thứ ba Tajikistan mất đất về tay Trung Quốc, lần này thì mất nhiều nhất. Hiện nay Tajikistan đang có loạn lạc, dân



chúng đang ủng hộ phong trào hồi giáo toàn nguyên, do Hizbi lãnh đạo, đang muốn lật đổ chính quyền Rakhmanov.

Năm 1999 chính phủ Tajikistan đã ký với Trung Quốc một hiệp ước hữu nghị, qua đó Trung Quốc sẽ võ trang cho quân đội Tajik để cùng nhau chống lại phe hồi giáo toàn nguyên trên lãnh thổ Tajikistan cũng như tại Trung Quốc. Để bù lại, chính quyền Tajikistan sẽ nhường cho Trung Quốc một phần lãnh thổ đang có tranh chấp dọc biên giới hai nước, phần lớn là những vùng núi non hoang vu không có người ở.

Không riêng gì với Tajikistan, cả Kyrghyzistan và Kazakstan cũng đã ký với Trung Quốc những hiệp ước tương tự để được bảo vệ khi cần trước phong trào hồi giáo toàn nguyên đang phát triển nhanh trong vùng vì Nga đang bận tâm với những vấn đề nội bộ không thể bảo vệ những đồng minh cũ. (NVH)

Cuba : màn chót ?

Không ai là tiên tri tại quê mình. Nhất là khi mình đã thuộc vào quá khứ ở một nước chỉ biết có hiện tại và tương lai như nước Mỹ. Nhưng người ta vẫn có thể thành công ở xứ người và đi vào lịch sử trong vinh quang.

Jimmy Carter đắc cử tổng thống Mỹ năm 1976, thất cử sau bốn năm được coi là bi đát nhất cho nước Mỹ : kinh tế suy thoái, phong trào cộng sản tràn ngập khắp nơi, lan sang cả lục địa Mỹ, nhiều nước đồng minh chao đảo, phe Hồi Giáo cực đoan lật đổ vua Palevi tại Iran và bắt giam các nhân viên tòa đại sứ Mỹ.

Thất bại, Jimmy Carter khiêm tốn rút về địa vị của một thường dân Mỹ tha thiết với nhân quyền và hòa bình. Ông có mặt ở khắp nơi như là một "nhân chứng tích cực" cho các cố gắng dân chủ hóa. Ông cũng rất tận tụy trong cố gắng làm dịu các căng thẳng và đem lại hòa bình. Những cố gắng của Carter thường chỉ đem lại những kết quả khiêm nhường nhưng dần dần biến ông thành một khuôn mặt khả ái trên thế giới. Ông đã nhiều lần được đề nghị cho giải Nobel về hòa bình.

Chính sự không xuất sắc của Carter đem lại cho những chuyến đi của ông một ý nghĩa đặc biệt : người ta chỉ mời ông khi đã chọn lựa con đường dân chủ hóa chứ không phải để dựa vào uy tín rất tương đối của ông để vận động cho một mục tiêu nào.

Trung tuần tháng 5 vừa qua, Carter sang Cuba theo lời mời của Fidel Castro và được tiếp đón với nghi thức long trọng dành cho một nguyên thủ quốc gia. Castro luôn luôn đi sát bên ông và dành cho ông mọi vinh dự. Vinh dự đặc biệt nhất là Carter đã được mời nói chuyện ở trong đại học La Habana và diễn văn được trực tiếp truyền hình, không qua bất cứ một kiểm duyệt nào. Carter đã nhân cơ hội nói lên điều ông muốn là Cuba phải chuyển hóa về dân chủ. Carter thẳng thắn đả kích chính sách độc đảng của Fidel Castro và phổ biến lời kêu gọi dân chủ hóa của hơn một ngàn người đối lập Cuba. Fidel Castro chăm chú theo dõi bài diễn văn và vỗ tay nồng nhiệt. Một cách gián tiếp Fidel Castro đã chấp nhận dân chủ hóa Cuba. Phản ứng của

chính quyền Bush : không thèm nói chuyện với Cuba, vẫn giữ nguyên cấm vận.

Fidel Castro năm nay 75 tuổi, kém Carter 2 tuổi, nhưng suy nhược hơn hẳn về thể chất. Nhiều lúc ông đi đứng lảo đảo, nói chuyện không mạch lạc, quên những gì vừa nói. Có lẽ thấy cái chết đã gần kề, Castro muốn tìm một lối thoát cho chế độ độc tài mà ông đã lập ra từ hơn 40 năm qua. Nhưng có thể là đã trễ. Việc Mỹ từ chối bàn tay đưa ra của Castro chứng tỏ họ chắc chắn chế độ cộng sản Cuba sắp sụp đổ và không còn gì để thương lượng nữa. Như vậy chuyến thăm viếng của Carter đã không cứu được chế độ cộng sản Cuba mà chỉ làm nó sụp đổ nhanh hơn, vì sau cuộc thăm viếng này mọi người Cuba đều hiểu là chế độ Castro đã đến ngày cáo chung. Các biến cố có thể sẽ đến rất dồn dập, nhất là nếu Castro chết bất thành linh.

Sau chế độ Castro, thế giới sẽ chỉ còn lại ba chế độ độc tài cộng sản, tất cả đều ở Đông Á : Trung Quốc, Việt Nam và Bắc Triều Tiên, trừ trường hợp một trong những chế độ này cáo chung trước chế độ Cuba, nghĩa là trong vòng vài năm tới. (NVH)

Bầu cử quốc hội

Ngày 19-5 vừa qua, ở Việt Nam đã có bầu cử Quốc Hội khóa XI. Chính quyền tuyên bố là 98,95% nhân số cử tri đi bỏ phiếu. Báo *Nhân Dân* ngày 20-5-2002 đăng số phiếu kiểm nhận ở mỗi tỉnh ; hầu hết trên 99%, với Vũng Tàu, Đà Nẵng, Quảng Nam : 99,99% ; thấp nhất là Bình Dương : 95,85%.

Tuy nhiên, các hãng thông tấn ngoại quốc có phái viên ở quốc nội đều nhận định rằng tỉ lệ tuyệt hảo như vậy không che dấu nổi sự thờ ơ của dân chúng. Cảnh tượng hoàn toàn tương phản với sự nhiệt náo và sôi động của những cuộc đầu phiếu cùng thời điểm ở các nước thực sự dân chủ như Hòa Lan, Bỉ, và Pháp.

Theo *AFP*, rất nhiều người đã bỏ phiếu với thái độ miễn cưỡng. Một bà nội trợ nói toạc ra : "*Ai cũng biết cuộc tuyển cử này không thay đổi được điều gì, chỉ làm lãng phí tiền dân đóng thuế* ». *Giáo sư Đặng Vũ Khiêu, 87 tuổi, từng tham dự 11 lần bầu cử, phê bình : "Tổng quát, kỳ này y hệt những kỳ trước. Duy tổ chức khá hơn mà thôi"*.

Báo *Lao Động* ngày 21-5-2002 loan báo chỉ có một vụ trục trặc trên toàn quốc. Ủy ban bầu cử đã quyết định hủy bỏ phiếu bầu của Khu vực số 2, Đơn vị bầu cử số 2, tức là Thôn Dương Lôi, Xã Tân Hồng, Huyện Từ Sơn, Bắc Ninh. Quyết định cho hay vì "*không thực hiện đúng quy trình, nên tổ bầu cử đã không xác định được những ai đã thực hiện quyền bầu cử*".

Lý do viện dẫn làm nảy sinh thêm thắc mắc. Phải chăng số phiếu quá ít, hay quá nhiều so với số cử tri ? Nếu số phiếu hợp lý, tại sao còn phải xác định ai đã bỏ phiếu ? Theo lẽ, tổ tuyển cử biết rõ hình dáng cùng tình trạng từng người trong thôn, ai khỏe, ai đau, ai vắng nhà. Vậy khó lòng có ai gian lận, bỏ phiếu nhiều lần, hay bỏ hộ người khác không có ủy nhiệm ; ai không bỏ phiếu đứng hòng qua mặt. Biện pháp áp dụng cũng lạ kỳ : thay vì khấu trừ số

phiếu ở Thôn Dương Lô trong kết quả ở Đơn vị số 2 như thể thức thường áp dụng ở các nước dân chủ khi có sự vi phạm luật tuyển cử, ủy ban bắt buộc toàn thể cử tri của thôn đi bầu lại vào ngày 24-5-2002 ! Thể thức bầu lại này có được dự liệu trong luật bầu cử không ? Tổ bầu cử ngày 19-5 lại phụ trách việc bỏ phiếu ngày 24-5 chẳng ?

Tiến bộ duy nhất của kỳ tuyển cử này là tổng số ứng viên và tỉ lệ ứng viên "ngoài đảng" gia tăng. Đã có 759 ứng viên ra tranh 498 ghế ; gồm 633 đảng viên do các cấp bộ đề cử, và 125 không phải là đảng viên do Mặt Trận Tổ Quốc đề cử. Bốn vị ngoài đảng "tự ứng cử", các ông Phạm Quế Dương, Trần Dũng Tiến, Nguyễn Duy Thường, Trịnh Lương đã bị gạch tên ngay ở cấp thanh lọc trong khu vực trú sở.

Dù sao sẽ có đến 261 ứng viên tất nhiên bị loại. Một thiếu sót "ngoài đảng" mà vẫn là "tay trong" - ưu tiên là mấy kẻ cò mồi khoác nhãn đại diện tôn giáo quốc doanh, vài thành viên sắc tộc hình nộm - sẽ được chiếu cố. Nhưng chắc chắn có sự ganh đua ngấm ngầm giữa các bè nhóm (công an, quân đội, địa phương, v.v.) để người phe cánh không bị lọt sổ ; ngõ hầu sau này có lực lượng đủ gây áp lực tranh chức tranh quyền hay chạy tội tham nhũng.

Cho tới khi *Thông Luận* lên khuôn, danh sách những người trúng cử vẫn chưa được công bố. (NVT)

Gia đình Nguyễn Khắc Toàn khiếu nại

Ngày 9-5-2002, ông Nguyễn Văn Bai, thân phụ anh Nguyễn Khắc Toàn đã làm đơn khiếu nại việc công an bắt con ông quá thời hạn tạm giam 4 tháng mà không phóng thích, cũng không giải tòa.

Nguyễn Khắc Toàn, sinh năm 1955, cựu sĩ quan, tốt nghiệp đại học sư phạm và đang điều hành một công ty trách nhiệm hữu hạn đã bị bắt giam từ ngày 8-1-2002 trong lúc đang gửi một điện thư qua mạng internet. Từ đó gia đình không hề được thăm viếng.

Trước khi bị bắt, anh Toàn thường gửi ra nước ngoài những bản tin về việc đồng bào các nơi rủ nhau về Hà Nội khiếu kiện tập thể. Anh Toàn cố gắng vận động sự yểm trợ của dư luận thế giới cho những đồng bào bị oan ức này.

Vài ngày sau khi anh Toàn bị bắt, một người bạn của anh Toàn là Vũ Ngọc Bình, cũng sinh năm 1955, và tốt nghiệp đại học tổng hợp ban hóa học, cựu trợ giáo Đại Học Tổng Hợp Hà Nội cũng bị bắt vì bị kết tội tiếp tay cho anh Toàn. Anh Bình cũng không được gặp gia đình từ ngày bị bắt.

Ngoài ra, người thanh niên đầy nhiệt huyết Lê Chí Quang, 31 tuổi, đã bị bắt giam từ ngày 21-2-2002 trong lúc đang gửi một điện thư. Gia đình Lê Chí Quang đã được gặp Quang hai lần để đưa thuốc men vì Quang bị bệnh thận nặng.

Phạm Hồng Sơn, 32 tuổi, bác sĩ y khoa, tốt nghiệp cao học kinh doanh và giám đốc thương mại một công ty ngoại quốc tại Hà Nội, bị bắt từ ngày 27-3. Phạm Hồng Sơn hoàn toàn không có một tội danh nào. Sơn chỉ có một "tội" duy nhất là đã dịch một cuốn sách tiếng Mỹ tựa đề "Thế nào

là dân chủ" và gửi cho nhiều cấp lãnh đạo Hà Nội. Độc giả có thể xem tài liệu này trên Web Thông Luận (www.thongluan.org). (NSB)

Đồng chí Năm Cam

Từ đầu tháng 5-2002, vụ Năm Cam lại sôi nổi hơn nữa, lần áp hấn cuộc bầu cử quốc hội ngày 19-5. Lần này nhiều nhân vật quan trọng được báo chí nêu đích danh là có liên hệ.

Nhắc lại : Năm Cam, tên thật Trương Văn Cam, đứng đầu một băng đảng xã hội đen, tổ chức sòng bài, nhà chứa, tổng tiền các tiệm ăn, kể cả giết người. Năm Cam bị bắt từ cuối năm 2001. Sau đó vụ Năm Cam tiếp tục gây bàn tán, dư luận thì thâm là có nhiều viên chức cao cấp ăn chia với Năm Cam. Lờn đồn đãi ngày càng lan rộng, rồi đầu tháng 3-2002, thiếu tướng công an Trương Hữu Quốc tuyên bố với báo chí là đã có hai thượng tá công an Dương Minh Ngọc và Nguyễn Mạnh Trung bị cách chức và bị điều tra trong vụ này. Ông Quốc cũng cho biết là vào lúc đó đã có hơn 70 người bị bắt giam. Thế là những tin đồn bắt đầu được xác nhận và chúng dần dần dẫn tới một khuôn mặt lớn, gần như là một khuôn mặt lịch sử của Đảng và nhà nước cộng sản : ông Võ Văn Kiệt.

Ngày 5-5-2002, ông Võ Văn Kiệt đích thân nhập cuộc bằng cách trả lời một cuộc phỏng vấn của báo *Tiền Phong Chủ Nhật*. Ông cho biết quả thực Năm Cam đã bị bắt năm 1995 khi ông còn là thủ tướng và đã được trả tự do như tin đồn, vụ này ông đã giải quyết "có hội ý với hai đồng chí Đỗ Mười và Lê Đức Anh". Tuy ông Kiệt không nói rõ nhưng ai cũng hiểu là ông muốn dư luận hiểu rằng chính hai ông Đỗ Mười (lúc đó là tổng bí thư Đảng Cộng Sản) và Lê Đức Anh (lúc đó là chủ tịch nước, giữ địa vị chính thức số 2 trong Đảng nhưng thực quyền còn lớn hơn ông Đỗ Mười) đã chỉ thị phóng thích Năm Cam. Nhưng lời nói của ông Võ Văn Kiệt chỉ gây sôi nổi thêm. Người ta xôn xao tự hỏi tại sao việc một tên lưu manh bị bắt giam lại cần đến sự can thiệp của ba nhân vật cao nhất của chế độ : tổng bí thư, chủ tịch nước và thủ tướng ?

Ngày hôm sau, 6-5, đến lượt ông Bùi Thiện Ngộ, cựu bộ trưởng nội vụ lên tiếng. Ông Ngộ tuyên bố với báo *Thanh Niên* rằng ông đã chỉ phóng thích Năm Cam theo chỉ thị và khi từ chức đã bàn giao toàn bộ hồ sơ cho người kế vị ông là ông Lê Minh Hương. Ông Nông Đức Mạnh yêu cầu báo chí hãy chờ điều tra đừng khai thác vụ này, để tránh gây hoang mang cho dư luận, nhưng chỉ có hai tờ báo Đảng là *Nhân Dân* và *Quân Đội Nhân Dân* là nghe lời ông. Các báo khác vẫn tiếp tục phanh phui vụ này, nhất là hai tờ báo *Tiền Phong* và *Thanh Niên*.

Qua những phanh phui người ta được biết rằng "toàn bộ hồ sơ đã không còn toàn bộ vì một văn thư của một vụ trưởng công an kê rõ những tội danh trầm trọng của Năm Cam và yêu cầu không trả tự do trước thời hạn ba năm như đã qui định cho Năm Cam không còn. Mặt khác, người ta được biết người lập văn thư nhân danh thủ tướng yêu cầu trả tự do cho Năm Cam là ông Nguyễn Quốc Bảo,

chánh văn phòng của ông Võ Văn Kiệt. Ông Bảo, hiện là đại sứ tại Ouzbekistan, đã được triệu về nước để trả lời về vụ này. Ông Bảo cho hay là văn thư này do ông Đoàn Mạnh Giao thảo, còn ông Giao thì đã mất chức từ lâu rồi, hiện nay không biết đang ở đâu và không thấy lên tiếng. Một trong những phanh phui động trời, chưa được xác nhận hay phủ nhận, Năm Cam là nhân viên tình báo quân đội.

Vụ Năm Cam lại càng khó hiểu hơn nữa vì không những chỉ có giới công an mà giới báo chí cũng có liên hệ. Ông Trần Mai Hạnh, ủy viên trung ương đảng, tổng giám đốc Đài Tiếng Nói Việt Nam cũng bị điều tra vì đã vận động cho Năm Cam được trả tự do, ông Hạnh đã phải rút tên khỏi danh sách ứng cử viên vào quốc hội. Sau đó hai ông Nguyễn Đình Mạnh và Hồ Anh Dũng, tổng biên tập và phó tổng biên tập Đài Truyền Hình Việt Nam, đã lên truyền hình tuyên bố họ đã chỉ chuyển đơn xin phóng thích cho Năm Cam của vợ Năm Cam là Phan Thị Trúc đến phủ thủ tướng sau khi nhận được.

Vụ Năm Cam chắc chắn còn rất nhiều mờ ám. Điều chắc chắn là Năm Cam phải là một nhân vật rất đặc biệt và đóng một vai trò rất đặc biệt trong chế độ nên mới liên hệ tới cấp cao như vậy. Dân chúng Việt Nam bắt đầu gọi Năm Cam là đồng chí Năm Cam.

Còn bí mật lớn nào nữa trong vụ Năm Cam ? Có thể là chính ông Nông Đức Mạnh cũng có liên hệ. (NSB)

Biểu tình tại Hà Nội và Thái Bình

Từ hai năm nay, các vụ dân chúng kéo nhau về Hà Nội nộp đơn khiếu kiện tập thể ngày càng trở thành thường xuyên. Số người khiếu kiện trước trụ sở quốc hội, văn phòng tiếp dân và trụ sở trung ương Đảng cũng ngày càng đông. Từ đầu năm nay người ta thấy xuất hiện những tấm băng treo trên người những người khiếu kiện, nội dung phần lớn là đòi bồi hoàn nhà đất bị tịch thu.

Biến cố mới trong tuần lễ trước cuộc bầu cử quốc hội là những khiếu kiện tập thể này đã trở thành những cuộc biểu tình thực sự. Trong suốt tuần lễ từ ngày 8 đến 16-5-2002 hàng trăm nông dân đã kéo đến vườn hoa cạnh phố Mai Xuân Thưởng, nơi có trụ sở của ủy ban khiếu tố thuộc chính phủ, biểu tình đả đảo tham nhũng và bất công. Sáng ngày 10-5, khoảng một trăm nông dân khác đến tiếp sức cho đám biểu tình ngồi, tức thì một lực lượng công an từ trên ba xe vận tải nhào xuống giải tán và xô xát đã xảy ra, nhiều người đã bị thương, trong đó có một số cụ già. Ba người tình nghi khởi xướng cuộc biểu tình bị bắt và một cụ già khác đã chết vì kiệt sức.

Trong ba ngày 13, 14 và 15-5 một đám đông khác, khoảng 500 người, đã căng những biểu ngữ lớn và hô khẩu hiệu đả đảo tham nhũng và áp bức trước trụ sở quốc hội. Công an đã yêu cầu giải tán nhưng không được. Ngày 16-5 một lực lượng công an đông đảo từ nhiều xe bít kín nhảy xuống giải tán. Khoảng 40 người được coi là chủ động cuộc biểu tình này đã bị bắt chở đi một nơi chưa biết được.

Trầm trọng hơn cho chế độ là cuộc biểu tình tại Thái Bình. Khoảng 1.000 người, dẫn đầu là các bà mẹ liệt sĩ,

tiếp theo là cán bộ hưu trí và sau cùng là dân chúng đã biểu tình và tuần hành trong thị xã. Đoàn biểu tình hô khẩu hiệu đả đảo tham nhũng, bóc lột dưới những biểu ngữ lớn. Khác với Hà Nội, đoàn người này không tập trung những toán người đến với những khiếu kiện khác nhau. Đây là một cuộc biểu tình có tổ chức để chống tình trạng tham nhũng tại địa phương. Đã bắt đầu có những khẩu hiệu đòi dân chủ. Các dấu hiệu của xã hội Việt Nam ngày càng báo động đối với chế độ. (NVH)

Mãi dâm lan tràn đến những khu công nghiệp

Báo *Phụ Nữ* phát hành tại Sài Gòn, số ra ngày 12-5-2002, cho biết nạn mãi dâm đang lan tràn đến những khu công nghiệp : *“Vừa tan ca, một nữ công nhân ở khu công nghiệp Tân Thuận, quận 7, vội vàng dắt xe vào quán cơm xấp xỉ bên đường. 5 phút sau, cô bước ra với bộ váy tình tươm thay cho bộ đồ công nhân nhàu nát. Bà chủ quán giải thích : Đào, nó đi tăng ca (tiếng lóng chỉ việc hành nghề mại dâm) đó mà. Đêm nào cũng vậy”*.

Mãi dâm hiện nay là một vấn nạn lớn của Việt Nam. Con số thực thụ về số phụ nữ đang hành nghề mãi dâm rất khó kiểm chứng một cách chính xác. Các cơ quan phòng chống tệ nạn xã hội và báo chí trong nước đưa ra nhiều con số đáng sợ : hơn 120.000 người (riêng thành phố Sài Gòn đã có hơn 50.000 người được ghi nhận là hành nghề mãi dâm), nhưng trong thực tế con số đó phải nhân lên gấp ba hoặc gấp năm vì những cô gái hành nghề mãi dâm không chuyên nghiệp, như trường hợp cô Đào nói trên, rất nhiều. Nghề mãi dâm không chứa một thành phần xã hội nào, từ cô nữ công nhân, viên chức nhà nước đến các nữ học sinh, sinh viên, cô giáo và cả đến những phụ nữ đã có gia đình đang hoàng.

Tại sao chọn nghề mãi dâm ? Có rất nhiều lý do. Nhưng lý do chính là đời sống khó khăn. Xã hội Việt Nam từ một quốc gia nghèo và bị cắt hết liên lạc với thế giới bỗng một sớm một chiều mở cửa ra thế giới, thấy mình thua kém quá xa nên muốn đi tắt để có cuộc sống ngang bằng. Nhưng thực tế đã không cho phép, muốn có cuộc sống ngang bằng những dân tộc khác phải trải qua một quá trình cố gắng và đầu tư sức người và của cải lâu dài, vượt quá khả năng và sức chịu đựng của những người không kiên nhẫn. Kiên nhẫn làm sao được khi những người chung quanh, trước kia không hơn gì mình nay có mức sống cao hơn mình ? Cuộc chạy đua điên cuồng theo vật chất đã làm biến chất con người Việt Nam. Khi hàng rào đạo đức bị tiền bạc che khuất, không còn gì có thể ngăn cản cuộc sống sa đọa.

Lỗi này tại ai ? Chắc chắn không phải là những phụ nữ đang đi chào mời thân thể của mình vào mỗi chiều tối, họ chỉ là đứa con đáng thương do chế độ độc tài này đẻ ra. Cuộc sống càng khó khăn người dân sẵn sàng làm đủ mọi thứ để sống qua ngày, kể cả bán thân, trộm cướp và giết người, không còn ai nghĩ ngợi gì xa hơn cái bao tử của mình và của gia đình mình, nhờ đó Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ còn ngồi lâu ở địa vị lãnh đạo đất nước. (NVH)

Buổi họp mặt Câu lạc bộ Thân hữu Thông Luận

Thời gian gần đây Câu lạc bộ Thân hữu Thông Luận không họp được đều đặn. Đó là một điều đáng tiếc, nhất là vào lúc đất nước đang có nhiều thay đổi, phong trào dân chủ trong nước đang khởi sắc và đang bị đàn áp.

Lần này Câu lạc bộ đã họp lại ngày 12-5-2002 tại phòng Beethoven, Lognes, một thành phố ngoại ô phía Đông Paris, từ 15 đến 18 giờ. Buổi họp gồm ba phần : 1. Hiệp định biên giới Việt Trung về lãnh thổ và lãnh hải, cuộc bầu cử Quốc hội ngày 19-5-2002 ; 2. Sự nhập cuộc đấu tranh cho dân chủ của tuổi trẻ Việt Nam trong nước qua biểu tượng Lê Chí Quang ; 3. Sinh hoạt Câu lạc bộ. Hơn 30 người đã đến tham dự. Điều khiển buổi họp là Đoàn Long Giang, một thanh niên trẻ, 31 tuổi.

Trước khi đi vào chương trình, ông Nghiêm Văn Thạch phát biểu về vụ Unesco tuyên dương ông Hồ Chí Minh năm 1990 nhưng đã bị cộng đồng người Việt hải ngoại phản đối dữ dội, hơn 30.000 lá thư của người Việt từ khắp nơi đã gửi đến Unesco trong thời điểm đó.

Tiếp theo ông Nguyễn Gia Kiểng trình bày cách thức bầu cử Quốc hội Việt Nam. Vực hội này có 498 ghế, mỗi ứng cử viên phải được Mặt trận Tổ quốc giới thiệu và phải được một hội đồng đại biểu cử tri (do công an chỉ định) tại địa phương cho phép ra ứng cử. Có 759 người ra ứng cử, trong đó 633 là đảng viên Đảng Cộng Sản. Quốc hội cũ sẽ mãn nhiệm kỳ vào tháng 9 nhưng năm nay lại bầu nhiệm kỳ mới vào tháng 5, có lẽ là để chạy tội trước vì vấn đề lãnh thổ và lãnh hải Việt-Trung.

Nhân nói về biên giới, ông Nguyễn Quốc Nam, đại diện cho Liên minh Dân chủ, tố cáo tội bán nước của đảng cộng sản và đề nghị phổ biến tối đa sự kiện này trước dư luận Việt Nam, trong và ngoài nước, bằng mọi phương tiện thông tin có thể có. Ông Kiểng bày tỏ sự khó khăn về sau này để có thể đòi lại những vùng đất, vùng biển đã mất vì chữ ký Việt Nam có giá trị quốc tế, nhưng ông khẳng định rằng chữ ký này sẽ là bản án án tử hình cho Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Sang phần hai, Đoàn Long Giang giới thiệu văn tắt tiểu sử Lê Chí Quang, người thanh niên 31 tuổi tranh đấu cho tự do và dân chủ, bị bắt tại Hà Nội ngày 21-2-2002 trong lúc đang gửi điện thư ra nước ngoài. Hiện nay còn có ba thanh niên tranh đấu cho dân chủ khác đang bị bắt giam là : Nguyễn Khắc Toàn, Vũ Ngọc Bình và Phạm Hồng Sơn. Phạm Hồng Sơn là bác sĩ và là một nhà kinh doanh trẻ đầy tài năng đã "giác ngộ" dân chủ và tin rằng cuộc đấu tranh cho dân chủ sẽ thắng lợi. Ông Võ Xuân Minh nói 60% dân số trong nước dưới 25 tuổi, đây sẽ là thùng thuốc nổ lớn khi thời cơ đã chín muồi. Ông Nguyễn Thanh Hà, đại diện cho Hội Ái hữu Việt Nam miền Bắc Paris, đề nghị phối hợp các phương tiện thông tin truyền thông giữa các tổ chức dân chủ để làm mẫu số chung cho sự liên kết và làm việc chung và qua đó, có thể giúp đỡ thanh niên Việt Nam đấu tranh một cách hữu hiệu hơn.

Trong phần sinh hoạt câu lạc bộ, ông Trần Nhân Võ

Mục lục

1. Bầu cử quốc hội : một sự thờ ơ báo động
Thông Luận
2. Về một *mal français*
Nguyễn Gia Kiểng
5. Hãy phơi bày những điều ngang trái và phi pháp trong các hiệp định Việt-Trung !
Bùi Tín
7. Tôi không đi bầu !
Chân Tín
8. Ưu tư và cuộc sống của tuổi trẻ Sài Gòn hiện nay
Nguyễn Văn Huy
11. Để mở bế tắc kinh tế
Nguyễn Minh
12. Từ "cổ truyền" đến "hiện đại"
Tôn Thất Thiện
16. Bao-dung, bất-bao-dung và bất-khả-bao-dung
Trần Nhân Đạo
20. Hư cấu thật, hiện thực giả
Phạm Thị Hoài
22. Kể thắng, người thua ?
Phạm Việt Vinh
23. Bỏ mả
Tướng Năng Tiến
24. Lạc hậu và thoái hóa
Nghiêm Văn Thạch
25. Chúng tôi chống chính sách thanh lọc giống nòi
Ya Biloh
26. Dịch vụ phí ngân hàng, ôi nổi khổ !
Phan Ngọc Nhuận
26. Thơ : Gặp lại người quen
Sông Lô Lê Nam Sơn
27. "Lập trường ba phải" ?
Le Thị Thảo
27. Thời sự
32. Buổi họp mặt Câu lạc bộ Thân hữu Thông Luận
Đoàn Long Giang

trình bày kỹ thuật chống virus trong các điện thư ; bà Ánh Trần, điêu khắc gia nổi tiếng, giới thiệu cuốn sách mới nhất của bà về Phật Giáo "Đi về nẻo giác" ; ông Phan Trọng Chánh giới thiệu cuốn biên khảo văn học "Hô Xuân Hương nàng là ai ?" do ông soạn thảo ; ông Diệp Tường Bảo giới thiệu cuốn sách Pháp ngữ "Les frontières du Vietnam" do L'Harmattan xuất bản ; ông Nguyễn Quốc Nam giới thiệu buổi ăn trưa và làm việc của Liên minh Dân chủ vào ngày 22-6-2002 tại quán cơm Lê Lai quận 13 ; ca sĩ Kim Thu bày tỏ sự xúc động sau khi đọc xong cuốn "Tổ Quốc Ăn Năn" của Nguyễn Gia Kiểng và yêu cầu tác giả cho dịch sang tiếng Pháp để thế hệ thứ hai của cộng đồng người Việt tại Pháp có tài liệu nghiên cứu.

Buổi họp chấm dứt lúc 18 giờ 30 trong sự quyến luyến.

Đoàn Long Giang